



« ĂN VỐC HỌC HAY »

là châm ngôn của em.

Ăn cần phải nhai,
Nhai cần răng khỏe,
Răng cần
thuốc đánh răng

Perlön nuôi dưỡng,
có ly tử FLUOR màu nhiệm
bảo vệ ngà răng chống sâu răng.

Perlön bạn của răng non

HỒ THỒNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : NGUYỄN - VỸ

173

1-6-1966



Đặc-biệt PHẬT ĐẢN 2510

Khởi đăng từ

PHỔ THÔNG số 173



(tài liệu LỊCH SỬ mới)
từ Huế gửi về

★ NGUYỄN - UỶ

NGUỒN VUI = SỨC KHỎE

của mọi người và
trong mọi gia - đình



NƯỚC NGỌT CON CỌP Ở ĐÀU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SÔNG LÂU YÊU ĐỜI

PHỔ THÔNG

TẠP - CHÍ

GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn - Vỹ

Đòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ VIII ★ số 173 ★ I-6-1966

2.— Yêm-mộng Huế — Đà-nẵng	Nguyễn-Vỹ	7 — 10
3.— Tác dụng ảnh hưởng Phật giáo ở Việt Nam	Lan Đình	11 — 19
4.— Đôi giày (truyện ngắn)	Dương trử La	20 — 27
5.— Người đàn bà lừng danh : Messaline	Tân-Phong	28 — 33
6.— Huế hạ (thơ)	Trần Minh Phú	34
7.— Dấu vết (thơ)	Nguyễn Vương	35
8.— Một số thi ca đánh dấu thời loạn	Phạm văn Sơn	36 — 42
9.— Quái vật hồ Loch Ness	Tín Khanh	43 — 47
10.— Hội hoa đăng (thơ)	Thế Hồng Lam	48
11.— Phê bình nhân vật hiện đại T.T. Thích Trí Quang	Thiếu Sơn	49 — 55
12.— Bức thư Paris	Nguyễn văn Cồn	56 — 59
13.— Bình minh ca (thơ)	Hoàng Thắng	60
14.— Tuấn, chàng trai nước Việt	Nguyễn Vỹ	61 — 65

15.—	Điều văn lễ an vị pho tượng	Đức Quán Thế Âm . . . Thích Như Niệm	66 — 76
16.—	Thư gửi cô Diệu Thanh	Nguyễn-Vỹ	77 — 80
17.—	Bà giáo Timm (truyện dịch)	Thanh Việt Thanh	81 — 89
18.—	Bãi hoang (thơ)	Tống Minh Phụng	90
19.—	Bản hoài xuất thế của Đức Phật . .	T.T. Thích Đôn Hậu	91 — 95
20.—	Quan Thế Âm (thơ họa)	Phồ Thông	96 — 98
21.—	Phê bình sách: Những đêm không ngủ .	Quan Thúc	99 — 101
22.—	Yêm mộng Huế—Đà-nẵng	Nguyễn Vỹ	102 — 103
23.—	Vài ý nghĩ về báo chí Việt Nam . . .	Nguyễn Văn Hồng	104 — 108
24.—	Sách báo mới	Phồ Thông	109
25.—	Cảnh đồng sương mù (truyện) . . .	Mặc Tường	116 — 123
26.—	Thư bạn đọc	Phồ Thông	124 — 125
27.—	Đáp bạn bốn phương	Diệu Huyền	126 — 130
+	Hình Bìa : Chùa	Mạng cổ Ngọc Phật ở Thái Lan	



- ✱ Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cảo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
 - ✱ Bài lai cảo không đăng, không trả lại.
 - ✱ Các sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
 - ✱ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
 - ✱ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHỒ THÔNG, printed in Việt-Nam.

- Tổng phát hành PHỒ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đề-Thám — Saigon
- Tổng-phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
- Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP
13 Rue de la Montagne Ste Genève — PARIS Vè
(vente — abonnements — Publicité)



✱ Nguyễn-Vỹ

● Mã đề dương cước...

VÀ I chứng dẫn lịch sử ghi nơi đây đều đích xác, hoàn toàn khách quan, không thiên vị cá-nhân, không kỳ-thị tôn-giáo, không xuyên-tạc đảng-phái.

Trung thành với truyền thống vô tư của tạp chí Phồ-Thông, luôn luôn tôn trọng chân-lý và lương-năng trí-thức của con người. Sử-học, tác giả chỉ muốn phát họa hiện trạng lịch sử của mấy cuộc xáo động nội-bộ miền Nam Việt-Nam, từ sau Genève 1954.

Kể tiếp những loạt bài đã viết trước kia về các cuộc tranh đấu dưới các chính phủ Ngô-dinh-Diệm, Nguyễn - Khánh, Trần - văn Hương, v.v..., chương này nói rõ về các nguyên nhân và những nét chính nổi bật của sự vùng dậy từ tháng 4-1966, nơi hai thành phố miền Trung, Huế và Đà-nẵng, dưới một hình thức mới gọi là « **Lực lượng tranh thủ cách-mạng.** »

Trọng tâm của « Lực-lượng » là Huế. Kinh-dô cổ-kính của các vị Hoàng-đế nhà Nguyễn đã bại vọng, suy tàn, hiện chừ đã trở thành trực nhiên như là **Thủ-đô của Phật-giáo Việt-nam**, nơi trụ-trì thường xuyên nhất và quen thuộc nhất của Thượng-tọa **Thích-Trí-Quang**, vị Lãnh tụ được uy tín

của Phật-giáo đồ miền Trung. Trên bình diện tranh đấu của « Lực-lượng », Đà-nẵng là một thành phố phụ thuộc Huế, cách Huế một trăm ki-lô-mét, 15 phút máy bay và 2 giờ xe đò, căn cứ đầu tiên quan trọng nhất của Thủy lục Không quân Mỹ, từ vĩ-tuyến 17.

Các thành phố khác có thành-tích tranh-đấu mạnh của miền Trung, Quảng-Trị, Hội-An, Qui-nhơn, Nha-trang, Ba-mê-thuột, Đà-lạt, v.v... và cả Saigon, thủ đô hai triệu người của Việt-Nam Cộng-Hòa, đều là những vệ-tinh lớn hoặc nhỏ nhưng tất cả đều quay theo hấp lực của Huế trong thế giới hành tinh nho-nhỏ này.

Nếu một ngày giờ nào đó, một giây phút nào đó, cái vũ-trụ chứa đầy những yếu tố rạn nứt bên trong của chúng ta hiện chừ, và đầy những ảo-tượng vô cùng nguy-hiêm sẽ nổ bùng ra, chừng đó Sự-thật,

sự thật của Sự-thật, mới sẽ chói lòa ra trước mắt mọi người, và hai - hùng không thể tưởng - tượng. Nó sẽ tái - diễn thảm - kịch khiếp - đởm thời Trung - cổ của Saint - Barthélemy, thời cận-kim của Terreur, và mới đây của Congo.

« Mã-đề Dương-cước

Còn Cộng-sản ? Còn Mỹ ? — sẽ xin nói trong một bài sau.

Có người sẽ bảo tôi bi-quan thái-quá.

Nhưng bi-quan không phải là một giải-pháp. Bi-quan là thái-độ thụ-động, không đưa đến Chân-lý. Tác-phong của loạt bài này,

là cùng với bạn đọc nhìn thẳng vào Sự-Thật, và dùng Sự-Thật ấy làm nguyên-liệu Lịch-sử để xây-dựng một Giải-Pháp. Chúng ta hãy nhẫn-nại, bình-tĩnh, vô-tư, sáng-suốt, sẽ tìm thấy **một giải pháp không hận-thù, một giải-pháp toàn-diện cho toàn-thể Dân-tộc**. Một Giải-pháp từ-bi, hỷ xả, theo Phật. Một Giải-pháp nhân-đạo theo Chúa. Một Giải-pháp hòa-bình, huynh-đệ, theo nguyên-vọng chân-chính của toàn-dân.

Một Giải-pháp quốc-gia thuần-túy. Nhưng trước khi đề-cập đến tình-hình gay-cấn nội-bộ ở miền Trung, lan-tràn vào Saigon, (đồng bào Quảng Ngãi, Bình-định, Phú-yên, Phan-Rang, Phan-Thiết, Biên Hòa và các tỉnh miền Nam, đều không tham-gia phong trào), chúng ta nên biết về một nhân-vật có uy-tín lớn-lac nhất đối với Phật-giáo-đồ miền Trung, một Lãnh-tụ của Phật-giáo : Thượng Tọa Thích-Trí-Quang.

● Thượng Tọa Thích-Trí-Quang

I. — Cá-nhân của Thầy.

Mặc chiếc áo mát bằng lụa màu lam dài đến đầu gối, với một nụ cười nở rộng ra, tươi sáng cả gương mặt đầy-dạn rất khả-ái, Thượng-Tọa Thích-Trí-Quang đập bàn tay trên vai tôi, niềm-nở tự-nhiên :

— Ô, lâu lắm nay mới gặp anh Vỹ !

Tôi chấp hai tay xá :

— Được tin Thầy ở Saigon mới về, tôi đến thăm đây. Đạo này Thầy mập và hồng-hào hơn trước nhiều.

Văn-phòng Chùa Từ-Dàm đang bận rộn công-việc. Thượng-Tọa Mật-Nguyên ký các văn-thư gửi đi các tỉnh. T.T. Thiện-Siêu sửa chữa một văn-kiến sắp đưa đi quay ronéo. Nhân-viên kẻ ra người vào rộn-rịp đông-đảo. Thầy Trí-Quang đưa tôi lên phòng riêng của Thầy trên Chùa, ở cánh hữu của Chánh-Điện.

Một thiếu-nữ Huế hiền-hậu, có lẽ là bí-thư của Thầy, bưng vào bình trà và hai chén trà trên khay, đặt xuống bàn. Thầy giới thiệu :

— Bác Vỹ đó, con à.

Thiếu-nữ khẽ chào với một nụ cười lễ-phép.

Thầy bảo tôi :

— Một độc-giả trung-thành của Phồ-Thông đó.

Uống trà, Thầy nói tiếp :

— Sao, anh Vỹ, anh nhận xét tình-thế ra sao ?

— Thành-thật nói với Thầy, tôi không lạc-quan.

— Tôi cũng vậy.

Câu chuyện kéo dài trong vài tiếng đồng hồ, bao quát nhiều vấn-đề chính trị hiện-tại. Sau đó, tôi gặp lại Thầy Trí-Quang hai ba lần trong những bữa cơm chay rất đơn-sơ và thân-mật riêng với Thầy ở Chùa Từ-Đàm, hoặc với Thượng tọa Thích-Mật-Nguyên ở Chùa Linh-Quang.

Hiện nay Phật-giáo Việt-Nam, phái Đại-thừa, có những nhà lãnh đạo được rất nhiều uy-tín đối với tín-đồ toàn-quốc.

Ngoài Đức Tăng-Thống Thích Tịnh-Khiết, đã hơn 80 tuổi, hiện ở Chùa Từ-Vân, Huế, là tượng-trung cho Phật-giáo Thống nhất, còn có :

Thượng Tọa Thích Đôn-Hậu, trụ-trì Chùa Linh-Mỵ,

Thượng-Tọa Thích Mật-Nguyên, trụ-trì Chùa Linh-Quang,

Thượng Tọa Thích Trí-Quang, Tổng thư ký Viện Tăng-Thống

Thượng-Tọa Thích Thiện-Siêu, trụ-trì Chùa Từ-Đàm.

Bốn vị này thường-trực ở Huế.

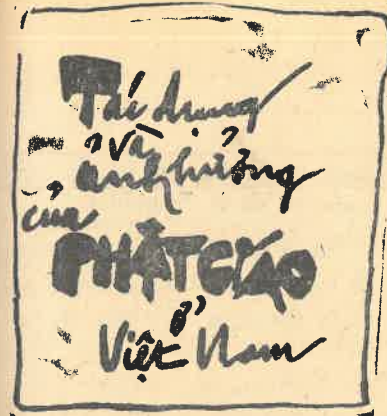
Thường-trực ở Sài-gòn, có :

Thượng-tọa Thích Tâm-Châu, Viện-trưởng Viện Hóa Đạo

Thượng-Tọa Thích Thiện-Hoa, Phó Viện-trưởng Nội-vụ, Viện Hóa Đạo.

Thượng Tọa Thích Thiện-Hòa, Giám đốc Phật-học-đường Nam-Việt.

(xem tiếp trang 102)



* LAN - ĐÌNH

Phật giáo đã trở thành sinh khí cả từ đời sống cá nhân, xã hội, chính trị như ở Thái-Lan, Miến-Điện, Tích-Lan, Cam-bốt, Lào... Nhờ thuyết nhà Phật, một sự quân bình xã hội, một linh thần hóa bình, từ bi thỏa đáng đã có thể an bài và ổn cố cả gần một nửa thế gian...

Một nửa thế gian.

Có lần tờ « Missi » đã ra một số đặc biệt (224, tháng 11-1960) với chủ đề gọi là « sự sáng danh Thượng đế ở khuôn mặt loài người » (Visage de l'Homme, splendeur de Dieu), đề phụ họa cho một chiến dịch (campagne) tương tự của « Công giáo vụ » (l'Action Catholique) Pháp.

Ngay trong bài mở đầu, « Mi-

ssi » đã minh xác rằng : « Chiếu theo tôn chỉ của tờ báo thông tin về phần hồn và cộng đồng thế giới, cố gắng tự đặt mình vào sự thật phối trí của khung cảnh thế giới ngày nay (1)

(1) Nguyên văn... Conformément à son but de Magazine d'Information Spirituelle et de Solidarité Internationale, ce numéro s'efforce de situer dans les vraies, justes et grandioses perspectives, le spectacle du monde d'aujourd'hui.

Theo đó thì cho đến năm 1962, địa-cầu đã có dân số 3 tỷ bằng nhịp điệu gia tăng 50 triệu hàng năm và mật-độ trung bình là 22 cho 1 cây số-vuông. Về mặt tín ngưỡng, công giáo đã phát triển tới 520 triệu tín-đồ, Ấn-độ giáo 320 triệu, Hồi-giáo 400 triệu, Đa-thần (Animisme) hơn 100 triệu, (địa số ở Hắc phi 80 triệu),

Phật-giáo thì khó xác định là bao nhiêu, có lẽ vào khoảng 260 triệu. Chia ra: Trung-Hoa 150 triệu, Nhật 50 triệu, tính chung 5 nước Thái-Lan, Miến-Điện, Tích-Lan, Cam-bốt, và Lào gồm 45 triệu, riêng Đại-Hàn và Việt Nam thì đồng đều từ 15 đến 20 triệu.

Missi đã định nghĩa các tôn giáo (trừ Công-giáo) như một vấn đề lớn (la grande question) vấn-đề thân phận con người (destinée humaine) ở cuộc đời có sinh có diệt. Như vậy nguyên-lai của các tôn giáo đã phát sinh từ nỗi thắc-mắc đó (cette énigme de la destinée humaine) để đi tìm câu trả lời. Mỗi đoàn đi theo một kẻ đầu đàn (chef de file), tức giáo chủ (fondateur de religion). Trong số Thích-Ca, một giáo chủ cốt cán đã gây được ảnh hưởng sâu đậm hơn cả (Le principal, celui

dont l'influence a été la plus profonde est le Bouddha).

Nói khác đi, có nơi Phật-giáo đã trở thành sinh khí (animateur) cả từ đời sống cá-nhân, xã hội, chính-trị như ở Thái-Lan, Miến-Điện, Tích-Lan, Cam-bốt, Lào...

Hơn thế nữa, «nhờ ở thuyết nhà Phật, một sự quân bình xã hội, một tinh thần hòa bình, từ-bi thỏa đáng đã có thể an-bài và ổn cố cả gần một nửa thế-gian...»(2).

« Một nửa thế gian » theo cách nói của «Missi» là vùng Đông-bán-cầu, Châu-Á. Tôi chọn quan điểm này, quan điểm (nhìn sang Phật-giáo) của một tờ báo Công-giáo hữu danh đương nhiên không có sự ngoa-ngoắt, tuyên truyền, để thử so-sánh tác dụng ảnh hưởng của Phật-giáo ở Việt-Nam

Đứng ở trên gian mà thành Phật

Có điều chắc chắn ai cũng phải công nhận là Phật-giáo đã du nhập

(2) Grâce à sa doctrine, un esprit libre social, un esprit de paix et de bienveillance réciproque put s'établir et s'enraciner dans près de la moitié de l'univers...

vào Việt-Nam qua hai ngã đường T. 1. vị tiên vương của nhà Lý, vua Lý-thái-Tổ đã từng tu học trong chùa, và vua kế nghiệp, Lý-thái-Tôn, cũng mộ đạo, đã sai sứ sang Tàu thỉnh kinh Phật, đem về nước lập thành thư viện.

Ngay từ thuở Trung phần Việt Nam còn hoàn toàn là đất Chiêm Thành, Phật giáo đã thịnh hành, ăn sâu vào nội địa của Đông dương rồi. Chẳng hạn, vua Indravarman II đã lấy hiệu là Paramabuddhaloka, và ông còn thiết lập một ngôi chùa Phật ở tỉnh Amaravati (Quảng nam bây giờ) vào năm 875. Điều đáng lưu ý, hồi đó Quảng nam đã có tính cách địa lý quan trọng, ở chỗ kinh đô đầu tiên của Chiêm thành là Indrapura, Trà-kiệu ngày nay.

Còn ở miền ngoài, thế lực Phật giáo càng mạnh mẽ hơn. Ngay buổi đầu Việt Nam độc lập, Phật giáo đã chi phối cả đến đời sống chính trị. Như năm 971, vua Đinh-tiên-Hoàng tổ chức nền hành chánh quốc gia, người đã đặt các hàng giáo phẩm của Phật giáo lên địa vị cao trọng bên cạnh hệ thống quan quyền.

Sau đó, thời Tiền Lê, năm 1007, vua Long Đinh thỉnh kinh Phật của nhà Tống bên Tàu.

2. vị tiên vương của nhà Lý, vua Lý-thái-Tổ đã từng tu học trong chùa, và vua kế nghiệp, Lý-thái-Tôn, cũng mộ đạo, đã sai sứ sang Tàu thỉnh kinh Phật, đem về nước lập thành thư viện.

Sang đời nhà Trần, Phật-giáo vẫn chiếm địa vị quan trọng, vua Trần-nhân-Tôn nhường ngôi cho vua Trần-anh-Tôn để đi tu (1293), và cả vị kế đế này cũng bỏ ngai vàng nữa, để có thì giờ biên soạn một bộ kinh Đại-tạng, gồm 20 quyển, bằng chính máu của mình. (3)

Như vậy, thiết tưởng cũng cần đặt ra một câu hỏi: Vì đâu mà Phật giáo đã có ưu thế ở Việt-Nam đến chừng đó? Có nhiều câu, nhiều cách trả lời.

Trước hết, tâm lý Đông phương hiếu tĩnh, cộng với hoàn cảnh ban đầu, xã-hội nông nghiệp bình lặng, rất phù hợp với thái độ suy tư, lặng ngẫm của triết-lý « Phật tại tâm ».

Chẳng hạn đời nhà Lý, cao tăng Khánh-Hi muốn chọn nhân tài Đạo-Dung để truyền dạy Phật Pháp

(3) Theo Nguyễn-dũng-Thục trong « Văn-Hóa Việt Nam với Đông Nam Á ».

cho, đã giảng rằng :

*Ở đời chi hỏi Sắc và Không
Học đạo chẳng qua tìm Tò Tông
Trồng quế trên trần sao được rậm
Ngoài tâm tìm Phật khó lòng
mong
Bao hàm nhật nguyệt trong hạt
cải*

*Thu hết càn khôn đầu, mũi lòng
Đại dụng rõ ràng tay nắm chặt
Ai hay phàm thánh biết đâu
cùng*

Thì ra trong thời đại đả thần đó Phật giáo đã tỏ ra duy lý khô luyên hơn là mê tín.

Nhưng thái độ hướng nội không phải là quay mặt trước cuộc đời. Bằng chứng ngay trong xã hội Phật-giáo, Trần-quốc-Tuấn đã cả thắng quân Nguyên, đứng hơn Việt-Nam đã đánh bại Trung-Hoa.

Cũng ở đời nhà Trần, vua Trần-thái-Tôn trong Khố Hư-lục đã cho thấy Phật giáo không hề chán đời như quan niệm buồn thì đi tu kiểu «Lan và Điệp». Chính vua đã viết : Năm Chính-Bình thứ năm, giờ Thân, tháng tư, đêm mộng ba, mặc áo thường ta ra khỏi cửa cung...

Đại ý, vua trốn triều đình, rồi lại trốn cả đoàn tùy tùng, để vào tận núi Yên-tử, xin quốc sư Sa

môn cho được thí phát :

— Trẫm nay còn thơ trẻ đau đớn, mất hai thân, một mình đứng đầu sĩ dân, không có chỗ nương tựa. Nghĩ lại đời trước, sự nghiệp của Đế-vương hưng phế không thường cho nên trẫm vào núi này chỉ cầu tu Phật, không cầu được việc gì khác.

— Núi vốn không có Phật, chỉ có ở tâm. Lắng tâm mà thấy, đấy gọi là chân Phật. Nay bệ hạ giác ngộ tâm ấy thì đứng ở trần gian mà thành Phật, không phải khổn khổ cầu Phật ở ngoài.

Đó, «đứng ở trần gian mà thành Phật», đã xác định quan niệm của Phật-giáo, về mối tương quan giữa đạo với đời.

Cho nên mới có thuyết cho rằng Phật-giáo không phải là một tôn giáo. Bởi vì tôn giáo luôn luôn đòi hỏi đức tin. Nhưng Phật giáo không buộc người ta phải có niềm tin ngưỡng thụ động. Nói khác đi, tín ngưỡng của Phật giáo chẳng có vẻ gì trừu tượng như những Thần, những Thánh, hay Trời, mà chỉ

(4) VHVNVĐNA



Ấu thân tam Phật, lấy khẩu làm Pháp, lấy tâm làm Thiền

là một « nguyên tắc », cái Pháp (Dharma).

Muốn tìm gặp Pháp thì phải có nghị lực đặc biệt, chỉ suy ngẫm thôi chưa hẳn đã thấy, còn phải có công tu luyện đến độ nín được một trạng thái « xuất thân » gọi là « giác mê khai ngộ », thoát ra ngoài, thoát lên trên tất cả. Khó nhưng dễ.

Để ở chỗ hiện tượng «thoát» đó cũng chỉ là một hiện tượng của tâm linh, thành tựu ngay ở chính trong lòng mình.

Trong thuyết Tam Bản của Thiền sư Ngộ Ấn đã nói lấy thân

làm Phật, lấy khẩu làm Pháp, và lấy tâm làm Thiền.

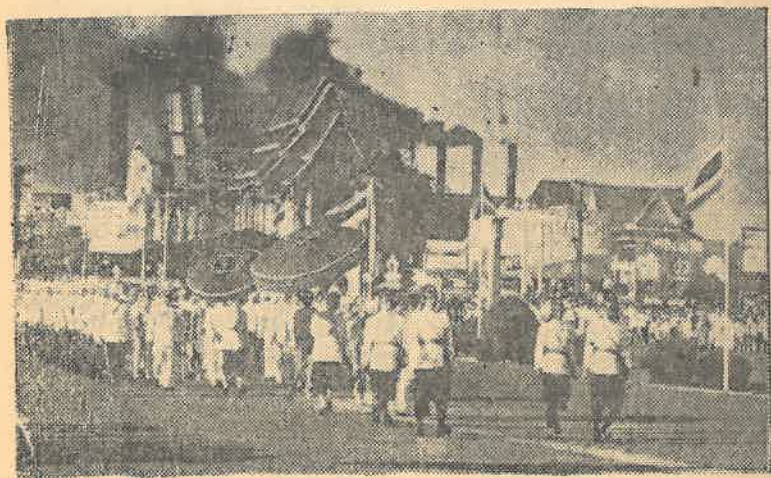
Nói khác đi, con người là một vũ trụ thu nhỏ, rút gọn, nhận biết (kiến) được chính mình, thì sẽ nhận biết được mọi sự chung quanh. Nhận biết bằng cách quan sát, trải nghiệm qua « ngũ uẩn » gồm các « động tác » trông ngẫm (thị) nghe ngóng (thính), ngửi (khứu) nếm (vị) và sờ mó (xúc), thì chỉ là phương thức tâm thường, thế tục Nhận biết bằng động tác linh cảm của chính lòng mình mới gọi là « siêu thức » được.

Đề đạt tới trình độ siêu thức đó, trước hết, phải tạo được một thể tĩnh, một trạng thái lắng đọng, trong suốt qua một chuỗi dài kiên nhẫn, chuyên cần, cái « thang » Bát chính Đạo (Kiến, Tu-đuy, Ngũ, Nghiệp, Mệnh, Tinh tiến, Niệm và Định).

Thành thử hiển nhiên Phật giáo đã biểu lộ một tinh thần thực nghiệm-tuyệt đối. Đã chủ-trương thực-nghiệm thì không thể tin hão bao giờ! Có điều hành trình của cuộc thực nghiệm đó cao quá cho nên chẳng mấy ai đạt được kết quả và thường vấp ngã ngay ở dọc đường, chưa kịp trông



« Không cần tin ta như một thiên sứ, mà hãy suy xét để nhìn nhận lời lẽ của ta có hợp lý không. Sau đó, theo ta hay thôi, tùy. »



Có nơi, Phật-giáo đã trở thành sinh khí cả từ đời sống cá nhân, xã-hội, chính-trị. Như ở Thái-Lan, quốc-vương và hoàng-hậu đích thân đi thấp hương, khánh thành những ngôi chùa mới.

TÁC DỤNG ẢNH HƯỞNG

thấy Phật. Lỗi tại mình. Chữ Phật chỉ là người (không phải Thánh, Trời) nhưng là Người Tuyệt Đối.

Cho nên ở Việt-Nam đã có câu « thứ nhất là tu tại gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa » để xác định ít nhất Phật giáo cũng có hai đường tu, tu cho đặc đạo là con đường cao xa của các siêu nhân tu trong phạm vi ăn ở thế nào cho hợp lẽ phải từ cá nhân gia đình (tại gia) đến xã hội (chợ) là con đường có thể được của người thường.

Lá trên tay, Lá trong rừng

Hồi tháng 11 năm 1963 Robert Porier (Lecture pour Tous) đã mở cuộc phỏng vấn đại qui mô với đầu đề Phật-giáo là gì ? (qu'est-ce que le Bouddhisme ?) có nhiều người, nhiều câu trả lời khác nhau nhưng tựu trung đều gặp nhau ở một định nghĩa cuối cùng.

Một kỹ sư Nhật (?) đã phát biểu đại ý:

Phật giáo tạo lập một phương thức sinh sống, sinh hoạt và chịu đựng ở đời nhưng chắc chắn nó không phải là một tôn giáo theo nghĩa bó buộc «religare» của tiếng La Tinh vì chẳng có tín điều phép rửa tội nào để giết nỗi người ta

với Thượng-Đế. Người của Phật giáo chỉ tự mình tiếp xúc thẳng, tiếp xúc riêng với Trời. Vậy nói theo ngữ học, thì Phật-giáo không phải là tôn giáo (5).

Lý luận nài gọi cho người ta liên tưởng đến chữ «tự do». Và chẳng, chính tinh thần Phật giáo vốn dĩ đã là tinh thần tự-do. Chẳng hạn, vị giáo chủ Thích-ca đã từng nói đại ý : không cần đền tin ta như một thiên sứ, mà hãy suy xét để nhìn nhận xem lời lẽ của ta có hợp lý không. Sau đó theo ta hay thôi, tùy. Ta không đối được coi là Thành Thánh, mà chỉ là một người, đem đến tiếng nói của sự thật hằng cửu (6)

(5) Nguyên văn : *Le Bouddhisme constitue une façon d'être, de réagir de se comporter dans la vie, mais ce n'est certainement pas une religion au sens littéral du mot du latin : «religare», ... relier, étant donné que nous n'avons ni dogme, ni baptême, et que nous ne sommes pas reliés à la Divinité par les maillons habituellement admis en Occident les saints, le pape, etc. Ceux qui, chez nous, croient, se mettent en contact direct et personnel avec la Divinité (...) Donc étymologiquement nous ne sommes pas une religion...*

Rõ-ràng Thích Ca đã dành cho các môn-đệ, giáo đồ của Người được quyền chọn lựa, cân nhắc, để chính họ xác định lấy thái độ của mình. Chọn lựa, cân nhắc ở đây là sự so sánh giữa chính và tà, giữa hay và dở. Người cũng đã nói:

Khi các người chính mình biết, rằng những điều nào bất khả, sai lầm, xấu xa, thì hãy từ bỏ. Và khi các người chính mình biết, rằng những điều nào khả thủ và tốt đẹp, thì cứ việc chấp nhận và noi theo (7).

Nói theo cách nói của Thượng tọa Wal-pola Ralhula, tiến-sĩ triết học đại học đường Tích Lan, thì Thích-ca đã yêu cầu người ta mở mắt mà trông ngắm tự do, chứ Người không bịt mắt họ để sai khiến họ phải tin Người (8).

Có lần trong rừng Simsapa (?) một giáo-đồ (?) đã nói với Thích ca rằng cái học của ông chưa thỏa mãn được 6c hiểu học của ông. Người đã nhặt mấy chiếc lá cầm tay và hỏi lại: Lá nào nhiều hơn, trên tay ta, hay ở trong rừng? (9)

Người học đạo trả lời lá trong rừng nhiều hơn. Thích ca nói tiếp « Tương tự, điều ta biết ta

mới bảo con một ít thôi, điều ta chưa nói ra còn nhiều lắm. Nhưng tại sao ta chưa nói ra những điều đó? Bởi vì không cần ích(10).

Hiểu cách khác, thì Phật giáo đòi hỏi người ta phải có tinh thần tự giác, bằng một khả năng

(6) Bản Pháp văn: Il n'est pas nécessaire de croire en moi comme représentant divin, mais réfléchissez pour voir si mes paroles sont conformes à la raison. Et ensuite, vous me suivrez sinon, ce n'est pas la peine... Je ne réclame pas d'être reconnue comme une divinité, mais comme une personne qui apporte la parole de la Vérité Éternelle.

(7) Lorsque vous savez par vous même que certaines choses sont défavorables, fausses, et mauvaises, alors renoncez y. Et lorsque, par vous même, vous savez que certaines choses sont favorables et bonnes, alors, acceptez les et suivez les.

(8) Le Bouddha a demandé aux gens d'ouvrir les yeux et de voir librement, il ne leur a pas bandé les yeux en leur commandant de croire.

(9) Quelles sont les feuilles les plus nombreuses? celles qui sont dans ma main, ou celles qui sont dans la forêt?

thần thái « nói ít hiểu nhiều » với siêu nhân, và « hiểu đến đâu hay đến đó » với thường nhân.

« Thường nhân » ở đây trong nghĩa « Phật tử » ngày nay đề qui kết cho bài này, về tác dụng, ảnh hưởng của Phật giáo ở VN.

Có máu Phật giáo trong người

Như đã viện dẫn, Phật giáo đã cổ hữu, trường tồn và sâu rộng ở Việt - Nam. Bởi vì tinh thần Phật giáo quả thật xứng hợp với tâm lý, nhân sinh quan và thái độ dân ta: điềm đạm, hồn nhiên, khẳng khái và tự chủ. Nói khác đi, phần nhiều dân ta chỉ ưa thích cách thức theo đạo « mười phương Phật », người ở đâu Phật ở đó; lòng hỏi lòng để tìm gặp Phật, không chịu để mình bị ràng buộc vào khuôn khổ mê hoặc nào.

Cho nên có vô số người Việt Nam hạ huân lâm, cả năm, cả đời, mới chỉ đi lễ chùa một lần, nhưng vẫn cả quyết mình theo đạo Phật! Bởi vì, là thường nhân, họ chỉ cần theo đạo ở nhà (tại gia), ở xã hội (chợ), bằng « lòng thành ».

« Thành » đến độ họ chẳng mấy khi tới chùa, nhưng nếu gặp ai nói xấu đạo Phật, thế nào họ cũng sẽ tức, hoặc sẽ tỏ thái độ, nếu cần. Tạm gọi hiện-tượng đó là « có máu Phật giáo trong người ».

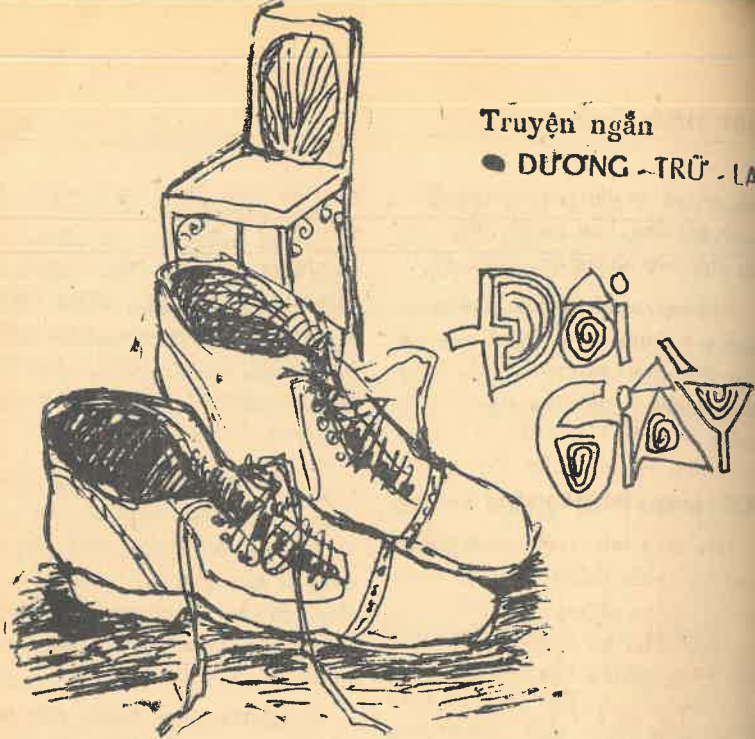
Riêng tôi trộm nghĩ, nếu con số 20 triệu của tờ Missi là đúng, thì hiện tượng đó có thể đã là một tỷ số nhiều đến hai phần ba.

(10) De même, de ce que je sais, je ne vous ait dit qu'un peu, ce que je ne vous ai pas dit, est beaucoup plus. Et pourquoi ne vous ai je pas dit ces choses? Parceque ce n'est pas utile.

* DANH NGÔN

Tôi yêu người nào mơ tưởng cái không thể được.
(J'aime celui qui rêve l'impossible)

W. Goethe



Truyện ngắn
● DƯƠNG - TRƯ - LA

ĐÔI GIÀY

ĐỊ CH đánh vậy mà rất quá! Lúc mới khai hòa. Linh cứ ngỡ « chúng » đánh chơi chơi cho đỡ buồn — thói quen của chúng mà lâu lâu mò về khuấy phá, cho bị quật tơi bời rồi cúp đầu chạy mất — nào ngờ chúng « làm » coi bộ rậm dăm lăm!

« Véo! »

Một viên đạn đi cao khỏi mái nhà, biết vậy nhưng Linh vẫn rụt cổ vì phản ứng tự nhiên. Chàng và các bạn có bốn phận giữ địch ở lại mặt này, đề cánh quân bạn

bọc hậu quét « chúng » một trận chơi! Tiếng súng vẫn nổ. Khói bay mù. Mùi thuốc súng hăng hăng lên mũi, vừa ngậy ngậy vừa thích thú như hửi phải mùi cô em ở các « ồ »!

Định nghe chừng đã lạng quạng hẳn đã bị cánh quân bọc hậu đâm vào lưng. Linh mỉm cười, bóp cò:

— Chết nghe « con », ngã dứ nào nhớ la lên cho « ba » đếm!

Bỗng Linh đề ý thấy ô súng máy hình như trục trặc... đang « ho » một cách khô sở. Chàng đưa mắt nhìn sang. Trợ thủ có vẻ

ĐÔI GIÀY

bối rối và ra dấu gọi chàng đến. Linh gật đầu, bắn nà vài phát, rồi rời chỗ núp phóng về phía đó...

Nhưng, ngay khi ấy chàng có cảm giác như bị ai đánh mạnh vào chơn trái, môi sụm. Một tiếng nổ « đoành » tiếp theo. Linh mất thăng bằng té lăn ra đất. Và... máu đỏ loang cả ống quần. Đau nhói. Rồi không còn biết gì nữa...

Bên tai Linh văng vẳng tiếng reo hò chiến thắng của bạn đồng đội và chàng nhếch môi cười sung sướng... Hai ba người vây đến bên Linh, nhiều tiếng phàn nàn:

— Tại nó ý y quá mà...

Trận này chỉ có mình Linh là bị thương...

Y tá săn sóc vết thương và sau cùng chàng được đưa lên xe cứu thương. Từ đó thì Linh bất tỉnh...



— Minh ơi! Minh... mình đau chỉ đó mình?

Anh Tư bị một viên đạn vào cánh tay là người vui tánh nhất trại, từ hôm có anh vào đến nay trong trại ồn ào vui vẻ hẳn. Anh lại có thêm tánh bạo miệng, hay cao hứng nói ầu. Buổi chiều trời mát mẻ anh em kéo nhau ra ngồi ở

hàng ba nhìn trời, nhìn mây và đón gió hiu hiu.

Những khi ấy có cô nào đi ngang là bị họ chọc ghẹo ngay: sự chọc ghẹo vô tư, chọc ghẹo cho hả sự tù túng của một giống đực phải quanh quẩn nằm một chỗ mãi. Anh Tư lại có một biệt tài nói xong, gương mặt tỉnh bơ, như không có chuyện gì xảy ra cả.

Hôm nay anh vừa thốt xong, anh Bảy ngồi cạnh anh nói nhỏ:

— Chết anh rồi, vợ của Thiếu Úy đó.

— Sao anh biết?

— Chồng bà ta là cấp chỉ huy của tôi mà.

— Vậy à, bữa nay chắc bị tởn trác rồi.

Người im lặng nhất trại là Linh. Từ này giờ, tuy cũng ngồi bên cạnh với các bạn nhưng chàng chỉ lẳng lặng theo dõi câu chuyện, bây giờ Linh mới lên tiếng:

— Đành là vợ của thiếu Úy nhưng mình có làm gì xúc phạm đâu? Chẳng qua là một câu nói giỡn chơi bông lơi ăn thua gì mà lo lắng.

Anh Tư yên tâm vì đã có bạn đồng minh.

— Ờ, ăn thua gì phải hông ?

Rồi anh ta lại nhìn ra đường, con đường nhỏ dẫn từ cổng trại vào. Bên kia đường là một sân cỏ rộng với cột cờ cao lêu nhêu. Quốc kỳ hùng dũng phất phơ trong gió !

Vài phụ nữ từ ngoài cổng xách giỏ cổng kênh tiến vào. Anh Tư lại vọt miệng với câu nói « tình ơi là tình » cổ hủ :

— Mình ơi, mình... mình đau chi đó !

Một thiếu phụ có ý giận dữ nhìn chằm chằm vào, một dọc dài năm sáu thương binh ngồi nghiêm nghị, quần áo xanh một màu, không ai có vẻ là người đã hốt ra câu trên cả. Thiếu phụ đành quay đi, tức tối. Một giọng cười ha hả, mà anh em thường đặt cho cái tên là « giọng cười kép độc » của chín Rồ, vang lên. Làm tất cả mọi người cũng phải cười theo anh ta ! Đoàn phụ nữ có vẻ lúng túng khó đi và khúc khích cười với nhau !

Ở đây là vậy, một đặc quyền riêng cho những người không may. Không ai giận ai ở chỗ này. Kệ giận hờn mới là người đáng trách nhứt !

Ngay khi ấy một thiếu úy bước đến trước họ, Linh vội lên tiếng :

— Chào thiếu úy, có chuyện chi đó, Thiếu úy ?

Anh Bảy thức nhẹ cùi chỏ vào nách anh Tư, nói nhỏ : « Thiếu úy của tao đó, chồng của bà khi này mày phá, nhớ hông ? »

Thiếu úy nghiêm nghị nói với Linh :

— Người đàn bà vừa đi một mình vào, cách đây vài phút mà anh em gặp, là vợ tôi. Nàng bị bệnh thần kinh, vậy anh em thông cảm và đừng trêu ghẹo quá, bệnh khủng hoảng thêm khó chữa trị.

Linh đáp :

— Thưa Thiếu Úy, anh em chúng tôi cũng đâu có làm chi quá đáng.

— Phải rồi, tôi rất thông cảm với anh em. Tôi chỉ mong là anh em hiểu cho thôi. Anh em cũng biết, bệnh thần kinh hay phản ứng bất ngờ. Tôi cho người ta ! Thôi, chào anh em nhen !

— Dạ, chào Thiếu Úy.

Anh Bảy cười với anh Tư :

— Mày thấy Thiếu Úy tao chơi chơi hông ?

Anh Tư gặt đầu :

— Ừa, chịu chơi thiệt...

Linh chỉ mỉm cười. Chàng ngược mắt nhìn ra lùm cây xanh ở xa xa. Bỗng nhiên Linh nhớ đến những ngày tháng chiến đấu từng bừng với bạn đồng đội. Quan niệm của chàng từ trước đến nay hễ là lính thì phải đánh giặc, phải sống phiêu lưu với thân chết thì mới ném hết cái thú vị của đời chiến binh.

Thế mà, một viên đạn, chỉ một viên đạn vô tình thôi, đã làm cho Linh không thể là người lính của chiến trường nữa. Linh đưa tay xuống sờ nhẹ lên chân trái, lòng bỗng nghe ngậm ngùi, thương tiếc, một phần thân thể của chàng, đã « ra đi » không một lời giã biệt. Nó ra đi lúc nào Linh không biết, chỉ khi chàng tỉnh lại mới hiểu rằng một phần chun chàng đã bị cắt lìa. Từ nay Linh chỉ còn một chun, hình ảnh của người chống nạng, chập chờn hiện ra trước mắt.

Linh bỗng mỉm cười. Vốn là một thanh niên gan dạ, Linh vẫn xem thường những chuyện phải đến cho một chiến sĩ. Nhưng chàng vẫn ngậm ngùi vì từ đây sẽ mất hết những thú vị của đời lính

như chàng vẫn ước mơ !

Nhiều đêm Linh đã say sưa kể lại cho các bạn năm phòng nghe, những mẩu chuyện lý thú trong đời lính. Có bạn đã kêu ò lên thích thú, vì chính anh ta cũng đã sống qua mà không cảm thấy.

Linh thường nhắc nhở nhứt là những phiên gác đêm. Mọi người đều ngủ cả. Trăng chơi với trên trời cao, ánh sáng trong ra rả lên vạn vật. Tiếng côn trùng bắt hiu. Tay ôm súng đứng trên vọng gác. Nhìn từng bụi cây, khóm lá quen thuộc. Nhìn con đường nhỏ nhỏ bò quanh quất đến tận một giòng sông. Nhìn những mái nhà thâm thấp ập ập im lìm. Lòng người lính chiến bỗng nghe băng khuâng và tình quê hương dâng lên rào rạt, lan tràn như ánh trăng, đầy ắp như con sông hiền lành chạy chậm chậm kia...

Rồi những đêm mưa rì rả. Tiếng ềnh ương kêu « ềnh oang » từ một lùm cây bụi cỏ nào đó, khiến nhớ đến một thời ấu thơ, cái thuở rút vào nách mẹ tìm hơi ấm cho giấc ngủ trong lành. Ngọn đèn pha thỉnh thoảng quét đi, quét lại... như ánh mắt tình non triu

mến trao nhau mỗi khi tình dậy trong lòng ! Người lính trẻ không dấu được niềm kiêu hãnh rằng mình đang gìn giữ giấc ngủ êm ấm cho đồng bào cho xứ sở thân yêu !

Những buổi sáng lạnh trời, co ro bên quán xép, hít từng hơi thuốc lá « Ru-by », nhấm nháp ly cà phê đen nhỏ... mắt đưa tình với cô chủ quán có nụ cười duyên dáng, mà đôi chơn luôn luôn đi đất... Linh thấy thần tiên không gì bằng được nữa !

Rồi những buổi chiều ngậm ngùi, tiễn một người bạn văn số sang bên kia sông bằng một chiếc « ho-bo », tiếng máy đều đều như nhạc trời. Vài người lặng lẽ theo sau... Ý nghĩ « da ngựa bọc thây » chạy dài theo mạch máu của Linh ! Cái say sưa ngây ngất của người lính trận là đó, thiêng liêng là đó !

Mỗi khi về phép, Linh thường hãnh diện với thanh niên cùng xóm rằng :

— Nếu không là lính không bao giờ các anh có được những cái cảm giác thật sống ấy ! Không bao giờ các anh thấu được cái tình đồng đội nó thấm thía như thế nào ! Không bao giờ các anh có được

cái cảnh trong đêm tối hai người chia nhau một nửa gào nước, đội lên người và nghe từng hạt cát chạy lộn cộn trên da. Không bao giờ các anh được hưởng sự sung sướng của một liều thuốc ngắt hai từ cấp chỉ huy chia cho mình... trên đường hành quân mệt nhọc...

Rồi Linh cười lên ha hả :

— Vào lính đi... chú hãy vào lính rồi sẽ thấy yêu đời vô hạn. Nhưng nhớ là lính chiến ấy, chứ lính văn phòng thì... chán lắm, có khác nào một thư ký, một công chức ở ngoài này đâu ?

Nhưng đến hôm nay...

Đến hôm nay thì Linh không còn được sống trong những cảm xúc bất tận đó nữa. Nó là một kỷ niệm, một dĩ vãng đã xa lắm rồi... Linh cơ hồ như không phải là mình trong nguồn sống mãnh liệt ấy, mà là ai, một tha nhân nào đó đã thuật lại cho chàng nghe... nó như một giấc mộng, một đêm chiêm bao đẹp mà không bao giờ tìm lại được nữa...

Sáng này, một bạn đồng đội : Thanh, đã đến thăm Linh. Anh em mừng rỡ vô cùng, han hỏi muốn không dứt lời. Đến khi gần ra về, Thanh hỏi :

— À... sau này khi ra nhà thương cậu sẽ làm gì ?

— Mình vẫn được giữ lại trong quân ngũ.

— Vậy à, cũng vui...

— Tiếc một điều là mình phải làm việc tại văn phòng, chứ không còn được đi tác chiến như các cậu nữa.

— Hẳn nhiên, một chơn mà đánh ai bây giờ ?

— Mình có hơi ức...

— Chuyện, số phần cả, ức... iết làm gì !

Thanh lại chợt nhớ ra một chuyện khác :

— Chút nữa thì mình quên, mình sắp lấy vợ ghen.

— Vậy sao ? Ai đó ?...

Thanh có vẻ do dự :

— Mình nói ra chắc cậu buồn... cô bán quán gần đồn đó mà...

Linh cười thật lớn :

— Có gì mà buồn ? Mình thành thật chúc mừng hai người đó, nếu có thể mình sẽ đến dự tiệc cưới...

Người bạn nhìn thẳng vào mắt Linh, giọng thấp :

— Linh, cậu có biết Thu yêu cậu không ?

Anh thương binh gượng cười :

— Có lẽ, nhưng thôi chuyện đó qua rồi !

— Thu đã nói thật với mình. Thu bản khoán không biết là Linh có yêu Thu không. Thu phải lấy mình. Linh cũng biết, con gái lớn rồi, sớm muộn cũng phải lấy chồng.

Linh chép miệng cố nuốt một chút gì nghèn nghẹn ở cổ, chớp mắt, mỉm cười :

— Thanh cứ yên tâm, mình mong hai người được hạnh phúc, hoàn toàn hạnh phúc, là mình vui lắm rồi !

Thanh ra về. Linh đã chờ dẫn suốt buổi chiều nay. Chàng có hơi buồn, nhưng lại nghe ồn trong lòng. Lâu nay, chàng cũng bản khoán không biết phải đối xử với Thu ra sao ? Lỡ Thu lấy phải một người chồng không ra gì, chàng sẽ ân hận suốt đời... Thôi thì Linh cũng thành thật mừng cho Thu, đã gặp được Thanh một người tốt.

— Mình ơi ! mình đau chi đó mình ?

Anh Tư lại oang oang cái giọng thùng thiết bề của anh ta lên... Lúc mới vào đây Linh có hơi bức cái anh chàng này, nhưng riết rồi cũng quen tai, nghe vui vui. Linh lại mỉm cười phụ họa...

Buổi chiều đã xuống hết ngoài sân !



Cô giữ kho lần lượt ném những quần áo, nón niết cho Linh... cô ta ném một cách thần nhiên lên một chiếc bàn gần đó.

Linh đưa tay lên sờ nhẹ từng chiếc áo, chiếc quần... màu ka ki vàng, mềm mềm trong lòng tay gây cho chàng một cảm giác nhưng nhớ... bằng khuôn! Lâu lắm rồi Linh mới thấy lại quần áo của mình, những món thương yêu dính liền trên cơ thể... đã phải nằm ỳ trong tủ suốt mấy tháng qua...

Bỗng nhiên chàng vớ lấy cái « mũ nồi » đội thử lên đầu, xoay xoay coi có rộng hẹp hay không ! Rồi Linh lại cười thầm cho cử chỉ ngớ ngẩn ấy, vì nón của mình chớ nón của ai mà sợ rộng hẹp. Linh ngẩng lên ngắm vào tấm gương trước mặt. Cái « bánh tiêu » nằm nghiêng nghiêng trên đầu, oai ác !

Cô giữ kho lại trở ra, ném vào chân Linh « dộp » một cái. Chàng cúi xuống và chết lặng luôn, đôi

mắt chàng nhìn sững, nhìn sững vào nó : đôi giày... ! Ống quần bên trái của Linh phất phơ nhẹ nhẹ theo một cơn gió vô tình vừa thổi đến.

Linh nuốt nước miếng, khóe mắt nghe cay cay. Chàng ngẩng lên và bắt gặp đôi mắt sững sờ của cô giữ kho cũng đang nhìn về phía chàng. Cô ta vừa qua một cơn bối rối vì thói quen của nghề nghiệp nên vô tình cô lại ném trả cho người cụt chơn đôi giày của y ! Mỗi xúc động làm cho cô nổi da gà. Và mắt rung rung muốn khóc !

Linh lại cúi nhìn xuống. Đôi giày ! Đôi giày... Nó đã từng theo Linh đi khắp đó đây, ôm ấp che chở cho đôi chơn của chàng. Giờ đây...Linh phải bỏ một chiếc... phải bỏ một chiếc ! Chàng không đủ can đảm làm việc đó... và chàng chỉ nhìn nó... nhìn nó mãi...



Linh khập khểnh chống nạng ra cổng. Màu ka-ki vàng ánh trong màu nắng quê hương ! Đến gần cổng chàng xoay người nhìn lại, mỉm cười :

— Thôi già từ bệnh viện...

Rồi Linh lại lụm cụp chống nạng đi. Một viên sĩ quan từ ngoài đi vào. Linh lọng cọng hai tay vớ

cập nạng không biết làm sao đưa tay lên chào y.

Bỗng, khi đi ngang chỗ chàng, Trung úy nọ lại đưa tay ngang kết chào, rồi đi thẳng. Linh vừa xúc động, vừa bối rối, nhìn theo y, miệng lắp bắp :

— Cám ơn... cám ơn... Trung úy...

Lần đầu tiên Linh được một cấp trên chào chàng trước. Linh lại cúi xuống nhìn cái chơn của mình, phần lớn cũng chính là đây mà chàng được cái ân huệ đó. Nhưng điều làm cho Linh băng khuâng xao xuyến nhất chính là tình quân nhân. Tất cả mọi người đều đối với Linh một cảm tình nồng nhiệt, ai cũng muốn, cũng sẵn sàng nhường cho Linh những điều đẹp đẽ nhất của một người lính.

— Anh Linh... anh Linh...

Linh vừa ra khỏi cổng, bỗng nghe có tiếng gọi tên mình từ bên xe vọng lại. Chàng ngẩng lên và Thu hiện ra trước mắt ! Thu tươi tắn trong chiếc áo dài màu vàng dịu, hấp tấp tiến về phía Linh. Vừa đến bên, nàng đã lên tiếng :

— May quá... phải em đến trễ một chút nữa, không biết anh ở đâu mà tìm !

Linh thấp giọng hỏi :

— Thu đi đâu đây ?

Cô gái nựng nịu :

— Còn hỏi nữa hả, đi xe mệ thấy mờ nè.

— Còn... còn Thanh... ?

Linh băn khoăn. Thu giải thích :

— Anh Thanh đã khuyên em nên đến với anh ! Anh đáng có tình yêu hơn anh ấy, và anh cũng biết là em yêu anh hơn. Thôi về nhà rồi em nói tiếp cho anh nghe, má biếu em lên thăm anh đó. Gì đó đưa em xách cho...

Thu giằng lấy túi vải trên tay Linh và mở ra xem : một chiếc giày còn lại hiện ra trước mắt nàng. Thu cho tay vào sờ nhẹ lên da nó ! Mắt rung rung đỏ chạch, ngẩng lên nhìn người yêu ! Anh thương binh mỉm môi gượng cười... nhìn đi nơi khác !

Nắng chiều nghiêng xuống đổ bóng họ song song trên mặt đường đôi bóng thương yêu như muốn chập vào nhau... Thu kiêu hãnh đi bên cạnh người yêu, nàng rất muốn đưa tay sờ thử đôi nạng mà Linh đang cặp trong nách ! Bỗng mắt trao nhau, nụ cười dài còn lại...





NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ LỪNG DANH TRONG LỊCH - SỬ NHÂN LOẠI



21.- MESSALINE

★ TÂN - PHONG

(tiếp theo P.T. số 172)

MỘT cô cháu gái thứ hai của Hoàng-đế Claude, cũng tên là Julie, cũng bị Hoàng-hậu Messaline tổng cồ đi đến một nơi xa biên-biệt, không còn hy-vọng trở về La-Mã. Hoàng-đế Claude không dám hé môi phàn-nàn một tiếng. Claude sợ nhất là những giấc chiêm-bao đáng lo-ngại và những điềm dữ. Từ hôm mục kích vụ Caligula bị ám sát, Claude cứ sợ chính mình cũng sẽ bị ám-sát. Ông nằm chiêm-bao thường thấy bọn sát-nhân bao-vây rình-rập, và ông đâm ra nghi kỵ tất cả người và vật chung quanh ông. Trước khi đi ngủ, ông bắt lính xem-xét kỹ tấm nệm, xem có ai giấu khí-giói trong đó không. Bữa ăn nào ông cũng bắt tụi nấu bếp phải nếm trước các món ăn trước mắt ông.

Messaline lợi-dụng tính sợ sệt và đa-nghi của Claude để lũng-đoạn tinh-thần ông và thực-hiện những mưu-mô thâm-độc của nàng.

Nàng muốn cưỡng-bách ông cụ già Appius Silanus ngủ với

nàng, nhưng Silanus không chịu. Vì ông là cha ghê của Hoàng-đế Claude, nghĩa là cha chồng của nàng. Là Hoàng-hậu, nàng không bằng lòng để ai cưỡng lại lệnh nàng, mặc dầu ai đó là ông cha chồng. Cho nên nàng quyết tìm cách hại Silanus. Không khó gì. Nàng âm-mưu với Narcisse, bí-thư của Claude. Một đêm khuya, nàng đang ở trong phòng của Claude thì Narcisse gõ cửa phòng xin gặp Hoàng-đế. « đề báo cho Hoàng-đế biết gặp một cái tin rất quan-trọng ».

Cửa mở, Narcisse chạy ngay vào, nói với Claude đang nằm trên giường :

— Tâu Hoàng-đế, tôi vừa nằm chiêm-bao thấy Silanus ám-sát Ngài. Tôi sợ quá, chạy đến đây báo tin cho ngài rõ đề ngài đề-phòng.

Claude tái mặt, tay chân run lập cập, đồng thời Messaline giả vờ hoảng-hốt trở mắt nhìn Narcisse :

— Thế nào ? Sao lại thế nhỉ ? Liên-tiếp mấy đêm nay ta cũng nằm thấy điềm chiêm-bao khủng-khiếp đó. Thế là nghĩa làm sao ?

Nghe cả hai người cùng một lúc báo một cái tin giống hệt

nhau, Claude thất thần, liền truyền lệnh cấp tốc :

— Phải thủ-tiêu Silanus trong đêm nay !

Thế là Silanus liền bị giết trong đêm đó. Sáng hôm sau, báo tin ấy giữa phiên nhóm của Thượng-Nghị-Viện, ông còn nói thêm :

— Trăm cảm ơn các thần-dân tuyệt-dối trung-thành với Trăm lúc nào cũng lo giữ-gìn tính-mạng của Trăm, dù là trong lúc họ ngủ mê.

Nhiều đêm, Messaline cời y phục Hoàng-hậu bỏ lại giường, mặc vào y-phục của phụ-nữ trường-giả, rồi lên ra khỏi cung-điện, đến các nhà chứa gái điếm danh tiếng ở ngoại-ô để ngủ với khách làng chơi cho thỏa-mãn nhục-dục. Mỗi lần nàng « nhảy-dù » như thế, nàng lấy tên là **Lysisca** và đeo nơi ngực một trái tim bằng vàng. Khách làng chơi chỉ biết Lysisca là một gái điếm hạng sang, giá tiền rất đắt, chứ không biết là Hoàng-hậu. Tạm thỏa-mãn được phần nào với người khách thứ nhất, nàng lấy tiền xong, lại ngủ với người khách thứ hai, thứ ba, cho

đến 3, 4 giờ sáng mới trở về Cung-Điện.

Nơi đây, nàng phớt tỉnh, đóng lại vai trò rất khéo-léo của một người yêu say-mê, một vị Hoàng-hậu oai nghiêm, và một... bà mẹ trong gia-đình.

Vì con quý-cái này lại có hai đứa con rất dễ thương : **Britannicus** và **Octavie**.

(Chúng tôi sẽ nói đầy-dủ về hai nhân vật kỳ-lạ này trong Lịch-sử La-Mã, trong một dịp khác.)

Đây chỉ nói sơ qua rằng **Britannicus** được sinh ra hai mươi ngày sau khi cha của chàng, là Claude, lên ngôi hoàng-đế. Một chàng trai rất thông-minh, nhưng không được mập-mạnh lắm.

Năm 46 (sau Thiên Chúa giáng sinh), nhân dịp một ngày Đại-Lễ Nhi-tông ở La-Mã, **Britannicus** phải tham-gia các cuộc « chơi đánh giặc » của trẻ con, theo tục-lệ cổ-truyền của La-Mã, bắt chước theo cổ-tục Hy-Lạp. Tất cả con nít từ 5, 6 tuổi đến 10, 11 tuổi, từ con Vua đến con thường dân, đều phải tập luyện các môn bắn nỏ, cưỡi

ngựa ra trận, đấu kiếm, v.v... để chống lại « kẻ thù », bắt chước người lớn. Xong các môn biểu diễn, có cuộc thi kỵ-binh để bề-mạc buổi Đại Hội Nhi-dồng La-Mã.

Cuộc thi kỵ-binh thường chia thành hai đại đội kỵ-mã tỵ-hon. Kỵ-binh chỉ từ 5 đến 10 tuổi. Đội thứ nhất được giao cho **Britannicus** làm chỉ-huy-trưởng. Chỉ-huy Đội thứ nhì là **Néron**, 9 tuổi, con trai của Agrippine.

Bà Agrippine này là tình-địch ghê-gớm nhất của Hoàng-hậu.

Ở Triều-đình La-Mã, ai cũng biết rằng Agrippine, một cô cháu gái có nhiều tham vọng nhất của hoàng đế Claude, gọi Claude bằng chú ruột, vẫn thường hăm-dọa rằng nàng sẽ cướp chồng và cướp cả ngôi hoàng-hậu của Messaline. Khôn khéo và nhẫn nại, nàng chỉ chờ hoàn cảnh nào thuận lợi là sẽ thực hành tham vọng của nàng mà thôi. Agrippine không phải hạng gái yếu hèn như hai cô cháu gái Julie của Claude mà đã bị Messaline ghen, đẩy đi xa khỏi La-mã. Messaline thù Agrippine lắm, nhưng không dám

làm gì chống lại nàng, hoặc hại nàng, vì Agrippine có cả một đám quý phái có thế lực trong Triều-đình làm hậu thuẫn.

Néron là con của Agrippine với người chồng trước, Domitius. Ngay từ thiếu thời, Néron đã là một đứa con nít xấu xí, hung dữ, nhưng khỏe mạnh phi thường. Lớn hơn Britannicus 4 tuổi, con trai của Agrippine mạnh bằng hai con trai của Messaline. Thất tử La Mã. Trong cuộc Đại hội Nhi-dồng La-mã, ngoài sự tranh tài và tranh sức của hai cậu bé, được giao quyền chỉ huy hai đoàn kỵ mã thiếu nhi, còn có sự cạnh tranh ảnh hưởng và uy tín của hai người mẹ thù địch. Sự cạnh tranh này mới thật là quan trọng.

Người ta đồn rằng trước ngày thi đua hai đoàn ngựa, Messaline đã thuê người lên vào phòng ngủ của Néron, định bóp cổ chú bé cho chết quách, nhưng có một con rồng che-chở cho Néron khỏi chết và xua đuổi bọn sát-nhân đi. Sách Sử có thuật chuyện này và phê bình rằng đó có lẽ chỉ là một lời tuyên truyền của Agrippine

đề đập mạnh vào óc tưởng-tượng của dân chúng : một bên là âm-mưu tội-ác của Messaline, một bên là một đứa trẻ có Thần-linh che chở.

Rốt cuộc, Néron thắng vẻ-vang. Chiếc xe song mã do Néron chỉ huy đã trước quá xa chiếc xe của Britannicus. Sự thắng-lợi của Néron chính là sự thắng-lợi tinh thần của Agrippine.

Hai nhà Sử-học Juvénal và Tacite có thuật lại vụ Messaline mê chú kép hát Mnester.

Mnester nổi tiếng về các trò hề làm cho khán giả cười, và được dân-chúng La-Mã thích lắm. Messaline muốn tình-tự với chàng, và chỉ muốn lấy chàng làm của riêng thôi, không cho ai dành-dýt. Nhưng chàng hề lo ngại, vì làm tình-nhân bà Hoàng hậu, lỡ Hoàng-đế biết được thì cứ cầm chắc là sẽ mất cái đầu, chứ không phải chuyện khôi hài. Muốn chiếm lấy Mnester cho kỳ được, và đề cho hắn ta khỏi còn lo-sợ hậu-họa, Messaline bảo với Claude :

— Hoàng-thượng triệu kép hát Mnester vào Cung cho em nói chuyện đi.

— Bộ Hoàng-hậu mê nó rồi hả ?

— Em đâu đã nói chuyện với hắn lần nào mà mê hắn ? Em muốn xem tại sao dân chúng La Mã mê hắn. Hoàng-thượng truyền lệnh cho hắn vào Cung em gặp nhé.

— Cấp là ngày nào, và mấy giờ mới được chứ ?

— Nội ngày hôm nay.

— Được rồi.

Nhưng Mnester sợ Hoàng-thượng chém đầu nó. Vậy em muốn rằng Hoàng-thượng gọi nó vào chầu, rồi chính Hoàng-thượng truyền lệnh cho nó vào Cung Hoàng-hậu ngay.

Claude làm theo đúng ý muốn của Messaline. Mnester vào cung do lệnh của Hoàng-đế. Từ hôm đó, ngày nào, đêm nào, Mnester cũng được vào cung của Hoàng hậu. Messaline mê chú tình-nhân kép hát đến nỗi truyền lệnh dựng một pho - tượng của chú hề nơi tất cả các ngã tư trong thành phố.

Hề Mnester có một cô tình nhân thực-thọ, tên là Sabina Poppée cũng nổi tiếng trong đám

« ăn chơi ». Muốn làm hại cô này và cũng muốn nhân dịp này cưỡng-đoạt một gia-tài đồ sộ của một người bạn thân và trung thành nhất của Claude, tên là **Valerius Asiaticus**, Messaline bày ra một việc hoàn toàn vu khống.

Nàng đặt chuyện nói với Claude rằng Poppée đã có chồng là Cornélius Scipion mà còn ngoại tình với Asiaticus. Vì vậy, cả hai người đều phải ra tòa về tội ngoại tình và đồng lõa.

Trước vành móng ngựa, Asiaticus chỉ thở ra một câu :

— Thà chết vì chính trị của Tibère, hay vì những cơn thịnh nộ của Caius César, còn vinh dự hơn là chết vì những thủ-đoạn vu-khống của một người đàn bà.

Nói xong, Asiaticus, bạn thân nhất và trung thành nhất của Claude, lấy dao cắt gân chết rất can đảm.

Còn Poppée thì, uất ức quá, vào trong bồn tắm của nàng mà tự vận. Thế là Messaline thanh toán được Poppée để giữ lấy chú hề Mnester làm của riêng.



Claude vị Hoàng-đế ngờ ngẩn, khờ khạo và hèn nhát của La-Mã (Thế-kỷ I sau J.C.)

Gia tài kết xù của Asiaticus cũng bị Messaline tiếm-đoạt, trong số đó có cái vườn của Lucullus là đẹp và đắt tiền hơn cả.



huế hạ

Trang lưu-niệm năm năm còn gọi nhớ
Nét yêu-kiều xanh ố với thương đau
Nắng nơi đây có chảy đến phương nào
Mà ta thấy bấn-khoăn cùng vụn dăm?

Giữa trưa nắng mới ai bưng đồ thăm
Mong nhạt màu qua những phút trao hôn
Nhưng khách đi... phương nhỏ máu bên đường
Sầu dâng lạnh trên bông-bệnh mái tóc

Em Đồng-Khánh sang sông lòng ray-rứt
Bên kia bờ ai nhặt cánh soan rơi
Hoa đỏ quá, đỏ màu môi đã mất
Áp lên tim, sao nắng vỡ lưng trời!

★ TRẦN-MINH-PHÚ



dấu vết

NGUYỄN VƯƠNG

Hóa thân từ kiếp dọa dầy
Não nùng tâm thể ta say giấc trần
Mảnh hồng mộng ảo dung nhan
Chiều về nhân thế chuông ngân cảnh sầu

Vết xưa tìm bóng người đầu
Bão giông cướp mất đêm thâu linh hồn

Giật mình cơn lốc trăng giang
Chiều thu chín rụng trái hương đôi môi

Đường xa vạch một chân trời
Khoảng không cách mộng kiếp người đi qua

Trong khi đọc sử và viết sử tôi đã nhiều phen rất băn khoăn trước những mớ sử-liệu đã thâu thập được. Tôi có một nhận xét chung là, một số đông nhà viết sử ở Việt-Nam đã thiếu tư cách khách quan quá nhiều, phần ghi chép các tài liệu lại kém khoa học nữa. Ảnh hưởng của hoàng-gia, của triều-đình đã đè nặng trên đầu người viết sử nên họ chỉ làm cái việc tốt pho ra, xấu-xa đẩy lại. Có lẽ cũng tội cho họ nếu ta nghĩ rằng chính các nho-thần viết sử cũng thường thấy nhiệm-vụ của mình có nhiều chưa chắc là họ không được nói những điều muốn nói và phải làm những việc họ không muốn làm. Cầm bút viết sử cho triều đại, dù muốn dù không họ vừa là khán-giả vừa là thính giả đứng trước một sân khấu chính-trị mà bao nhiêu diễn-viên đã tỏ ra bất tài, dơ-dáng, đại hình. Điều múa đã cứng nhắc, nét mặt lại trơ trên,

MỘT SỐ THI CA ĐÁNH DẤU THỜI LOẠN

★ PHẠM - VĂN - SƠN

động ca lại quẻ-kịch, nhưng khán-giả ấy, thính-giả ấy vẫn phải vỗ tay khen.

Nói vậy là bởi chúng tôi nghĩ rằng sử-thần trước đây không hoàn toàn là những cái máy đề ghi, đề chép, đề ca ngợi một cách máy móc bởi đã có một vị

thiếu ánh sáng của sự thực ?

Đó là nhiệm vụ ngày nay của chúng ta. Nếu ta không đủ tin, không đủ hiểu với các sử thần của các tiền triều thì ta phải chịu khó nghiên cứu trong nhân gian. Chúng tôi quan niệm rằng không phải chỉ có các nhà cầm quyền làm lịch-sử mà phần hoạt động lớn trên địa hạt này lại là nhân dân. Nhân dân trong khi góp phần sống với xã hội thì họ đã làm lịch sử mà họ không ngờ. Rồi chính ta nhận thấy đã sử là phần của dân chúng nhiều khi chính xác hơn sách sử của vua quan. Bởi sao ? Xin thưa đã sử là các điều nhân dân thường được trực tiếp ghi nhận, nhớ trong bụng, kể lại cho nhau nghe, không biên chép ra giấy trắng mực đen nên không bị một áp lực nào hết. Nó trung thực ngay trên căn bản, tuy nhiên cũng có khi vô tình nó có điều sai lạc vì thiếu sự kiểm soát. Nhà viết sử vì thế cũng chỉ

mỗi ngày tôi
cảm thấy thêm rằng
văn chương
phải có cái thực dụng
của nó mới hữu
ích. Nếu
người tu làm Kinh Kệ
đề sám hối, thì thi-
ca, văn tự
cũng là
những tiếng chuông
cảnh tỉnh người
đời, những ánh sáng soi
đường cho nhân gian.

biết nói rằng « bản về người thì phải bản từng đốt một, ai mà chẳng có chỗ hay chỗ dở ». Khi viết về Lê-ngọa Triều, ông vua nổi tiếng dâm ác nhất trên lịch sử Việt-Nam. Quả vậy, Ngọa-triều-để có sở-đoản thì cũng có sở trường. Nhất luật chê Ngọa-triều là bậy.

Làm thế nào để bù đắp cho sử học nước nhà những sự thiệt thòi vì thiếu tài liệu, PHỔ-THÔNG — 173

có thể cho nó một giá trị tương đối mà thôi. Còn nếu muốn thấu lượm được sự thực tới mức tối đa, nhà sử học phải đi sâu vào dân gian, các nơi hang cùng ngõ hẻm từ tỉnh đến quê, thăm viếng các vị lão thành sẽ được biết nhiều chuyện đen và trắng của thời đại, cả về cảm nghĩ của nhân dân trước các biến cố liên hệ đến đời sống của họ.

Từ lâu rồi, tôi rất lưu tâm đến một số bài thơ, bài vè, các câu ca-dao nhất là các thi ca mới chỉ có xuất bản miêng nhưng không kém tính cách phổ biến ở nhiều địa phương. Những thi ca ấy đã do các nhà văn, các nhà nho đứng trong hay ngoài chính quyền thường bị mặt sáng tác mỗi khi bị xúc động trước những biến cố họ đã được mục kích hay có khi họ là nạn nhân của các biến cố đó. Rồi các

bài văn này được truyền khẩu. Tác giả của nó được trút những nỗi phần uất hay ưu tư ngọt ngào trong lòng.

Đời Tự-Đức trên phương diện sử học có nhiều điều rất đáng chú ý vì vua Tự-Đức lên ngôi năm 1847, mất năm 1883 đã làm rất nhiều việc nhưng hay thì ít mà dở thì nhiều chẳng vậy bao nhiêu vụ đói, vụ lụt, giặc trong giặc ngoài đã xảy ra cho tới khi nước nhà mất hẳn về tay giặc Pháp.

Những ông vua đời Nguyễn sơ quả đã đặt trước mắt ta một vấn đề trách nhiệm lãnh đạo và hậu quả một chánh quyền lạc hậu, lỗi thời, phi dân, cũng vì triều đại này đã phạm quá nhiều lỗi lầm nên dân gian đã có nhiều thi ca, câu vè, câu hát để nói lên sự oán thán của họ. Nhờ đó ngày nay ta mới nắm được một số tài liệu quý báu để biết

Ông cha ta trước đây cơ-cực thế nào và các nhà hữu trách đã chênh mảng với bốn phần ra sao.

Ông thân tôi là một trong những chứng nhân của thời đại trước (thời đại trước thế kỷ của chúng ta) một hôm đã kể cho tôi nghe trận lụt «trần Quý-tý», trận lụt cách đây năm sáu chục năm là khi tôi chưa ra đời.

Trận lụt này đã làm chìm ngập cả vùng đồng bằng Bắc-Việt dưới làn nước trắng nhà cửa, trâu bò bị trôi cuốn hết, các làng mạc chỉ còn nhấp nhô ít ngọn tre, lác đác vài trộm cây đa cây đề cao nhất. Có gia đình thất vọng đã bỏ đứa con nhỏ vào chiếc nồi đồng lớn thả lênh bênh trên mặt nước cho sóng đánh đi với hy-vọng mong manh may nó gặp được người cứu vớt thì còn dòng còn giống. Lẽ tất nhiên người ta buột theo mảnh giấy ghi tên cha mẹ và sinh

quán của đứa hài-nhi, còn cha mẹ nó tự cho mình chẳng sớm thì tối sẽ không chết đói, chết rét thì cũng sẽ vì bão lụt mà lia đời.

Ông thân tôi kết luận:

— Mỗi khi nhớ đến trận lụt «trần Quý-tý» (1) thì thấy mình muốn sờn gai ốc.

Ông còn nói tiếp:

— Nào có phải có một trận lụt đó, đành rằng lụt năm Ty kinh khủng hơn cả. Mười tám năm đề Văn giang vỡ liền, tức là dân Bắc-kỳ

chịu 18 trận lụt liên tiếp, và trận lụt nào cũng có hàng vạn con người làm mồi cho tôm cá. Lịch sử có chép đầy con ạ, nhưng người ta chỉ chép sơ sơ thôi.

Tôi hỏi : « Các quan coi đề có không ?

— Có chứ ! Đời nào cũng có các quan Hà đề chánh phó sứ, nhưng các

1) vụ này xảy ra vào năm Quý-tý nên được mệnh danh như vậy

quan coi đê đời Nguyễn không hết lòng với bốn phận, chẳng như các quan coi đê điều của mấy tiền triều Đinh, Lê, Lý-Trần và Hậu-Lê.

— Tại sao vậy ?

— Còn không thấy với đời Nguyễn Bắc-Kỳ và Nam-Kỳ đã dời là Nam-thành, Bắc-thành. Mỗi nơi có một Tổng-trấn là một ông tướng cai trị, quyền uy sấm sét. Còn triều-đình đâu có đóng ở Thăng-long như các vua cũ và họ có thiết tha gì đến đám dân đen !

— Thưa cha, thế vua có hay đi thăm viếng hai miền Nam-Bắc ! các vùng xa-xôi ?

— Các vua đời Nguyễn chẳng bao giờ rời khỏi kinh đô nên dân sống chết, đói no không hề có biết.

— Các quan thanh tra ?

— Cũng có đấy, nhưng đôi khi họ có đi kinh-lý thì cũng chẳng làm được trò gì. Nếu các quan thanh tra biết thúc đẩy sự chăm sóc dân chúng thì làm gì có những phong tục hủ bại, nạn hối-lộ, nạn

giặc cướp thứ nhất là việc đê điều hàng năm bị vỡ lở.

Tôi im-lặng và trong đầu óc có ý khó chịu. Cha tôi nói tiếp.

— Con có nghe thấy câu người ta thường nhắc « Oái oái như phủkhoái xin lương » không ?

— Thưa có !

— Phủ Khoái là Khoái-châu đấy, thuộc tỉnh Hưng-yên giáp giới tỉnh mình (Hà nam). À thầy còn nhớ cụ Ân Hoàng-văn-Hòe có làm bài « Nhị khách-hành » về vụ Văn-giang vỡ đê như sau:

Văn giang cập Tiên-lữ,
Liên tuế khổ điểm hôn
Vạn lý thôn cú tận điều lạc
Trúc đầu mọc mặt phù thứ
đồn
Thu chi tân hôn vô bán huệ
Cựu tàng tàn lập oa nguyên
thôn.

Cấp báo tự vi đạo lương kế,
Bách vô nhất thụ không
mang bộn...

tạm dịch :

Văn-giang và Tiên-lữ,
Lụt lội mấy năm liền,
Mệnh mông trắng lạng khắp
miền,

Giun ròi làm tổ ở trên ngọn
cành.

Vụ mùa không một nhánh
lúa mới,

Thóc Ơi dành ếch, giải nuốt
trời

Vội vàng tìm kẻ sinh nhai
Gạo không đâu bán bài hoài
mò đi(2)

— Đó là nói chuyện về nạn lụt ghê gớm quá sức tưởng tượng để ta thấy cái khổ cực, cái đeo neo của đồng bào Bắc-kỳ ta thuở ấy. Năm 1858 vào tháng 5 tại hai tỉnh Hải-dương và Hưng-yên đại hạn kéo dài lê thê. Lụt cũng đói thì đại hạn cũng đói, nhà Nho bụng lép chỉ than trời:

Bước sang năm ngọc tháng
mười
Năm đêm nghĩ lại bởi hời
sầu riêng.

Ta than một lời nguyên:
Văn niên năm ngọc,
Nhà giàu đại phú;
Cũng xuất thân đi vay
Giữa nông vụ cấy cấy;
Sang tháng mười kiệt củ,
Ai hay văn văn xếp chữ,
Ai hay võ về xếp tài.

Dường huê nguyệt gái trai,
Lúc bấy giờ cũng xếp.
Trông già tài khánh kiệt,
Dạ lơ lửng bởi hời
Thời Tự Đức lên ngôi.
Chẳng thời nào bình chính
Tháng năm mất bạch-đình,
Ruộng cạn mất lúa ngừng
Được năm ba mũi bóng.
Công anh cày bừa nông vợ.
Bước sang tháng bảy
Chợ(thấy) lúa tốt thếp phần,
Anh vay nợ về mùa,
Sang tháng mười anh trả...(3)

Và khi dân khổ cực quá thường sinh nhiều mê tín, dị đoan. Người ta muốn tìm ra nguyên do vì đâu mà cơ khổ đến như vậy để tự an ủi.

Các nhà thiên văn của triều đình cũng nêu ra những điềm trời quai gở này nọ, rồi ai muốn hiểu là tai nạn tự trời giáng xuống hay tai nạn xảy ra là vì triều đình thiếu đức hóa thì hiểu rồi chẳng chịu được thì cũng

(2) (3) không rõ tác giả là ai vì tác giả các bài về loại này thường không dám xưng tên.

ràng chịu. Thiên cao
hoàng-đế viễn mà!

Đây là bài về mà dưới
đời vua Tự-Đức được dân
gian truyền tụng khắp nơi
và ai ai cũng đầy lòng lo sợ:

Bạch lộ chi tiết,
Chim cất cánh bay
Sao mọc giữa ban ngày
Ai ai cũng chộ,
Chính trưa (giữa) giờ Ngọ,
Sự tắc quái ngạc nhiên
Lúc bấy giờ việc nước không
yên,

Cơ trời sao loạn,
Bước sang tháng tám
Kiến hiệu sao cờ,
Trắng vờ rạng tờ mờ
Gà cất sang tiếng gáy,
Bốn phương đều thức dậy,
Thấy sự quá ngạc nhiên
Thời việc nước không yên,
Cơ trời sao loạn...

Tôi lại hỏi cha tôi:

— Người ta làm những
bài về này để làm gì? Nghe
buồn chết, thưa cha?

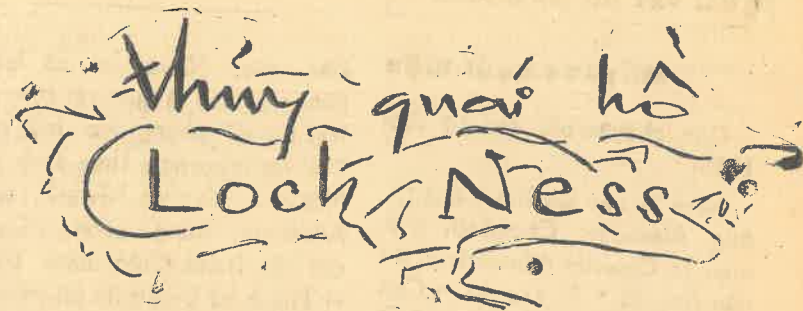
Cha tôi cười, gật đầu và
trả lời tôi:

— Người ta làm bài về
có nhiều lẽ: Có khi
để ghi nhớ, có khi để giải
niềm u-uất trong lòng và
cũng có khi để trách khéo

triều đình bởi không phải
bất cứ ai cũng có thể cầm
gươm vùng dậy lật đổ cái
triều đại đã không thương
dân, giúp nước. Ngày xưa
người ta đặt ra quan làm
sử là để vua chúa tính việc
của mình hay dở hầu sửa
chữa. Nếu làm sai, làm bậy
thì vua phải ăn chay, tế trời
đất, tuyên cáo với quốc dân
hầu ăn năn và tạ tội với
quỷ thần và như xin lỗi dân
chúng. Còn dân làm thơ,
lâm về cũng là làm một thứ
phản ứng đối với nhà cầm
quyền đương thời để nhắc
nhở và mỉa mai họ về cái
trách nhiệm làm cha mẹ
dân, ăn bổng lộc của dân...

Lời giải thích ấy, tôi chịu
lắm và tôi đã lấy bút ghi
chép những bài về này thỉnh
thoảng mang ra đọc chơi.
Mỗi ngày tôi cảm thêm rằng
văn chương phải có cái thực
dụng của nó mới hữu ích.
Nếu người ta làm kinh kệ
để sám hối thì thi ca, văn
tự cũng là những tiếng
chuông cảnh tỉnh người đời,
những ánh sáng soi đường
cho nhân gian khỏi bước
sáng nẻo tội lỗi.

(còn tiếp)



— Một con vật thời tiền sử còn sống sót đã được
thể giới đặt biệt chú ý trên 30 năm nay...

— Hàng ngàn người mất thấy tai nghe, nhưng
cũng có hàng ngàn người cho là chuyện hoang đường.
Vậy đâu là sự thật?

* TÍN - KHANH

LOCH Ness là một
cái hồ lớn nhất của quần
đảo Anh-quốc, dài 40
cây số, và bề ngang, có chỗ
rộng đến 2 cây số.

Nước hồ quanh năm đen thui.
Phong cảnh hoang vu — sỏi đá
chen lẫn với màu lá cây xanh
sẫm, như gieo vào lòng du khách
một mối lo sợ khó tả, như đang
lạc vào chốn ma thiêng quỷ ác.

Ở xứ Ê-cốt này, đã mấy thế
kỷ qua, nhân gian truyền tụng
ở mỗi hồ là có một thủy quái vô
cùng ghê sợ, vừa to lớn, vừa kỳ
lạ, mà người địa phương quen
gọi bằng một tên con gái
« Nessie ».

Hồ Loch Ness rất nhiều cá và đ:
thú sinh vật khác. Quanh bờ có
nhiều nơi kín đáo, hiểm trở,
những thân cây cổ thụ ngồng
ngào nằm chìm dưới nước hay
những hang sâu thăm thẳm, cửa
vào rất bí mật. Hồ có đường
thông ra biển, hay với các hồ
khác, hay thông với những nơi
xa xăm mà không ai biết là đâu...
trên trời hay vào lòng đất?...

Một khung cảnh như thế, tất
nhiên phải là nơi ẩn thân của các
quái vật. Tuy nhiên dọc bờ cũng
có đôi xưởng nấu rượu Huyết-
ky nhưng vài vùng náo nhiệt lễ
tê ấy không đủ giảm sức huyền
bí lâu đời kia.

Mấy lần xuất hiện

Câu chuyện bắt đầu từ năm 1933.

Năm ấy vào khoảng tháng tư, ông Alexander Campbell, phái viên tờ Courier d'Inverness, lần đầu tiên đã « đề » ra tên « Con Quái vật hồ Loch Ness ». Ông kể chuyện trong một bài báo dài, đã chứng kiến cảnh con quái vật hiện lên vào ngày 14 tại bờ hồ phía bắc. Ngay lúc đó cũng có hai vợ chồng người bạn ông, J. Mackay thấy tường tận như ông.

Qua ngày 11 tháng 5 cũng năm ấy, hai cha con ông Alexander Shaw cũng thấy một lần nữa, nhưng chuyển này, con vật lại hiện ra ở bờ phía nam và bơi thẳng về hướng Vịnh Urquhart. Qua hai chuyển này, nhiều nhà khảo cứu nhận rằng không khi nào con vật hiện ra cùng một phía với chỗ có người. Đó là đặc điểm thứ nhất của con vật mà người Ê-cốt đã từng phong chúe.

Lần đầu tiên, Quái vật Loch Ness đã hiện ra vào năm 565, nhưng 100 năm sau các sử gia mới ghi chép sự

kiện này. Người ta đã kiên không gọi nó là quái vật (monstre) mà lại phong cho một tên khá văn chương « Thủy Tinh ». Một nhà văn thời bấy giờ, ông Adamnan, trong cuốn: « Cuộc đời của Thánh Colomban » (một vị Thánh xứ Ê-cốt) đã kể chuyện con Thủy-tinh hồ Loch-Ness đã rượt theo một người bạn của Thánh Colomban trong lúc ông này đang bơi qua hồ.

Lịch sử con Nessie có thể bắt nguồn từ xa xưa. Theo những giả thuyết khoa-học thì có lẽ thủy tổ con quái vật này thời tiền sử ở tại vùng bờ Rift-Valley nhưng do biến chuyển thiên nhiên bờ đã bị phân ra thành nhiều hồ lớn nhỏ nên phải bị kẹt ở lại hồ lớn nhất là hồ Loch Ness.

Từ đây, con vật phải sống vào những vùng sâu (hồ Ness có nơi sâu đến 230 thước) để tiếp tục sinh tồn và tránh các loại thủy quái khác tiêu diệt.

Những thuyết trái ngược

Giả thuyết này không có gì là đúng lắm trong những thế kỷ trước nhưng gần đây. Vào năm 1938, người ta đã tìm gặp giống cá Coelacante vẫn còn tồn tại

minh lớn cỡ 1 thước rưỡi, mà theo sách vở, thủy tổ, loài ấy đã sống cách đây 300 triệu năm.

Căn cứ vào đó, thuyết các quái vật thời tiền sử còn tồn tại như con thủy quái Hồ Loch Ness. Đại hải xà (rắn biển lớn), người Tuyết ở Hi mã Lạp sơn, không có thể xem là ức thuyết được nữa.

Có nhiều phái không tin có con thủy quái hồ Loch Ness. Theo họ, đây có lẽ là những bầy cá chết (saumon) bơi thành từng « vè » lớn trên mặt nước. Có kẻ cho là cá heo hay con mực khổng lồ, chim cộc lớn đang bơi hay một bầy cá nước bơi nối đuôi nhau. Cũng có người lại đoán là một con rái cá mồm đang ngoạm-cá, hoặc một con kỳ nhông biển lớn, hay một bầy ngỗng trời đang bay sát mặt hồ.

Một thuyết hay hơn hết cho rằng quái vật đây chỉ là một thân cây lớn, lòng rỗng do các thủy vật ở. Lúc số này thoát ra khỏi đi tìm mồi ăn thì thân cây nổi lên lênh bênh. Lúc ăn no say chúng « về nhà » thân cây nặng thêm tự nhiên chìm xuống. Đó là hiện tượng lúc ăn lúc hiện của thủy quái vậy.

Còn biết bao nhiêu người nữa kể nói cách này người cách khác, rồi cuộc thủy-quái hồ Loch Ness có thể là một con vật hiện có trên thế gian.

Về phái người tin có nó, thì kể ra hằng trăm nghìn cách. Có người cho là một con vật chuyên sống dưới nước. Có người nói nó sống cả dưới nước lẫn trên cạn. Nhiều người đã « tai nghe mắt thấy » thì nói cương quyết đã thấy nó bò trên mặt đất, hoặc thấy đang nằm sưởi nắng trên bãi cát. Cách đây trên 20 năm, người ta đã tìm ra nhiều vết chân trên bờ hồ nhưng buồn cười thay ! đó là những « con vịt cồ » ! Các nhà bác học, sau khi nghiên cứu dấu chân đã nhận ra là dấu chân trâu nước giả độn rơm do một kẻ vô danh muốn phá rối dư luận chơi. Tiếp tục điều tra, người ta lại được biết bàn chân trâu nước ấy là của một viên đại tá xưa kia đem ở thuộc địa về.

**Rắn không là
hay Xà đầu long ?**

Quái vật hồ Loch-Ness thuộc

QUÁI VẬT HỒ LOCH-NESS

về loài xà đầu long (plésiosaure) thời tiền sử. Theo những người đã thấy nó lặn mất, thì mình nó tròn như rắn, đen và láng ánh như da cá ông, đường kính từ nửa thước cho đến 1 thước, bề dài độ 15 thước. Cỗ nó dài và đầu nhỏ, tương tự như đầu Xà đầu long. Mỗi lần cử động, mình nó uốn khúc và mới nhìn thấy như là những bước lớn.

Theo một vài người khác, thì trên cỗ nó có lông gáy dài, hoặc theo người khác thì nó không có lông lá gì hết. Sức bơi nhanh nhất, có lúc đến 20 hải gút (độ 300 thước).

Những nét vừa kể trên căn cứ vào trên 300 bản « tường trình » về sự xuất hiện của quái vật này có thể gọi là vững vàng hơn hết từ 1933 đến nay. Người ta đã thấy nó trong nhiều trường hợp : khi chỉ thấy thoáng qua trong giây lát, khi trong năm mươi phút. Có người nhìn nó cả hàng giờ.

Dù sao cũng không có thể cho đó là điều bịa đặt vì đã có nhiều lần, cả đám đông người được xem nó lặn mất và những người này lại là những kẻ

ng nghiêm chỉnh, đáng hoàng.

Như vào ngày 30-8-1938 chẳng hạn, toàn thể thủy thủ chiếc tàu Arrow (Mũi tên) đã trông thấy nó rõ ràng. Viên thuyền trưởng, ông W. Brodie đã chép trong sổ nhật ký của thuyền, có thấy nó cách 4 cây số về phía đông ngôi lâu đài Urquhart, lúc 4 giờ 40 phút chiều.

Bất khả xám phạm

Kề ra cho hết bằng chứng thì không đủ giấy viết cho hết. Người ta chỉ nhắc lại đôi vụ điển hình hơn hết :

Mùa hạ năm 1947, viên lục sự tòa án vùng Inverness, tên Mac Killop đã thấy nó và làm một tờ tường trình rất rõ ràng. Sau khi nghiên cứu bản này, Hội đồng của địa phương đã chính thức thừa nhận quả thật có một thủy vật ở đáy hồ Loch Ness. Trong đoạn kết luận của văn kiện, Hội đồng đã tuyên bố, (kề ra thì không thiếu tính chắc chắn) :

— Nếu bản tường trình này

QUÁI VẬT LOT HCH-NESS

mà do một lục sự Anh đệ lên, thì có lẽ không được xét đến vì chắc là điều bịa đặt. Nhưng đây lại do một lục sự xứ Ê-cốt đã nói có, thì nhất định là có !...

Từ đây, con Nessie đã thành một kỳ quan của xứ Ê-cốt. Ai ai cũng nói đến, tôn sùng nó, và quý nó hơn cả rượu Huýt-ky Ê-cốt nữa.

Ông chủ gánh xiếc Bertram-Mills treo giá mua sống với 2

vạn Anh-kim. Về mặt Chính-phủ thì ngược lại ra lệnh bảo vệ nó vì cho nó là con vật « hiền từ, không khi nào động chạm đến người và không mong hơn được tự do sống yên ổn. »

Cũng do sắc luật này mà gần đây các cuộc săn bắt do nhiều cơ quan khoa học, khảo cổ hay thương-mại tổ chức đều bị ngăn cấm.



* THOÁT Y CHỈ LÀ TRÒ CHƠI TINH THẦN

Cô Rita Renoir, một vũ nữ chuyên thoát y vũ, về sau trở thành nữ kịch sĩ đã nhận xét của nghề cũ cô như sau :

Thoát y vũ là một trò chơi tin thần chứ không phải tục lụy như người ta tưởng. Một thân thể trần truồng, có hại gì cho ai đâu, khi người ta chỉ nhìn nó bằng mắt ? Có bằng tay chân gì mà lo ? Toàn là chuyện trong ý-nghĩ cả.

hội hoa đăng

Kính tặng
— Thượng Tọa Thích-Tâm-Châu
— Thượng Tọa Thích-Quảng-Liên.

Mặt trời quay tia lửa
Tỏa phóng hào quang
Rừng rực tươi màu lên sắc đỏ
Chân hòa vũ trụ long lanh.
Đại dương reo mừng cuộn cuộn

sóng,

Màu Biển mất xanh,
Niềm tin khởi điểm.
San hô ngửa mặt reo cười.
Chim Ca-lăng Tần-già — đậu
trên đỉnh địa cầu nhỏ tiếng hát
trong lành.

Một ngôi sao định hướng
phương Tây

Hy-Mã Lạp-Sơn vang ca nhạc
Thiện

Ni-Liên thuyền gợn sóng
chuyến âm giai.

La dơi đen bay đi hoang đảo
tù đày

Muôn ức triệu Tinh-trùng, chấp
tay,

Nguyện xin làm nhân loại
thương nhau.

Nụ cười giấc ngộ từ cung trời
Đầu-xuất

Hiện thành 7 đóa sen lành
Lâm-Tỳ-Ni khoác áo gấm xanh
Thêu vô-ưu hoa-trắng.

Âm thanh giăng mắc :
« Thiên thượng Thiên hạ,
Duy ngã Độc tôn »

— Uy nghi từ phụ !

Nhạc vàng tấu khúc 10 phương.

Trắng thanh Bạch Ngọc,

Lung linh chảy xuống nhân gian

Loài hoa nghiêng mình xiêm v
nghê vò

Lả lơi kỳ ảo mộng huyền.

Mặt trời mặt trăng nói chuyện,
hẹn ngày 2 khối hôn nhau;

Rực sáng Hào-quang.

Muôn thú cùng về tham dự

Chúng-sinh khai hội Hoa-Đăng.

★ **THẾ-HỒNG-LAM**
(KBC 4786)

P H Ê BÌNH NHÂN VẬT HIỆN ĐẠI

THƯỢNG
TỌA



THÍCH - TRÍ - QUANG

● THIẾU - SƠN

GÃN đây, Thượng
tọa Thích-Trí Quang
đã thành nên một
nhân vật quan trọng trên
chính trường Đông-Nam-A.
Báo chí quốc tế đã nói nhiều
về ông nhưng theo ông đã
nói với ký - giả của

lập san « Tinh Thương » thì
phần nhiều họ hay thêu dệt
thêm mắm, thêm muối vào
những cuộc phỏng vấn, và
gán cho ông những ý kiến
không phải là của ông. Ông
không bao giờ cải chính hay
dính chính nên người ta
thường hiểu biết ông một

cách sai lạc. Nhưng ai cũng phải nhìn nhận ông là một người có uy tín vào bậc nhất không những chỉ trong hàng ngũ Phật-giáo và ngay cả trong hàng ngũ dân tộc.

Là thơ tin tức hàng tuần Insider ở Nữu-uớc mới đây có thuật lại lời tuyên bố của các nhân viên Trung ương tình báo CIA ở Việt Nam cho rằng « tu sĩ Phật giáo Thích-Trí-Quang có thể là lãnh tụ thực sự quốc gia duy nhất ở Việt-Nam ».

Là thơ tin tức đó còn nói là cơ quan CIA của Mỹ không tìm được bằng cứ nào về lời tố cáo T.T. Trí-Quang là cộng sản hoặc trong những anh em của ông ta có một viên chức Cộng-sản ở Hà-nội.

Trái ngược với tin tức của CIA, tuần báo L'Express ra ngày 18-24 - 4 trong một bài phỏng vấn đã ghi chép lời Thượng Tọa như sau :

« Đúng là tôi có một người anh em hiện nay có trách nhiệm ở miền Bắc. Nhưng tôi không được gặp ông ta từ 20 năm nay. Và lại, hiện nay ở Việt-Nam, ai không có một người anh hay một người em Việt-Cộng ?

Điều quan-trọng là phải tái lập hòa-bình, phải hòa-giải những anh em đối-địch. Khi một người Việt-Cộng chết, thì hẳn đối với chúng tôi chỉ còn là một người Việt-Nam chết đi mà thôi. »

Như thế thì ta biết tin ai bây giờ ? Không lẽ tuần-báo L'Express dám bày đặt ra một điều như vậy và cho rằng chính Thượng-Tọa đã nói ra. Nhưng không lý mà cơ quan CIA lại không biết một việc như thế đó. Tôi cho rằng CIA biết mà làm bộ như không biết để tới khi phải nhờ cậy tới T. T. Trí-Quang thì sẽ không gây phản-ứng trong dư-luận, nhất là dư-luận của phe « điều-hậu »,

phe chủ-chiến chống-cộng triệt để theo đường lối của Mac Carthy.

Thật ra người Mỹ đã chú-ý tới Thượng-Tọa từ lâu, từ ngày xảy ra Pháp-nạn và đã theo dõi cuộc tranh đấu của Phật giáo chống bạo-quyền nhà Ngô. Đại-sứ Henry Cabot Lodge có lẽ là người hiểu biết Thượng-Tọa hơn ai hết. Người Mỹ đã mua chuộc được rất nhiều người trong đó có cả những nhân-vật quan-trọng ở khắp các giới, ngay cả giới tu-sĩ nữa. Nhưng có một người mà họ chưa mua chuộc được là T. T. Thích-Trí-Quang.

Thượng-Tọa sống thanh đạm, giản-dị, không ham vật chất, không thích xa-hoa và cũng không thích thân-cận với chánh quyền để giới-thiệu người này, nhờ vả việc nọ. Thượng Tọa cho rằng ông có đầy đủ uy-tín và thế-lực nên ông không cần dựa vào uy-tín của ai và mượn thế-lực

của kẻ khác để mưu-đồ những chuyện riêng tư. Đối với người Mỹ ông không có tư-ti mặc-cảm như phần đông « chánh khách » và « nhân sĩ » người mình. Nhưng ông không bài Mỹ nên Đại sứ Cabot Lodge ngăn ông nhưng vẫn kính trọng ông.

Có người còn nói rằng phát động phong trào tranh đấu kỷ này Thượng tọa Thích-Trí-Quang đã ăn ý trước với Đại sứ Cabot Lodge. Không có gì chứng chắc điều đó. Nhưng dầu cho có đi nữa thì Thượng-Tọa Trí-Quang vẫn phục vụ quyền lợi của đất nước hơn là quyền lợi của tư-bản Mỹ.

Khi Việt Cộng tuyên bố là chỉ có họ là đại diện duy nhất ở miền Nam mà chánh quyền Miền Nam lại không có căn bản pháp lý thì mặc dầu vẫn theo đuổi chiến tranh người Mỹ đã nghĩ tới ngày phải nói chuyện với

đối phương dễ thương thuyết hòa bình. Ngay đó tôi chẳng lẽ người Mỹ sẽ nói chuyện tay đôi với đối phương mà không có người đại diện hợp pháp của chánh quyền quốc gia ở Miền Nam Việt Nam ? Bởi vậy nên người Mỹ cũng cần phải hợp pháp hóa một tình trạng bất hợp pháp đã kéo dài từ lâu. Nhưng với người Mỹ thì sự hợp pháp hóa này chỉ cần có hình thức và không cần nội-dung, đại loại như «quốc hội» và «chánh phủ» của nhà Ngô, nhứt nhứt đều để cho Mỹ điều khiển.

Nhưng Thượng Tọa Thích Tri Quang lại nghĩ khác vì ông không muốn cho tái diễn tấn tuồng xưa và cũng không muốn để cho ngoại bang sai khiến, dầu ngoại bang đó là Mỹ.

Chính Thượng tọa đã nói với phóng viên tuần báo L'Express :

— Người Mỹ ở đây để

che chở cho nước Việt-Nam nhưng họ gây một cuộc chiến tranh theo một chiến lược lỏng quắt. Đó là một việc giữa hai nước Trung-Hoa và Hoa-Kỳ. Nước Việt-Nam ở giữa. Ông thấy không, những gì xảy ra ở lúc này là một cố-gắng tuyệt vọng của một dân-tộc muốn nắm lại cái vận-mạng của mình. Chúng tôi, người Việt-Nam, chúng tôi không có quyền định-đoạt về chiến-tranh hay hòa-bình. Và chính đó là điều chúng tôi nhứt-định phải làm.

Nhà báo hỏi :

— Ông không sợ dọn đường cho Việt Cộng xâm nhập hay sao ?

Thượng-Tọa đáp :

— Đức Phật ra đời 563 năm trước chúa Gia-Tô và Việt-Cộng chỉ mới xuất-hiện được hai chục năm nay.

Thượng-Tọa còn nói :

— Bây giờ có nhiều điểm chúng tôi đồng ý với chủ-

nghĩa Mác-xít nhưng chúng tôi không chấp-nhận nguyên tắc giai cấp đấu-tranh. Theo căn bản thì loài người không có giai cấp. Đức Phật đã nói : *Không có sự khác biệt trong máu của con người, máu nào cũng đỏ cả.*



Tôi theo dõi cả hai cuộc tranh đấu do Phật-giáo phát động. Cuộc tranh đấu thứ nhứt nếu gọi là thành-công thì chỉ thành-công có một nửa.

Cuộc cách-mạng 1-11-63 không thể gọi là một cuộc cách-mạng mà chỉ cho là một cuộc đảo-chánh lật đổ chế-độ Ngô-Triều để thay thế bằng những chế-độ quân-phiệt. Hơn nữa, cuộc chỉnh-lý đã phá nát tất cả để mở đường cho những chánh-thể thiếu căn-bản nhân dân và nắm gọn trong tay những người cầm súng và tức là càng lệ-thuộc Mỹ nhiều hơn nữa. Người Mỹ vốn thiên-cận thích có

những chánh quyền dễ bảo để họ dễ bề thao-túng tha-hồ đồ bộ và lập căn-cứ trên lãnh thổ Việt-Nam theo chiến-lược tổng-quét của họ.

Nhưng dầu sao thì cuộc cách-mạng 1-11 cũng đã đem lại được nền móng của Ngô-Triều và gây uy-tín cho Phật giáo.

Ta không nên đòi hỏi nhiều hơn nữa vì một khi quân-đội làm «cách mạng» thì những người trong tay không có súng phải dang ra.

Mà khi quân đội còn do ngoại-quốc trang-bị và đãi-thọ thì quân-đội luôn luôn vẫn nằm trong ảnh-hưởng của họ, và vẫn phải đi theo đường lối của họ. Lúc đó chưa làm hòa-bình được, còn sớm quá.

Nhưng qua cuộc tranh-đấu thứ hai do Phật-giáo phát động ta thấy rằng thời-cơ đã thuận-tiện để tái-lập hòa bình trên đất nước.

Vu Trung-Tương Thi bị cắt chức chỉ là một cái cớ để nêu ra bốn điểm tranh đấu của Giáo-hội.

Cuộc tranh-đấu đương tới hồi sôi-nổi thì Giáo hội lại cho lệnh ngưng-chiến sau khi có sắc-luật bầu cử Quốc-Hội Lập-Hiến.

Đòi 4 điểm, mới gọi là thỏa mãn được có 1 điểm, sao lại ngưng đi? Ở Saigon còn có thể cho là ảnh hưởng của Thượng-tọa Thích-Tâm-Châu, Nhưng cả ở miền Trung nữa khi Thượng-tọa Trí-Quang bay ra ngoài đó chính Thượng-tọa cũng ra lệnh tạm ngưng.

Nhiều người cho rằng đây là một chiến-thuật cũng như chiến-thuật đã áp dụng kỳ trước để cho chánh quyền và những lực lượng phản động phản-công rồi vin vào đó mà tranh-đấu tiếp thì sẽ gây thêm xóc-động trong quần đại quần chúng và cuộc

tranh đấu sẽ quyết liệt hơn.

Nhưng cũng có người nghĩ rằng Giáo-Hội nói chung và Thượng - Tọa Thích - Trí-Quang nói riêng đã cố ý kèm hãm cuộc tranh đấu để gây uy-tín cho mình. Còn uy-tín nào hơn là khi hạ lệnh tiến là tiến và khi bảo ngưng là ngưng, như là đối với những quần-chúng phức-tạp có đủ các thành phần?

Về chiến-thuật có lẽ đúng nhưng về chiến-lược cách mạng thì như định là sai. Vì đường khi có tròn mà ngưng bắt-từ như thế thì dễ làm cho quần chúng hoang-mang. Phật-tử cố nhiên vẫn tuân lệnh các Thầy nhưng Phật-tử cũng có thể cãi lệnh các thầy khi họ thấy các Thầy không đi đúng đường lối của dân tộc. Vụ xảy ra ở Đà-lạt đã chứng minh điều đó. Qua tới ngày lễ Lao động 1-5 năm nay, những cuộc biểu tình tuần

hành và những khẩu hiệu đưa ra đã bỏ xa các Thầy.

Chính trong số anh chị em lao động có biết bao nhiêu Phật tử và chính những Phật tử đã tranh đấu hăng nhứt trong hàng ngũ Phật giáo cũng chạy qua tăng cường hàng ngũ bên phía này.

Tôi tin rằng một người thông minh như Thượng tọa Trí Quang sẽ không dễ mất quyền lãnh đạo của Phật giáo trong kỳ tranh đấu này.

Ông dùng chiến thuật của Phật giáo mà không bỏ chiến lược của dân tộc.

Trong mọi cuộc tranh đấu Phật giáo đều chủ trương ôn hòa bất bạo động. Ông hạ lệnh ngưng chiến để gây nên những phản ứng ở trong từng lớp nhân dân. Họ tự động tranh đấu với tất cả các phương tiện và đường lối của họ. Ông không cản họ nhưng vẫn đứng xa và ủng hộ tất cả các nguyện vọng của họ. Tôi khi người Mỹ thấy rằng cần phải thay đổi chánh sách ở Việt Nam, cần phải chấm dứt chiến tranh và đem lại hòa bình

cho xứ này thì lúc đó họ lại phải nhờ cậy tới Thượng Tọa Thích Trí Quang và lực lượng Phật - giáo chứ còn biết nhờ cậy vào ai nữa.

Có lẽ vì thế mà CIA đã chăm điểm tốt cho Thượng Tọa.

Tuần báo L'Express còn đi xa hơn nữa. Báo này kết luận: « Để tránh khỏi một tai họa lớn cho Mỹ ở Đông-Nam Á, Tổng Thống Johnson đã sẵn sàng đi rất xa để thương lượng với T.T. Trí Quang nếu ông này bằng lòng. »

Trên đây chỉ là ý kiến của một tờ báo ngoại quốc. Ta không thể căn cứ vào đó để nhận định tình hình và dự đoán tương lai.

Nhưng ta thấy rằng cuộc tranh đấu lần này như định phải đem lại hòa bình cho xứ sở. Nếu Phật giáo không lãnh đạo được phong trào thì sự lãnh đạo sẽ qua tay nhân dân và nhân dân Việt Nam vẫn có đầy đủ khả năng để viết nên những trang sử oai hùng xứng đáng với lịch sử oai hùng của dân tộc. ● ★

SINH TỬ

KÍNH GỬI
HƯƠNG HỒN GIÁO-SƯ

**Maurice
DURAND**

★ NGUYỄN-VĂN-CỒN (Paris)

HỒI 10 giờ sáng hôm nay, thứ tư 4 Mai, tại nhà thờ « Les Petites Soeurs des Pauvres » (các Bà Phước của kẻ nghèo nàn), cạnh nhà thương quân binh Val-de-Grâce, ở đường Saint-Jacques, Paris 5e đã cử hành tang lễ giáo sư Maurice Durand. Sau đó, thi hài đưa về an táng ở miền Nam, trong địa hạt tỉnh Nice.

Giáo sư Maurice Durand, sinh năm 1914, ngày 2 tháng 8 tại Hà Nội (thân phụ là người Pháp tên là Gustave Durand,

chuyên môn Viễn-đông ngữ, thân mẫu là người Việt-nam, tên là Anna Nguyễn thị Bình). Sau khi học hết ban Trung học tại Lycée Albert Sarraut ở Hà Nội, ông tổng học ở Đại học Paris và Lyon. Trở về Việt-nam, ông dạy ở Lycée Chasseloup Laubat (bây giờ là JJ.Rousseau) tại Saigon. Ông bắt đầu khảo cứu Hán và Việt văn như là về ngành thi ca bằng chữ Nôm, ông có chân trong Trường Viễn-đông Bác-cổ (Ecole Française d'Extrême-Orient) và sau làm Tổng thư ký trường này.

Ông kết bạn với bà, tên thật là Sylvia Grégoire, nhà-sĩ, tốt nghiệp môn dương cầm tại Viện Âm Nhạc ở Bruxelles (nước Bỉ). Hai ông bà sinh được một người con trai, nay đang tổng học ở trường Nha-y.

Từ ngày Trường Viễn-đông Bác-cổ thu dọn về Pháp, giáo sư Maurice Durand được bổ dụng làm trưởng ban Cổ học Việt Nam trong Đại học văn khoa Paris (Directeur d'études à l'Ecole des Hautes Etudes Pratiques en Sorbonne).

Năm ngoái (1965), một năm quan trọng trong Văn học Việt Nam, năm đúng vào hai trăm năm sinh nhật Nguyễn Du, tác giả truyện Kim Vân Kiều, giáo sư Durand lo liệu xuất bản một tập văn kỷ niệm. Việc làm này không phải dễ dàng gì! Và sự khó khăn trước tiên là Tiền (vì việc ăn loát bên này rất tốn kém). Sau đó còn phải hợp một số nhà văn Pháp Nam (vừa ở Pháp, vừa ở Việt-Nam) để viết các bài về Nguyễn Du và quyền Kim-Vân-Kiều, rồi còn phải xem lại tất cả các bài lai cáo (bài nào viết bằng

Việt ngữ phải đưa dịch sang Pháp văn) và sau hết điều đình với nhà in. Trên đầu tập văn này, giáo sư Durand đã viết bài khảo cứu và phê bình truyện Kiều rất công phu và tường tận.

Công việc này, giáo sư Durand đã hoàn thành xong xuôi, hiện nay nhà in đã sắp xong tất cả các bài vở và chỉ còn đợi xem lại, cho « Bon à tirer » (giấy cho in) là in ra ngay.

Nhưng đến đây, thì giáo sư Maurice Durand đã vội dờn bỏ cõi trần.

Công việc này tuy nhiên bạn tổ chức ở Sorbonne sẽ tiếp tục, nhưng cũng tiếc rằng trước khi nhắm mắt, xuôi tay, giáo sư Durand không được mắt thấy, tay cầm tập văn kỷ niệm Nguyễn Du, nhà thi-sĩ muôn đời của non sông đất Việt.

« Tiếc thay tạo hóa khéo vô tình, nghìn năm một hội tao phùng, phận thủy có, phận chung sao chẳng có? »

Giáo-sư Durand cũng mới giao cho nhà xuất bản « Le Seuil » ở Paris một tập khảo

cứu nhờ « Le Monde Sorcier » (tạm dịch là «Cõi đời u-linh ») phân-tích tín-ngưỡng dân chúng Việt-Nam. Khi thấy một người Pháp (dầu là một nửa) dày công tìm tòi, nghiên cứu, phụng sự văn chương Việt-Nam, mình thấy rất có nhiều cảm-tình, quý mến. Huống hồ giáo-sư Durand lại là người hiền lành, nhã-nhận luôn luôn có cử chỉ ôn-hòa, chiều-cõ cho nên các bạn đồng-nghiep, các bạn xa gần, và sinh viên đều bồi ngùi, mến tiếc.

Sáng hôm nay khi nghe v. linh-mục qui trước bàn thờ, đọc kinh cầu nguyện cho linh hồn của : « Maurice Durand được an nghỉ nơi Vĩnh-viễn trong thế kỷ của muôn vàn thế kỷ », tôi nghe tiếng sụt-sùi ở hàng ghế trên, bên cạnh quan tài. Ngừng đầu nhìn lên, tôi thấy đó là bà quả phụ Durand và cậu con trai.

Kề đó, linh-mục từ bàn thờ bước xuống, tay cầm bình hương phe phẩy khói trầm, chân bước theo xung-quanh áo quan, trong lúc mà tiếng « thiên thần » trong-veo ca bài « Phục-Sinh trong Vĩnh-Viễn »,

người dự lễ để mắt nhìn vào quan tài và tưởng chừng như còn thấy lại hình ảnh của người quá cố. Trong nhà thờ im lặng, dưới ánh sáng của mấy cây sáo (đèn cây) trong hương trầm nghi ngút bay trên quan tài phủ tấm màn đen, trong lời thì-thảm cầu nguyện và tiếng đàn văng vẳng, người ta có cảm giác đang đứng trước biên-giới của Sinh và Tử, và chỉ một đường nhỏ vô hình và trong khoảng-khoát, thì đã rẽ về người ở !

Tang lễ cử xong, các Bà-Phước đỡ bà quả phụ Durand ra đứng trước cửa nhà thờ, bên cạnh cậu con trai để nhận lời chia buồn của các thân bằng, cô hữu, trong đó có các giáo-sư Đại-học Sorbonne, các nhân-sĩ Pháp Nam và các sinh viên.

Bà quả phụ Durand mặc tang phục màu đen, và mặc dầu có lưới đen bao phủ mặt mày, người ta cũng thấy rõ nước mắt đầm-địa và bao nhiêu nỗi khổ đau ; bên cạnh, người con trai nức nở khóc theo mẹ.

Hình ảnh vợ khóc chồng, con khóc cha, cảnh tượng vĩnh

biệt này tuy tôi đã có đôi lần chứng kiến và mặc dầu trong trí óc tôi đã in sẵn ý-tưởng : *Sống gửi, thác về*, tôi vẫn thấy cõi lòng bồi hồi, xao-xuyến.

Ôi ! Sinh Tử !

« Một lần mình khóc, lần người khóc. »

Sống thác đôi lần giọt lệ rơi. »
Sau khi từ giã tang gia, tôi ra đường Saint-Jacques đón xe ô-tô-bút trở về Sở. Từ sáng hôm nay trời đã trở lạnh ; trong khi đứng đợi xe, tôi nhìn những hạt mưa lác đác, cành lá lắt-lay và đoàn mây đen lơ-lửng ở góc trời xa xa. Dầu muốn hay không, sau một buổi tang lễ, mình nghiệm thấy hồn mình chơi vơi giữa quang trời mây, phiêu-bạt nơi thê-giới ảo huyền, tuyết mù, thăm-thẳm, nơi Bến Vô-Cương, nơi Vô Cùng-Tận, nơi trở VỀ của những linh hồn xa lánh trần gian.

Mình nghiệm thấy đời người giàu thêm một thê giới khác nữa một thê-giới khác hẳn thê-giới vật chất thực tại.

Nghèo nàn thay những kẻ vô tình giác, vô tín tưởng !

Trên đường VỀ, giáo-sư Durand, không đi tay không;

trước khi liệm, vợ con theo lời giáo-sư dặn lại đã để một lá cờ Việt-Nam (cờ vàng, ba gạch đỏ) trong áo quan. Hai tay giáo sư chấp lại ôm lá cờ Quê Mẹ.

Quê Mẹ! có lẽ vì không được theo sở-nguyện, an giấc nghìn thu trong lòng đất Quê Mẹ, giáo-sư đã ôm theo hình ảnh nước Việt-Nam, khi trở về nơi Vĩnh-viễn.

Thường thường ai cũng tưởng giữa Quê Cha và Quê-Mẹ, giáo-sư Durand vẫn giữ được thăng-bằng trong tình yêu, nhưng khi giáo-sư từ giã cuộc đời, người ta mới nghiệm thấy có lẽ giáo-sư thiên về Quê Mẹ.

Phải chăng vì Quê Mẹ Quê-Hương của chúng ta nghèo nàn và đang đau khổ?

Thôi xin từ giã giáo-sư!

Sáng hôm nay những giọt mưa lác đác, với ngọn gió thổi qua cành lá, âu cũng là cảnh trời đất chia buồn cùng chúng tôi.

Thôi, xin chúc giáo-sư nghìn thu an giấc!

Những người Việt-Nam thân mến quen biết giáo sư sẽ tưởng nhớ giáo-sư, nhất là khi nghĩ đến, hay trở về Quê Mẹ.

bình minh ca

HOÀNG-THẮNG



Trời cao rợp bóng mây thành
 Bơ vơ giữa chợ tôi đành thương tôi
 Tuổi xanh, tóc điểm sương rồi
 Giang sơn bấy nát chưa thôi hận sầu

Một mai rồi biết về đâu
 Chiến tranh còn đỏ với màu tóc tang
 Đêm đêm thức giấc bàng hoàng
 Suy tư thêm lắm chẳng mang ích gì

Bao giờ nết nổi sầu bi
 Tương lai sáng lạn uy nghi hiện về ?
 Cho tôi hạnh phúc say mê
 Cùng em tận hưởng lời thề năm xưa...



(tiếp theo P.T. 172)

C hung quy. Mặt-Trận Bình-Dân Pháp không đem lại một cái gì thật mới-mẻ cho toàn-thể dân chúng «An-nam». Theo rồi các báoPháp xuất bản ở Paris, người ta thấy, một chuyển hướng rõ rệt trong chánh-sách đối-nội và đối-ngoại của chính-phủ Léon Blum (Mặt trận Bình-dân) nhưng ở Đông Dương, kể cả Nam-kỳ là «nhượng-địa Pháp» nghĩa là một lãnh-thổ Pháp do vua Tự-Đức đã «nhường» hẳn lại cho Pháp rồi, chế độ thuộc địa vẫn không được cải thiện gì bao nhiêu.

Bởi vì, chương-trình hoạt-động của chính-phủ Mặt trận Bình-Dân dựa trên chương trình dung-hòa của ba đảng lớn được liên-hiệp lại để nắm chính-quyền, là đảng Cộng-sản Đảng Xã-hội, và đảng Xã-hội Cấp Tiên, đã đi ngược lại chính nguyên-tắc thực dân của Đế-quốc Pháp. Cho nên, ở Pháp ba đảng hữu-phái (Partis de gauche) chiếm đa số trong Quốc-Hội, đánh bại được thiểu số tả phái (Partis de droite) để thực hiện một cuộc thông-nhất chính-trị mặc dầu sự liên-kết đó chỉ có tính cách giả-tạo và lâm thời. Còn ở thuộc-địa, nhất

là ở Đông-dương, phe đê-quô thực-dân vẫn chiếm tể-lực mạnh-mẽ và bền chặt ở khắp cả guồng máy hành chánh thuộc-địa. Chính phủ tam-đảng của Pháp lại không có một chính-sách cụ-thể bãi-bỏ truyền thống thực-dân. Trái lại, các nhà cầm-quyền Đông-Dương, trong lúc thi-hành những chỉ thị mới của Bộ Thuộc địa, lừa gạt dân chúng bằng những hành-động mị-dân, giả-vờ nhân-đạo, bình đẳng, bình quyền, tựu trung vẫn mang nặng sắc-thái thực-dân chủ-nghĩa.

Các « Quan cai-trị » cũ của Hành-chánh dân-sự (Administrateurs des Services Civils) đeo chiêu-bài mới của Mặt-trận Bình-Dân, tìm cách gây cảm-tình với dân chúng mà trước kia họ rề rúng khinh khi, như Yves Châtel, thông-sứ Bắc-kỳ, Grandjean, khâm sứ Trung-kỳ, Jeannin, công-sứ Vinh, Eckert, đốc lý thành phố Hà nội, v.v... Nhưng đồng thời họ dè cho bọn tư-bản kết-xù ở thuộc địa công-khai đả-kích và phá-hoại đường-lối của Mặt trận Bình dân, như bọn

Henri de Lachevrotière, chủ nhiệm báo *La Dépêche* ở Saigon, Henry De Monpezat, chủ nhiệm báo *La Volonté Indochinoise*, Hà nội, Ernest Outrey, Dân biểu Đông-dương tại Quốc-hội Pháp, v.v... Bọn này có hậu thuẫn mạnh mẽ vô cùng, ở Đông-dương cũng như ở Paris.

Xét đại cuộc trên chính trường thuộc địa, chính phủ Mặt trận Bình dân Pháp (Le Gouvernement du Front Populaire) không đem lại sự giải phóng dân-tộc dù trên một vài phương diện nào, như dân-chúng « An-Nam » đã hy vọng. Tuy-nhiên, đối với các đảng phái chính trị, chính-phủ Mặt-trận Bình-dân đã tỏ ra khoan-hồng và cởi mở hơn. Nhất là « Đảng Cộng sản Đông-dương », danh từ mới đổi lại của « nguyên-thủy » « Đảng Cộng-sản An-Nam », trong đó có Võ-nguyên-Giáp và Đặng-thái-Mai đã nhập-đảng từ năm 1930.

Được nhiều cơ hội thân-thiện với vài ba lãnh-tụ của đảng Cộng-sản Đông-dương, và vài cơ-hội cộng-sự với họ trong một vài công-tác chung, Tuần đê-y thấy sự thay-đổi chiến-

thuật của Cộng sản « An-Nam » đối với Thực-dân Pháp, và đối với các đảng-phái cách-mạng Quốc-gia.

Ai có đọc lịch-sử các đảng Cộng-sản Đê-tam Quốc-tê, và riêng các đảng Cộng-sản Nga Xô, Pháp, Việt-Nam, đều biết rằng « Nga-Xô vĩ-đại » kiểm-soát tất cả các đảng Cộng-sản khắp thế-giới, kể cả các đảng Cộng-sản ở các xứ thuộc địa của Tây-phương.

Nguyễn-Ái-Quốc, suốt thời kỳ tuyên-truyền chủ nghĩa Mác-Lê trong đám thanh-niên « An-Nam » xuất-dương sang Trung-quốc, và hoạt-động quy tụ lần đầu - tiên, cuối năm 1925, một nhóm « Thanh-niên Cách mạng Đồng Chí-hội » tại tỉnh Quảng Đông (phôi thai của Đông dương Cộng sản Đảng) với sự cộng tác rất đặc lực và trung kiên của Hồ-tùng-Mậu, người đồng chí An-nam đầu tiên của ông, — cho đến vụ nổi dậy đẫm máu, nhưng thất bại, của nông dân Nghệ-an (nhất là ở Đô-Lương), do Cộng Sản Nghệ-an chỉ huy nhân ngày kỷ-niệm lễ

Lao động Quốc tế 1-5-1930. — Suốt thời kỳ 5 năm đầu tiên ấy của lịch sử Đảng Cộng sản Việt nam, Nguyễn Ái Quốc vẫn chịu mệnh lệnh trực tiếp của Moscou (Nga - xô), chứ không phải của Đảng Cộng sản Pháp, mặc dù Việt - Nam là thuộc địa của Pháp.

Do sự thất bại của So-viê-t Nghệ an 1930-1931, và kế tiếp, sự thất bại của Cộng sản Quảng Ngãi cũng trong thời gian ấy, Nguyễn Ái Quốc bị Staline triệu về Moscou và bị ông nẩy đày ra Sibérie trong 9 năm, 1932-1941.

Mùa xuân năm 1941, giữa Đê nhĩ-thê chiến, bỗng nhiên Nguyễn Ái Quốc được trả tự do và được Staline gọi về Moscou, cùng một lúc với Nguyễn kháng Toàn, lúc bấy giờ là giáo sư Việt ngữ tại Đại học đường Moscou được đảng Cộng Sản Nga-Xô gởi qua Trung-quốc hoạt động dưới mệnh lệnh của Mao - trạch-Đông. Tại đây, Nguyễn Ái Quốc mới đổi tên là Hồ-chí-Minh và được giao-phó nhiệm vụ tổ-chức lại đảng Cộng-Sản Việt-

Nam dưới quyền kiểm-soát của Trung-Cộng (lúc bấy giờ còn ở Yenan, (Diên-An).

Ngày 1-10-1949, Mao Trạch Đông hoàn-toàn thắng lợi, chiếm hết lãnh-thổ Trung-Hoa và tuyên-bổ thành lập Nhân dân Cộng-Hòa Trung-Quốc thi lập-tức Tướng Trung Cộng Lo Kwei-Po được Mao phái qua làm Cố-vấn chính-trị và quân sự cho Hồ-Chí Minh. Sau Hiệp định Genève 20-7-1954, Chính phủ Hà-nội vẫn còn theo đường lối chính-trị của Trung-Cộng và Nga-Xô. Đến khi hai cường Quốc lãnh-tục của Cộng-Sản Thế giới bắt đầu bất hòa với nhau, và dần dần trở nên thù-địch nhau, Đảng Cộng Sản Nhật và chính phủ Cộng Sản Bắc Hàn theo hần Trung-Cộng, rời bỏ Nga-Xô, chỉ có Hồ-chí-Minh, vì nhu-cầu chiến-tranh, vẫn không tránh được sự trực-thuộc vào Trung-Cộng, đồng thời cô hết sức vận-động duy trì sự bảo-trợ tinh-thần của Nga Xô, viện trợ kinh-tế và quân nhu (phi-cơ Mig và súng đạn) của Nga, cũng như các cố-vấn Nga-Xô và Trung-Cộng.

Trở lại năm 1936 - 37,

dưới thời Mặt - trận - Bình Dân Pháp, vì Nguyễn ái Quốc bị Nga Xô lưu đày ở vùng Sibérie, không còn ai là lãnh tụ Đảng Cộng sản Việt-nam, nên Staline ra lệnh cho đảng này phải đặt dưới quyền kiểm soát trực tiếp của đảng Cộng sản Pháp mà lãnh tụ là Maurice Thorez. Đảng Cộng Sản Pháp phái Maurice Honel qua « kinh lý » ở Đông dương năm 1936 và tiếp xúc với Cộng sản «An-nam», chính là để xác nhận trên thực tế sự trực thuộc của đảng Cộng-sản An-nam vào hệ thống của đảng Cộng sản Pháp theo mệnh lệnh của Nga-Xô.

Năm 1941, Pháp bị quân đội Đức quốc-xã xâm chiếm, Nga-sô bị lo về chiến tranh phòng thủ đất nước, Staline mới gọi Nguyễn-ái-Quốc bị đày ở Sibérie trở về Mos-ou, và lập tức ngày hôm sau Nguyễn ái Quốc được lệnh lên chuyến xe lửa xuyên Tây-bá-lợi-á qua Diên-an, Tổng-hành dinh của Mao-trạch Đông

Vì sự thay đổi đột ngột quyền lãnh tụ do Nga-Xô trao cho đảng Cộng sản Pháp, dưới thời Mặt trận Bình dân (1936-

1937), mà Pháp lại là một nước thực dân đang đô hộ xứ « An nam » nên đảng « Cộng sản An nam » phải theo mệnh lệnh của đảng Cộng sản Pháp mà thay đổi cả chiến lược tranh đấu để hợp với hoàn cảnh lịch sử mới. Lúc chưa nắm được chính quyền, và hãy còn là một đảng đối lập, Maurice Thorez, chủ tịch đảng Cộng-Sản Pháp và các đồng-chí của ông ở Hạ nghị Viện, Thượng nghị-viện trên các cơ quan Báo-chí của Đảng, không ngớt kêu gọi « giải phóng các dân-tộc bị nô-lệ dưới chánh sách dã man của bè lũ thực-dân tư bản Pháp ».

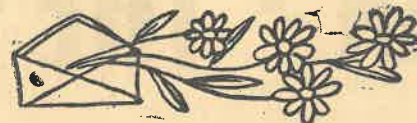
Nhưng khi Mặt trận Bình Dân lên nắm chính - quyền, trong đó thành phần Cộng-Sản Pháp chiếm đa số, và Maurice

Thorez được làm Phó Thủ-Tướng chính phủ, thì Đảng Cộng Sản Pháp không nhắc lại những khẩu-hiệu đấu tranh kia nữa. Các dân-tộc thuộc địa chờ mãi chẳng thấy « giải-phóng » đâu cả.

Trái lại, khẩu-hiệu đấu-tranh chống thực-dân Pháp do Cộng Sản Đệ-tam quốc-tê đã thường xuyên nêu ra, bây giờ được đổi lại theo chiến-thuật mới như sau đây :

« Kiên-quyết chống bọn cá-mập tư bản da trắng và da vàng bóc-lột quần chúng vô sản. »

Những khẩu-hiệu : « Chống thực-dân Pháp » trên các cơ quan báo-chí Cộng sản, và trong các cuộc đấu-tranh của Lao-động, đều bị xóa bỏ và không được nhắc lại.



● VẪN LÀ GIẢI THƯỞNG

« Nữ sĩ » Christine Singer vừa được giải thưởng « Nana », giải thưởng dành cho tiểu thuyết do phụ nữ viết, « bết » nhất trong năm. Ngày cuốn tiểu thuyết của Singer phát hành, trên mỗi cuốn có tấm băng : « Bộ tiểu thuyết độc nhất viết với một máy may. »

Chúng tôi có nhận được bài
lai cáo sau đây do Đại-Đức
Thích-Như - Niệm, trụ - trì
Chùa Pháp - Hoa (Phú-
Nhuận) có mỹ ý gửi đến.
Thấy trong bài, ngoài phần
chính là trình bày lịch sử
và công-đức độ tận chúng
sinh, tầm thanh cứu khổ,
của Quán-Thế-Âm Bồ-tát,
còn có chứa đựng nhiều nhận
xét xác thực và ý nghĩ vô tư
về một vài khía cạnh của
Phật-giáo hiện nay, cho
nên chúng tôi vui lòng đăng
nguyên vẹn bài diễn-văn của
vị Tỷ-Kheo trong số đặc-
biệt Phật-Đản này.

Phồ-Thông tạp-chí

diễn văn
khai mạc
lễ an-vị pho
tượng của

ĐỨC

QUÁN - THẾ - ÂM

TẠI CHÙA PHÁP - HOA — PHÚ - NHUẬN



NAM-MÔ BỒN-SƯ THÍCH-CA
MÂU-NI PHẬT

Bạch HÒA-THƯỢNG của
Hội-Đồng Trưởng-Lão viện
TĂNG-THỐNG

Kính thưa chư Thượng-Tọa,
Đại-Đức Tăng, Ni, và toàn thể
chư thiện-nam tín-nữ,

Kính thưa quý vị;

THẬT là một vinh dự
đặc biệt cho chùa PHÁP
HOA của chúng tôi
hôm nay được hân
hạnh đón tiếp ngài Hòa-Thượng
thuộc Hội-Đồng trưởng lão
Viện Tăng-Thống, cùng chư
Thượng-Tọa, Đại-Đức, Tăng-Ni,
và quý đạo hữu thân mến, đã
vui lòng đến đây chứng minh
cũng như dự lễ An-Vị Bửu
Tượng của ĐỨC QUÁN-THẾ-
ÂM Bồ-Tát.

Chúng tôi khôn xiết vui
mừng thấy thực hiện được một
ý-nguyện tha-thiết của chúng
tôi, là dựng nên pho tượng của
dạng Mẹ lành tượng trưng cho
Đại-Từ-Bi năng Cứu-Khổ, để
Phật-tử khắp nơi đến chiêm
ngưỡng và cầu nguyện, giữa lúc
dân-tộc Việt-Nam đang quần
quai đau thương trong máu lửa
binh đao, và số kiếp của nhân
loại đang bị đe dọa bởi viễn

ảnh của chiến tranh nguyên tử.

Mục-dịch và ý-nghĩa của việc
dựng tượng này là ở trong
khôn khổ hoằng pháp lợi sanh
và biểu dương tinh thần Đại-Bi
bình-đẳng của Đức Quán-Thế-
Âm thường cứu độ chúng sanh,
không những riêng đối với từng
cá nhân Phật-tử đã tin tưởng
nơi Ngài, những sinh-linh đang
mắc trong vòng khổ-lụy, mà
còn đối với cả khối dân tộc
đang đau khổ và toàn thể chúng
sanh còn đắm chìm trong nghiệp
chướng.

Nhân dịp này, đề nhắc lại
cho chư giáo-hữu và cũng đề
cho những đồng-bào không phải
là Phật-Tử nhưng đã từng nghe
uy-danh của Đức Quán-Thế-Âm
mà chưa có dịp tìm hiểu về lai
lịch của Ngài, chúng tôi xin đề
cập đến ý-nghĩa danh-hiệu và
sự-tích của vị Bồ-Tát thường
biểu dương công-đức vô-lượng
khắp một vùng Nam-Hải.

Danh từ Quán-Thế-Âm là
dịch nghĩa của tiếng Phạn
«AVALOKITESVARA», tiếng Tàu
và tiếng Nhật là «KWAN-YIN».

Trong Kinh Thủ-Lăng-Nghiêm,
chính Đức Quán-Thế-Âm đã
giảng giải rõ ràng về cái danh
hiệu của Ngài trong lúc Phật

ở tịnh xá, nơi rừng Kỳ-Đà, giữa 1250 vị Tỳ-Kheo. Sau khi đánh lễ dưới chân Phật, Đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát bạch rằng:

— « Bạch Thế Tôn, tôi nhớ hằng-hà-sa-số kiếp về trước có một vị Phật ra đời hiệu là Quán-Thế-Âm. Tôi phát Bồ-đề tâm và nhờ Đức Phật đó dạy cho giáo-pháp VẤN, TƯ, TU, mà tôi được chứng nhập chánh định. Sau đó thấy tôi, Đức Quán-Thế-Âm Như-Lai, khen ngợi tôi đã tu được pháp môn viên-thông, nên ở giữa đại-hội Ngài thọ ký cho tôi danh hiệu là Quán-Thế-Âm, bởi tôi nghe tiếng kêu của mười phương thế giới đều được thông suốt. »

Như thế tức danh-hiệu Quán-Thế-Âm là do đức Phật Quán-Thế-Âm Như-Lai thấy đệ tử của ngài đã tu được phép Viên-thông bèn lấy tên của Ngài mà thọ ký cho đệ tử là Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

Theo Kinh *BI-HOÀ*, thì có một kiếp trước, đức Quán-Thế-Âm đã hiện thân làm Thái-Tử tên là BÁT - THUẦN, (có sách ghi là BÁT-HUYẾN) con của vua VÔ-TRÁNH-NIỆM.

Thời ấy đức Phật BẢO-TẠNG NHƯ-LAI tại thế, vua và thái-tử nghe Phật này thuyết Pháp, thấu triệt được giáo lý cao siêu bèn hoan hỷ phát nguyện tu hành. Sau vua VÔ-TRÁNH-NIỆM thành Phật A-DI-ĐÀ và thái tử thành Bồ-Tát Quán-Thế-Âm ở CỰC-LẠC THẾ-GIỚI.

Trong Kinh *Quán-Thế-Âm Tam-Muội*, Đức Phật THÍCH-CA cũng có dạy rằng: « Bồ Tát Quán-thế-âm trước kia đã là một vị Phật mà bây giờ Ngài lại là Bồ-Tát. » thì trong kinh *Đại-Bi-Tâm-Đà-La-Ni* có ghi chép rằng: « từ vô lượng kiếp trước Quán-Thế-Âm Bồ-Tát đã thành Phật hiệu là : CHÁNH-PHÁP-MINH NHƯ-LAI, nhưng vì nguyện lực Đại-Bi nên ngài phát tâm xin hiện thân Bồ-Tát tu tập pháp môn Đà-La-Ni để cứu độ chúng sanh, tiêu tai giải ách và tăng trưởng phúc huê. Ngài thọ trì thần chú Đại-Bi Tâm Đà-La-Ni nên từ đó tự thân ngài sanh ra thiên thủ, thiên nhãn, để cứu khổ cứu nạn độ thoát chúng sanh ở cõi Ta-Bà thế giới. »

Vì thế bài chú *Đại-Bi* mà Phật

từ mười phương hằng ngày tụng niệm có tên là « *thiên thủ thiên nhãn Quán-Thế-Âm bồ-tát vô ngại đại bi tâm đà-ra-ni* ». »

Trước đây 2500 năm, thời Phật còn tại thế, một hôm Phật từ ở núi KỶ-XÁ-QUẬT, chúng đại tỳ-theo có một muôn hai nghìn vị trong số đó có cả tỳ-kheo-ni MA-HA BA-XE BA-ĐỀ và bà tỳ kheo ni GIA-THẦU ĐÀ LA. Ngài Vô-Tận-Ý Bồ-Tát từ chỗ ngồi đứng dậy trích áo bày vai hữu chấp tay hướng Phật mà bạch rằng: « Bạch Thế-Tôn, ngài Quán-Thế-Âm bồ tát do nhân duyên gì mà tên là Quán-Thế-Âm? »

Phật liền bảo ngài Vô-Tận-Ý Bồ-Tát: « Thiện nam tử nếu có vô lượng trăm nghìn muôn ức chúng sanh chịu khổ não, nghe Quán-Thế-Âm bồ-tát này một lòng xưng danh, Quán-Thế-Âm bồ-tát tức thời xem xét tiếng kêu kia mà giải thoát chúng sanh đau khổ. Do nhân duyên đó mà gọi là Quán-Thế-Âm. » « *Nhược hữu vô lượng bá thiên vạn ức chúng sanh thọ chư khổ não, Văn thị Quán-Thế-Âm bồ tát, nhứt tâm xưng danh Quán-Thế-Âm bồ-tát tức thời danh kỳ âm*

thanh giai đắc giải thoát, dĩ thị nhơn duyên danh Quán-Thế-âm

Như vậy theo kinh *Diệu-Pháp Liên-Hoa Phổ-Môn Phẩm*, Đức Phật đã giảng giải rành mạch ý nghĩa danh hiệu của đấng Đại-Tử Đại-Bi cứu-khổ cứu nạn Quán-Thế-Âm Bồ-tát.

Tiếng Quán-Thế-Âm còn gọi tắt là **Quan-Âm**, và trong kinh *Ngũ-Bách-Danh*, ngài còn 500 danh hiệu khác nữa đề tượng trưng công đức vô lượng, thần lực vô biên, thiên nhãn chiếu kiến, thiên thủ hộ trì, vô ngại đại bi tâm đà-la-ni của Thánh Quán tự-tại bồ tát ma-ha-tát. Thế nào gọi là bồ-tát ma-ha-tát?

Bồ-Tát là danh từ rút ngắn của bốn chữ *Bồ-Đề Tát-Đỏa*, phiên âm theo tiếng Phạn BODDHISATWA (đọc là Bồ-đi-sát-hoa) có nghĩa là bậc hữu tình đã giác ngộ cho bản thân rồi, lại còn giác ngộ cho các loài hữu tình khác. *Ma-Ha-Tát* là đại Bồ Tát *MAHABODDHISATWA*, bậc đại giác có đầy đủ thần năng cứu độ chúng sinh.

Tóm lại, Quán-Thế-Âm là một đại Bồ-Tát đã chứng pháp viên thông tự tại nghe thấy được tất cả những tiếng kêu cứu bị

thương của trần thế xung danh hiệu ngài và cầu nguyện ngài tế độ.

Chúng ta là tín đồ của ngài nên biết rằng không phải ta kêu tên ngài thật to, ngài mới nghe thấy đâu! Không! Ngài không theo rồi âm thanh bên ngoài như lỗ tai phản tục của chúng ta. Trái lại, với đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát chỉ dùng trí tuệ viên thông, thanh tịnh, mà quan sát thấu suốt được nội tâm của chúng ta mỗi khi chúng ta quá đau khổ, cầu nguyện đến ngài kêu tên ngài, dù chỉ là tiếng kêu âm thầm, nhỏ bé, nhưng tha thiết chân thành, đặt hết lòng tin tưởng của chúng ta vào uy lực vô lượng vô biên của ngài. Chúng tôi thiết tưởng cần phải xét nhận quan điểm rằng đây hoàn toàn không phải mê tín, dị đoan, vì đã biết bao nhiêu Phật-Giáo đồ, tin tưởng nơi đấng đại từ đại bi, lỡ gặp tai nạn bất ngờ, hoặc vô cùng đau khổ không thể tự cứu thoát được mình, chỉ còn phương tiện cầu cứu đức Quán-Thế-Âm. Miệng lầm bầm: « Nam mô Quán Thế Âm Bồ-Tát », « Nam mô Đại từ Đại bi cứu khổ cứu

nạn Quán-Thế-Âm Bồ-Tát », hoặc niệm chú Đại Bi thì ngài thường hiện về để cứu ta. Sự hiện hình mẫu nhiệm của đức Quán-Thế-Âm nhiều khi được xảy ra trong giây phút nguy hiểm nhất, tuyệt vọng nhất của ta, đem lại cho ta nguồn ánh sáng n-úi tuyệt diệu và cứu ta khỏi tai ách hiểm nghèo, làm tiêu tan lửa phiền não trong tâm. Cảnh dương-liễu mà ngài cầm nơi tay mặt và bình nước Cam lồ nơi tay trái, là tượng trưng oai thần mát dịu và linh ứng vô lượng của đức Quán-Thế-Âm Bồ-Tát.

Thưa quý đạo hữu,

Theo tinh thần của Phật-Giáo đại thừa, đức Quán-Thế-Âm bồ tát tượng trưng cho đức độ Đại bi, cũng như đức DI-LẠC bồ tát tượng trưng cho đại từ, Đức Văn-Thù Sư-Lợi bồ-tát tượng trưng cho đại trí, Đức Phổ-Hiền bồ-tát tượng trưng cho đại hạnh, Đức Đại-Thế-Chí bồ-tát tượng trưng cho đại lực, Đức Địa-Tạng-Vương bồ-tát tượng trưng cho đại nguyện.

... Những đức tính Đại Bi

của đức Quán-thế-Âm làm cho ngài gần gũi chúng ta hơn các vị bồ tát khác. Ngài đi sát với chúng sanh, đem lòng thương rộng lớn không bờ bến. Để cứu vớt những thống khổ của chúng sanh, không bị thời gian, không gian chi phối, không phân biệt giàu, nghèo, giai cấp, giống nòi, không thiên vị kẻ khôn, người ngu, không lo cứu người mà không cứu vật. Ngài rưới nước cam lồ trên hết thảy những vết thương lở-lói của các tâm-hồn thống-khổ hăm-hiu, bi-hận.

Ngài nghe hết thảy những tiếng rên rỉ quặn quại của đau thương trong cõi đời gió bụi. Không phải tiếng ai lớn, tiếng ai mạnh, tiếng ai giàu ngài mới nghe mà quên lãng tiếng yếu đuối, bé nhỏ của bần cùng khổ-hận. Trái lại, chính ngài là vị cứu tinh của hăng hà sa số kẻ bị hất hủi, bị cô đơn, bị ruồng bỏ, bị hiếp đáp, bị nghèo, bị rách, bị hăm dọa, bị uất ức, bị ưu phiền, bị tuyệt-vọng. Ngài là người mẹ dịu lành của tất cả những tâm hồn bị dọa-dày trong khổ-lụy.

Bất cứ nơi nào trong cõi Ta bà này mà có tiếng rên xiết của

loài người kêu cứu với lòng tin tưởng chân thành, là có bàn tay mẫu nhiệm của đức Quán-thế-Âm đem đến an-ủi từ bi tế độ. Vì thế đức Quán-Thế-Âm có năng lực hiện ra 32 ứng thân để tùy phương tiện và hoàn cảnh mà sử dụng uy lực linh ứng của ngài.

Bởi không phải lúc nào, không phải ở chỗ nào ngài cũng hiện ra nguyên hình mẫu nhiệm một vị bồ-tát. Phải có trường hợp đặc biệt lắm đức Quán-Thế-Âm mới hiện nguyên hình ra và trong lúc đó luôn luôn ứng thân của ngài là một phụ nữ. Một vị Phật bà mà ta thường tôn kính xưng danh hiệu « **Phật-Bà Quan-Âm** ». Đúng như pho tượng mà chúng ta cúng dường chiêm bái hôm nay đây, ngài hiện ra như thế chỉ chốc lát trong khoảng-khắc không quá 5 phút đồng hồ, có khi rực rỡ trong hào quang thiêng liêng, cũng có khi mờ-mờ, màng-màng, phảng-phất trong không trung hoặc ngay trước mắt ta để cho ta chiêm ngưỡng rồi ngài biến dần trong hình ảnh phai mờ như mây khói.

Nhưng đức Quán-Thế-Âm lại còn hiện ra một cư-sĩ, hoặc một Tỳ-sa-môn, Một-tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, hoặc một thường dân, một cụ già, một đứa trẻ, có khi là một con chim, một cành cây, một ngọn gió. Nếu cần, đức Quán-Thế-Âm cũng không ngại ngại hiện ra thành quỹ-dạ-xoa, càn thất bà, a-tu-la, ca-lâu-la, v.v...

Tất cả những ứng thân đều chỉ là những phương tiện mà đức Bồ-tát Quán-Thế-Âm tạo ra tùy theo hoàn cảnh để cứu khổ, cứu nạn cho chúng sanh.

Đức từ bi cao cả của ngài thật là vô lượng vô biên như thế đó. Ngoài ra có những truyền thuyết rất được phổ cập trong dân chúng như truyện Quan-Âm Thị-Kính, Quan-Âm-Diệu-Thiện v.v... đều cũng là hiện thân linh ứng của Bồ-tát Quán-Thế-Âm, nhờ chúng được đồng thể cùng chư Phật, cùng chúng sanh, nhờ pháp viên-thông tự tại, biến hóa ra muôn vạn hình thức của trời và người, nhơn và phi-nhơn, đức Quán-Thế-Âm đã hiện ra khắp nơi nơi, ban đức vô úy cho muôn loài trước nguy hiểm, và công-đức thù-thắng vô lượng khắp cõi Ta-bà.

Vì thế nên khi chúng ta gặp tai nạn, kêu cứu danh hiệu hiền linh của ngài thì tự nhiên ta cảm thấy vững lòng không còn biết sợ sệt gì nữa, đó là đức Quán-Thế-Âm đã nghe tiếng kêu của ta và cứu thoát ta vậy.

Nhưng tại sao có nhiều người thường cầu cứu ngài mà ngài không chứng giám? Tôi mong các đạo hữu nên đặc biệt lưu ý đến điểm quan trọng này. Thực ra lòng từ bi mênh mông không bờ bến của đức Quán-Thế-Âm không có từ bỏ ai. Nhưng không phải tiếng kêu cứu nào ngài cũng nghe hết. Cảm ứng với ngài thì có khi chỉ một tiếng than yếu ớt ngài cũng đã nghe rồi, trái lại, không cảm ứng với ngài thì dù có xưng hô 108 lần Hồng-Danh của ngài, dù có tụng hết quyển kinh *Nữ-Bách-Danh* và lạy 500 lần, dù có trì chú Đại-Bi 36 lần và Thập-Nhị-Nguyện 100 lần thì tất cả những tiếng kêu ấy cũng chỉ rơi vào sa mạc mà thôi. Tại sao vậy?

Tựa quý đạo hữu, tại vì muốn tiếng kêu của mình thấu đến tai của Bồ-tát thì phải có sự cảm ứng hiền nhiên của

ngài trước đã. Lòng đại bi của đức Quán-Thế-Âm luôn luôn hướng ứng với sự đau thương xót xa của chúng sanh kêu cứu. Nhưng phải có đồng thanh mới tương ứng, đồng khí mới tương cầu, chúng sanh phải tin tưởng nơi ngài, phải có hấp thụ giáo lý từ-bi, phải thấm nhuần đạo hạnh hỷ-xã thì mới có sự cảm thông của đức Quán-Thế-Âm ứng vào chúng sanh được chớ. Không lẽ một kẻ cướp của giết người đang bị cảnh sát đến bắt nó vội vàng kêu đức Quán-Thế-Âm mà ngài cũng hiện ra để cứu thoát nó được sao? Không lẽ một tên lưu manh đang cưỡng hiếp một thiếu phụ, bị chồng chị ta bắt được tại trận nó không biết làm sao bèn kêu đức Quán-Thế-Âm, Ngài cũng từ bi tế độ nó sao? Chắc quý đạo hữu cũng thừa hiểu rằng lòng từ bi của đức Quán-Thế-Âm không thể nào đồng lõa với tội ác được. Ngài cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh, nhưng ngài không thể khuyến khích tội ác của quỹ-dạ-xoa cùng la-sát, đầy trong cõi tam-thiên đại-thiên được.

Phật tử chúng ta thành tâm

chú niệm danh hiệu Quán-Thế-Âm tức là ta cảm-thụ từ-bi-tâm của ngài. Ngài cũng cảm ứng đức tin của ta. Giữa đức Quán-Thế-Âm và tín đồ của ngài có sự giao cảm nhiệm mầu, do đó ngài mới chứng giám cho ta được. Đọc kinh *Phổ-Môn*, niệm *Chú Đại-Bi* với hết cả lòng tin tưởng chân thành sâu đậm, tức là ta luyện tâm vô quái ngại để tiếp nhận ánh sáng từ bi của đức Quán-Thế-Âm. Cho nên khi ta gặp hoạn nạn, khi ta đau khổ vô-cùng-cực, ta nhờ được từ quang mầu nhiệm của đức Quán-Thế-Âm trong lòng ta để truyền cảm lời khẩn nguyện kêu cầu của ta đến đấng Mẹ-lành.

Do sự truyền cảm đó mà ngài mới hiện ra để độ thoát đứa con đau khổ lâm nguy. Nói rõ hơn nữa, lòng tin tưởng thuần thành của tín đồ là nhơn, bi nguyện độ sanh của đức Quán-Thế-Âm là duyên, có *nhơn duyên* gặp gỡ thì chắc chắn có sự cảm ứng của ngài, hoặc ta nằm mộng thấy ngài hiện thân an ủi ta, khích lệ ta, chỉ bảo ta cách thức phải làm sao để thoát khỏi tai nạn, chấm dứt đau khổ phiền não trong lòng,

hoặc ngài cho ta thấy hào quang của ngài chiếu sáng ngay trước mắt ta bất cứ ở lúc nào, lúc thức cũng như lúc ngủ. Và chỉ có những Phật tử chân chánh, những tín đồ thuần thực noi gương từ bi của ngài trong cuộc sống thực tế hằng ngày thì mới được thấy rõ sự cảm ứng thiêng liêng mẫu nhiệm của đức Quán-Thế-Âm.

Cho nên ngay trong hàng Phật tử, kể cả trong giới Tỳ-Kheo, Tỳ-kheo ni, người nào thành tâm làm việc phước thiện mà không vụ lợi, người nào không tham lam mà chuyên việc bố thí, không giận dữ mà nhẫn nhục, im lặng, không ganh ghét mà tùy-hỷ, không hẹp hòi chấp nhất mà bao dung độ lượng, hay đỡ đầu kẻ nghèo, thương xót kẻ khổ, cứu giúp kẻ bị nạn, nghĩa là sống theo giáo lý từ bi hỷ xả của đức Phật, người đó mới đúng là đệ tử thuần thành của Phật và của đức Quán-Thế-Âm, người đó mới thật là hình ảnh của từ bi, thì luôn luôn và chắc chắn được đức Phật và đức Quán-Thế-Âm ban cho rất nhiều phước lành ngay ở đời thực tế này.

Trái lại, nếu người nào tự xưng là Phật-Tử, mà tâm tánh còn thiên tà, hành động còn bất chánh, lòng còn đầy rẫy tham, sân, si, tánh nết còn hung dữ hiểm độc, ý nghĩ còn bất lương, thì người đó dù ngày nào cũng đến chùa lễ Phật, đêm nào sáng nào cũng tụng kinh, nhưng đức Phật và đức Quán-Thế-Âm không bao giờ chứng giám cho.

Trừ phi người ấy biết ăn năn hối tội và sám hối luôn luôn theo lời Phật dạy, thành tâm cải tà qui chánh đúng với giáo lý của Phật thì mới được đức Quán-Thế-âm cảm ứng mà tế độ cho.

Ngay trong giới Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni cũng vậy. Nếu chúng ta không theo giới luật của Phật mà ham làm giàu, ham tiền bạc bất chánh, ăn của thập phương mà không lo hoằng-dương lợi-pháp, không cứu độ tín-dồ, không làm lợi ích cho quần chúng, mà chỉ lo ăn món ngon vật lạ cho mập béo, ham đi xe hơi Mỹ, là đệ tử của Phật giáo mà ở biệt thự xa

hoa, lấy tiền của chúng sanh để cất nhà lầu cho ngoại quốc mướn, lấy tiền nuôi gái, thích đường tà dâm, thì dù mang danh Đại-đức, Thượng-tọa, hay gì đi nữa cũng chỉ là những kẻ phản Phật, phản Pháp, phản Tăng, phản cả chúng sanh, phản đồng bào Phật tử. Những kẻ ấy tội ác bằng trăm ngàn những kẻ không đi tu. Lòng từ-bi của đức Quán-Thế-Âm rộng lớn và bình đẳng, không phân biệt Tỳ và chúng sanh. Chỉ cảm ứng vào từ bi tâm mà thôi. Hai chữ « từ bi » bao gồm tất cả chân-lý cao siêu của Đạo và đạo đức thuần-túy của đời.

Thưa quý đạo hữu,

Đề ghi công đức thù thắng của đức Quán-Thế-âm, Vì bỏ-tát cứu khổ cứu nạn của Ta bà thế giới, và đấng Từ-Mẫu thương xót không bờ bến bấy con đau khổ đang sống chơi vơi giữa thời mạt pháp, và giữa bom đạn chiến tranh, chúng ta thường tụng kinh Phồ-Môn, chú Đại-Bi, và xưng niệm uy danh của ngài, nhưng không phải

một cách máy-móc theo thường lệ đề cầu mong được ngài gia hộ cho riêng bản thân của mình. Chúng ta nên noi gương ngài phát lòng từ bi quảng đại, gieo rất tình thương chung quanh mình, tình thương xã hội, tình thương dân-tộc, tình thương nhân loại.



... Chúng ta có bốn phận trọng đại và khẩn cấp là thiết tha cầu khẩn ngài rưới nước cam-lồ và rửa sạch mối hờn dân tộc, cầu nguyện sao cho chiến tranh BẮC, NAM mau chấm dứt, cho hòa bình mau trở lại với Tổ-quốc, với Dân-tộc, cho nhân-quyền, tự-do, công-lý được thực-hiện trên toàn lãnh thổ Việt-Nam.

Chúng tôi tin rằng nếu mỗi Phật-tử đều thường xuyên cầu nguyện như vậy thì thế nào đức đại bi Quán-thế-Âm bỏ tất cũng tạo được phương tiện hòa bình mau chóng cho dân tộc Việt-Nam.

Bạch Hòa-Thượng Trưởng-
lão Hội-Đồng Viện-Tăng-Thống,

Kính thưa chư Thượng-Tọa
Đại-Đức Tăng, Ni.

Và toàn thể quý đạo hữu
thân mến,

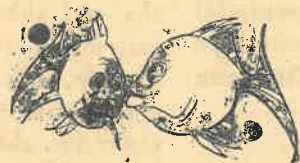
Chúng tôi xin chân thành cảm
tạ toàn thể quý ngài đã bỏ tất cả
những thì giờ quý báu để đến
chứng minh cũng như dự lễ an
vị pho tượng của đức QUÁN-
THỂ-ÂM Bồ-Tát tại chùa PHÁP
HOA do chúng tôi tổ chức bằng
những phương tiện nghèo nàn
tự túc của chúng tôi.

Chúng tôi xin thành tâm cầu
nguyện Đấng Mẹ dịu lành gia hộ
cho tất cả quý vị cũng như cho
toàn thể dân tộc Việt-Nam được
mau thấy lại đời sống thái-
bình và an-lạc.

Nam-Mô Đại-Từ Đại-Bi
Quảng-Đại-Linh-Cảm-Ứng Quán
Thể-Âm Bồ-Tát Ma-Ha-Tát.

Đại-Đức THÍCH-NHƯ-NIỆM
Trụ-Trì chùa PHÁP - HOA

(Rằm tháng Ba-nhuân,
Phật-lịch 2509)



★ DANH NGÔN

*Không thể được là một tiếng không bao giờ tôi dùng đến.
(Impossible est un moi que je ne dis jamais)*

Collin d'Harleville

● NÓI CHUYỆN VỚI VỢ TƯƠNG LAI

Một ông nọ có vị hôn thê diếc câm như khúc gỗ... Một hôm
ông ta đến để nói chuyện làm lễ thành hôn, ông vừa nói vừa hét,
lớn tiếng đến nỗi làng xóm đưa đơn kiện ở quận cảnh - sát, mà
có vợ tương lai kia vẫn chưa biết vị hôn phu mình nói gì.

Thư gửi

CÔ ĐIỀU THANH

Đại-học Văn - Khoa - Saigon

★ NGUYỄN-VỸ

Diệu-Thanh mến,

TR O N G bức thư dài quá 8 trang gửi về Tòa-
soạn ngày 27 tháng 3 d.l. vừa qua, Diệu-Thanh
trình-bày, với những lời-lẽ vô cùng cảm-động,
những « ý-nghĩ hoang-mang » và « những nhận-
xét thắc-mắc » của một số đồng nam-nữ Phật-tử và của
chính Thanh về một vài « tình trạng mới lạ » của Phật-
giáo ở xứ ta hiện nay.

Các bạn muốn tôi cho biết « ý-kiến thành thật và khách
quan » về các vấn-đề mà các bạn đã nêu ra, và yêu-cầu tôi
« trả lời trên một báo Phồ-Thông một cách hoàn-toàn vô-
tư » để giúp các bạn « xóa bỏ được những thắc-mắc và xây
dựng lòng tin vững-chắc hơn ». Khiêm-tốn, Thanh lại viết
rằng Thanh và các bạn « không dám hỏi quý Thầy, nhưng

không thể không hỏi nơi một Phật-tử thuần-thành đã có ít nhất cũng trên 30 tuổi đạo, vừa là một nhà Văn tận-tụy trên 30 tuổi nghề, mà tụi em là những độc giả trung-thành cảm-mến... »



Những thắc-mắc của các bạn chỉ là những thắc-mắc của thời-đại, do tình-thế loạn-ly chung của xã-hội gây ra. Nhưng tôi tha-thiết mong **rằng** quý bạn đừng mất hy-vọng **như** toàn-thể bức thư của Diệu-Thanh, và nhất là đoạn cuối, đã tiết-lộ ra đây về bi-quan. Các bạn nên tin rằng dù Phật-giáo phải trải qua một cuộc khủng-hoảng ở ngoại-cảnh trong thời Mạt-pháp chẳng nữa, những **biến-chuyển** đáng lo-ngại ấy chỉ giả tạo bởi một **thiếu số Tăng-Ni** và Phật-tử chưa thấm nhuần Giáo-lý cao-siêu của Đức Phật mà thôi. Cuộc khủng-hoảng hiện nay không đáng kể. **Đại-da-số Tỳ-kheo, đại-chúng Tăng-Ni và quảng-dại khối Phật-tử thuần-thành ở Việt-Nam vẫn giữ vững bờ-đề-tâm, trung-thành với lời Phật dạy, lo tự-giác, giác-tha, không hề phản-bội Phật-giáo bao giờ.**

Không ! Không ! Các bạn chớ lằm tưởng như vậy. Các bạn cứ tin rằng Hồ-sơ cá nhân của mỗi công-dân đều còn đó. Dù ai lén-lút, giấu-giếm, dùng thủ-đoạn bất chính nào đi nữa, để che đậy tội lỗi, thời-gian cũng sẽ không phai-mờ được thành-tích những tác-phong, hành-vi, cử-chỉ, ngôn-ngữ, của một thiếu-số ác-tăng phản Phật, phản Pháp, phản Tăng, phản chúng-sinh, phản cả Dân-tộc, phản Tổ-quốc, mà họ giả-danh hô-hào phụng-sự để lừa dối Phật-tử.

Diệu Thanh và các bạn đừng lằm tưởng rằng vì một

thiếu-số tăng-già phản Phật mà « **Phật-giáo bị mất rất nhiều uy-tín** » như Diệu-Thanh đã nói. Không ! Không ! kẻ phản-bội Devadatta đã tìm cách ám-hại Phật nữa kia, mà Đức Phật có bị hại không ? Devadatta dốt chuyện nói xấu Phật biết bao nhiêu, vu-khống Phật, mạ-ly Phật, ngay hỏi Phật còn tại thế, mà Phật có bị mất uy-tín không ? Giáo-lý của Phật có bị đại-chúng đương thời ghét bỏ không ? Chân-lý của Phật có bị phai-mờ, hay xuyên-tạc được không ? Không ! Không ! Chúng ta tin-lưởng rằng Phật-giáo nhiệm-mầu, Phật-giáo thuần-tùy cao siêu, Phật-giáo bất-diệt, mặc dầu Phật-giáo đang bị một bọn Devadatta của thời-đại tiếp tay với quỷ-dạ-xoa, La-sát, a-tu-la, ca-lầu-la để phá uy-danh vô-lượng-thọ của Phật và giáo-lý linh-hiến quang-minh của Như-Lai.

Nhưng thay vì có thái độ « chán ghét » của một số Phật-tử hiện nay, hoặc than-phiền, ngờ-vực, bi-quan, thất vọng như Diệu-Thanh và một số các bạn sinh-viên Phật tử, gia đình Phật-tử, thanh-niên Phật-tử, tôi thiết-tưởng tất cả những Phật-tử trung kiên, thuần-thục phải tự thấy có bổn phận bảo-vệ Phật-pháp đối với những đồng bào ngoại-đạo, và những người đang tìm hiểu Phật-giáo, hoặc những người đang đả-kích Phật-giáo.

Tôi xin các bạn giữ vững lòng tôn-kính Tam-bảo : Phật, Pháp, Tăng và để giải thoát cho ta khỏi nghiệp chướng, giải thoát chúng sinh khỏi mê-làm, ta nên **thành-tâm hành Đạo Tam-muội-Tam-Bồ-Đề.**

Thời buổi tao loạn, mãnh-lực đô-la và xe hơi Huê-kỳ, nhà sang, gái đẹp, của ngon vật lạ mới quyến-rũ được một **thiếu số học-tăng, đại-đức,** mỗi ngày mỗi xa Phật, xa Pháp, xa Tăng, mỗi ngày mỗi thêm tham, thêm

sân-si, thêm các thứ đục, cọng vào ngủ-uần, lục căn không kèm-chế nổi, cho nên mới có bọn « nhà Sư » giả-mạo đó, kẻ ra cũng thật là một cơn khủng-hoảng trầm-trọng đáng lo-ngại cho Phật-giáo Việt-Nam.

Nhưng các bạn còn đặt được rất nhiều tin-tưởng vào quý vị Đại-Đức Chân-Tu, đại-đa-số các bậc Tỷ-khuru chân-chính, ở Đại-thừa cũng như Tiểu-thừa, còn làm rạng-rỡ Ánh Đạo Vàng.

Còn quý-vị Phật-tử gương mẫu thuần-túy đó, là Phật giáo Việt-Nam vẫn còn.

Các bạn không nên vì vài ba con sâu mà đổ cả nồi canh. Các bạn có quyền khinh bỉ một nhóm « sư hồ-mang » hay « sư thời đại » nào đó...

Vì Phật-pháp, các bạn có quyền, hoặc có bổn phận lật mặt nạ chúng để toàn thể Phật-giáo-đồng khởi bị chúng lừa dối nữa, để giới luật nhà Phật giữ được nghiêm-chỉnh.

Nhưng tôi tha-thiết khuyên các bạn chớ nên « chán bỏ » như giọng thư của Diệu-Thanh. Trái lại, các bạn cứ lạc quan, và sáng - suốt, đừng để bất cứ cá - nhân nào hay đoàn-thể nào lợi-dụng tuổi trẻ đang hăng say đi tìm Chân-lý.

Phật-giáo là Chân-lý cao siêu nhất của Đau khổ, của Từ Bi, của Giải-thoát khỏi mê lầm. Đạo Phật là chân lý của Đạo làm người.

Phật-đạo là Nhân-đạo.

Thân-mến chào Diệu-Thanh và các bạn.

★ NGUYỄN - VỸ

(Pháp danh Tâm-Trí)



BÀ

GIÁO

TIMM •

August Derleth

Thanh-Việt-Thanh dịch

VÀO BẢN ĐỆ-NHỊ lục-cá-nguyệt, khi đến nhận việc ở giáo khu 9, bà Judith TIMM rất lấy làm lo lắng vì trước lúc đi bà nhận được một bức thư nặc danh mà trong đó chỉ vồn-vẹn có ba chữ ngắn-ngủi : « *Đừng nên đến* » ! Bà ngờ bức thư đó là của cô giáo Mason mà bà đến thay.

Bà định sẽ đem hỏi, nhưng khi bà tới nơi thì cô ấy đã đi rồi. Vì thế, sự lo-ngại đã khiến bà đến trọ nhà hai chị em cô Abigail Moore

và Lettie. Nhà hai cô gái lưỡng-tuổi này ở ngay đầu một con đường đưa đến trường học mà phần-nhiều chỉ có học sinh và cha mẹ chúng qua lại thôi. Ngoài ra, dường như hai chị em cô Abigail và Lettie không có người thân-thuộc nào cả. Tuy-nhiên, hai chị em cô lúc nào cũng tỏ ra rất dễ-thương.

Với những ngọn đèn dầu mờ tối so với ánh điện sáng trưng—ngôi trường trông rất đẹp mắt, dù đã cổ xưa. Ở miền quê hẻo lánh này,

người ta ít thấy, ít có trang-trại nào có điện và học trò cũng thấy ít cần hơn những nông phu.

Cô Abigail, người gầy, cao lêu khêu; trái lại em cô là Lettie thì lùn đùn và béo tròn ra.

Cô Abigail cho bà Timm biết về cô giáo Mason trước kia là một người rất nóng tánh, và xác-nhận thêm:

— Thật thế, cô ta nóng tánh như một con mèo cái ấy! Những lúc đó, nếu bà thấy, hẳn bà phải rùng mình. Tôi có cảm tưởng rằng cô ta chẳng yêu gì những đứa bé... Cô ta còn trẻ hơn bà nhiều.

Như chạnh phải lòng, bà Timm chợt tâm tình:

— Chồng tôi đã vô phúc bất-hạnh sau ngày cưới ít lâu, tôi chưa hề có một đứa con nào cả... Vì thế tôi rất yêu trẻ thơ... Tiếc rằng tôi đã già rồi!

— Ô! Lo gì điều đó! Bà còn trẻ mà!

— Nhưng tôi đã hơn 30 tuổi rồi, còn gì!...

Cô Abigail chợt hỏi:

— À mà bà có thích cái nhà này của chúng tôi không nhỉ?

— Dĩ-nhiên mà! Gian phòng

rộng thênh-thang, lại có nhiều cửa sổ, thích lắm chứ!

—Ừ, chính chúng tôi vừa sửa chữa lại mới được thế đấy, bà ạ! Tuy-nhiên, như bà biết, nhà thiếu điện, ta không nên phung-phí nhiều vào buổi tối. Ta cần phải tiết kiệm...

Mặc dù cho rằng sự hạn chế tự nhiên của mình đó là hợp lý, hai chị em Abigail lúc ấy lại bỗng muốn chực vịn vào vai bà Timm, vì trong không gian, họ thấy hình như có một vật gì quái lạ đang xuất hiện...

Riêng bà Timm, bà đang nghĩ về lời nói bóng gió trong bức thư nặc danh mà bà chưa muốn tuyên bố với. Hãy cứ chờ đến lúc nào thuận tiện rồi hẳn nói, cũng không muộn, bà định thế.

Bà được chị em Lettie dành cho một gian phòng thuận-tiện và sạch sẽ. Đứng bên khung cửa sổ, bà có thể nhìn thấy trọn con đường và trọn cả ngôi trường ở cuối một hàng phong già cổ, to lớn kia.

Bà có cảm giác như mình đang sống vào giữa những ngày cuối tháng ba. Những cây phong già đã trổ đầy hoa và lá chúng cũng đã lại bắt đầu nảy nở.

Ngôi trường cũ kỹ ấy xây bằng gỗ, cách nay độ 50 năm. Nhưng nhờ những người đàn bà quanh vùng đã gia công gìn giữ quét dọn sạch sẽ và chính nhờ mỗi người đã cố gắng chung góp nhau từng vật liệu cần thiết để tu bổ ngôi trường, tu bổ cho đến nỗi cứ nhìn vào hình dáng bên ngoài, người ta cũng dễ dàng nhận ngay ra sự cung dưỡng thâm niên ấy — vì thế, ngôi trường mới tồn tại được với thời gian.

Bà Timm phụ trách 17 học sinh chia ra nhiều cấp bậc. Đó là chưa kể ba đứa nữa, chúng đến trường một cách không đều đặn. Có lẽ vì mùa này, đất đai vừa mới được chuyển mình trở dậy sau một cơn mê suốt mùa đông lạnh lẽo, nên cha mẹ của ba cậu học trò « bất thường » ấy cần đến chúng trong công việc đồng áng.

Học trò ở đây tỏ ra rất cần mẫn nhưng lại ít khôn ngoan và khó dạy: Bà Timm hy vọng rằng thời gian sẽ giúp bà điều-dắt, dạy dỗ chúng theo phương pháp riêng để có thể biến đổi được trí não và tính tình chúng tốt đẹp hơn.

Ngày hôm buổi đầu đến dạy, bà đã nói với chúng:

— Tôi hy vọng rằng tôi sẽ không đem lại cho các em một sự chán nản nào để các em khỏi phải có ý nghĩ so sánh tôi với cô Mason.

Nhưng hình như chúng chưa tin hẳn ở bà. Chúng luôn có thái độ ngờ vực và miễn cưỡng nghe theo lời dạy của bà. Dù thế, bà Timm vẫn luôn hết lòng tin tưởng ở thiện-chí mình.

Bà chia chúng ra làm nhiều toán để được hiểu mau chóng về trình độ học lực cá-nhân của chúng.

Ngay buổi chiều hôm ấy, bà đem vấn đề đó ra chuyện trò với hai chị em Lettie.

Cô Abigail hỏi:

— Bà dạy được bao nhiêu học sinh?

— Mười bảy, và có thêm ba đứa nữa mà chỉ thỉnh thoảng chúng mới đến trường.

Hai chị em Abigail thăm trao nhau một cái nhìn bí-mật khi nghe bà Timm nói đến ba đứa học trò « bất thường » ấy.

Bà Timm vô tình làm nhảm kể lại từng tên học sinh cho chị em Lettie nghe, nhưng cuối cùng chỉ có 16...

— Ô, thật là buồn cười! Tôi

đã quên hết một. Tôi nhớ hình như đó là một đứa bé có màu da ngăm đen, học lớp Tư...

— À ra... cô Lettie áp ứng bỏ dở câu nói, rồi bồng vút tiếp khác đi :

—Này chị Abigail, tối nay chắc trời sẽ mưa to. Chị hãy mau đóng những cánh cửa chắn gió lại đi !

—Ồ, làm gì có mưa đêm nay! Ánh trăng sáng rực kia mà ! Bà Timm cãi. Nhưng cô Lettie lại quả quyết :

—Kìa, mưa sắp đến nơi rồi đấy!

Còn lại một mình trong phòng, bà Timm vẫn đề nguyên cửa sổ. Ánh trăng tràn ngập đồng quê. Đêm tối êm đềm. Trời không gợn chút mây.

Trước khi đi ngủ, người đàn bà trẻ tuổi còn nán lại một giây bên khung cửa sổ tò mò. Bà bưa mắt nhìn về phía cuối con đường, nơi đó ánh trăng đang lấp lánh chiếu vào cửa kính nhà trường... Ô kìa, sao lại có một bóng hình thấp thoáng như bóng người đang nhón nhó qua lại làm gì ở đấy? Có phải kẻ ấ, định phá rối gì, định gây cho bà một trách nhiệm gì? Không, có lý nào... Bà nghĩ thế và yên trí bước vội lên giường.

Sáng hôm sau, nhà trường không

có một dấu vết phá hoại nào. Bà Timm phân định rằng trong một vùng quê không tăm tiếng này thật là buồn cười cho những ai đã có công phòng giữ kẻ đi đêm.

Học trò lần lượt đến đông đủ. Bà Timm bắt đầu điểm danh. Nhưng vẫn chỉ có 16 đứa ! Lại thằng bé da đen vắng mặt! Có lẽ nó còn bận giúp việc cho cha mẹ. Bà nghĩ, nếu có thể được, hôm nào bà sẽ tổ chức lớp học đêm. Như vậy, thấy rằng dù sao cũng có lợi cho một số trẻ nhỏ ở miền này.

Buổi chiều hôm đó, sau khi dùng cơm xong, bà Timm định đến ngay trường học. Nhưng điều đó đã làm cho chị em Lettie chú ý. Họ tìm cách can ngăn và biện luận rằng cô giáo Mason hồi ấy chẳng bao giờ có dạy đêm như thế, ngay cả thầy Brockway trước đó nữa. « Không cần phải làm việc nhiều. Có ty giáo-huấn nào lại muốn cho giáo chức mình quá bận rộn cả ngày đêm đâu...!» Sự khàn-khoản, can ngăn vụng về đó găm ra cũng hơi vô lý và cảm động đôi chút.

Bà Timm giảng giải :

— Tôi thích dạy đêm. Và như thế, dĩ nhiên là không có gì ngăn

cản được tôi nghĩ đến một điều...

— Điều gì? Abigail đưa mắt nhìn bà Timm hồi bằng một giọng cộc lốc.

— Điều đó chính là... là tôi đây!

« Chao ời, làm sao nói cho họ biết được — bà Timm tự nhủ — làm sao nói cho cảm thông được là ta tuy đã hơn 30 tuổi rồi mà ta vẫn cảm thấy chưa già, là ta vẫn còn muốn có một mái gia đình ấm cúng, có một đàn con trẻ thân yêu: học đường và lữ thư sinh? Ta có thể nói cho họ biết là cứ mỗi lần ta nhìn thấy chúng, ta luôn tự hỏi rằng: tại sao ta không như họ, đã sống hơn hai, ba mươi năm dài ở nơi đây? ..!!

Chiều chưa xuống hẳn, bà Timm đã vội đến trường. Ngần chim líu lo chào đón hoàng hôn. Gió heo may nhẹ nhàng thổi từ hướng tây lại mang theo một mùi đất ẩm, chua nồng. Trăng vàng xuất hiện trên không. Sao đêm lấp lánh lung trời.

Khu rừng phong mà người ở đây gọi đùa là « mía phong », đã sẫm tối lại bao phủ ngôi trường.

Bà Timm có cảm tưởng như những tàn cây to lớn kia là một chiếc nôi toàn bằng cành lá mà bóng hoàng hôn đã chui nằm trong đó.

Bà bắt đầu lấy thẻ mới ghi phát cho học sinh — một việc mà người ta cho là rất mệt nhọc, nhưng đối với bà, vẫn không có gì khó khăn cả.

Ánh sáng của ngọn đèn dầu soi tỏa thành một vòng hoa vàng vọt in trên chiếc bàn bằng gỗ tạp cũ kỹ.

« Brich, Marie... », bà giáo lần lượt biên tên họ, tuổi tác từng học sinh một và luôn cả tên cha mẹ chúng vào thẻ, rất mau chóng. Bỗng nhiên bà chợt dừng mắt lại trên bảng danh sách học sinh lớp tư... Bà nhớ lại đứa bé có màu da ngăm đen, nó đã vắng mặt suốt ngày hôm nay. Bà nhìn tấm thẻ trắng còn bỏ trống rất lâu theo ý muốn, rồi cố tiếp tục ghi đến tên đứa khác.

Nhưng, hình ảnh đứa bé vẫn luôn luôn theo đuổi tư-tưởng bà. Chao ời, sao mà nó khôn ngoan quá, ăn khúc quá thế! Ngay vào lúc ấy, hình ảnh đứa bé như hiện ra với một vẻ mặt van cầu, một nét buồn bã cô đơn.

Mặc dù bà đã từng gần gũi với

những trẻ nhỏ nhưng không hiểu tại sao đứa bé độ 9,10 tuổi mà lại có thể làm cho lòng bà xao-xuyến thêm khát một tình yêu mẫu tử, một thứ tình thiêng liêng mà từ lâu bà không có.

Bỗng nhiên bà linh tính như có ai đang rình rập mình. Bà vội đưa mắt nhìn lên... Trước bà, có một gương mặt mà ánh mắt luôn đưa dò khắp gian phòng học. Gương mặt ấy đang ở bên ngoài khung cửa sổ mở qua ánh trăng huyền-hoặc. Sau lưng nhà trường, phía gương mặt vừa xuất hiện, là khu rừng phong rậm rạp mà gần đó có gian nhà của đứa học sinh « bất thường » của bà, tên Edward Robb.

Một giây im lặng trôi qua. Gương mặt kia dần hiện rõ. Bà giáo bỗng thấy hơi lo sợ. Nhưng liền đó bà can đảm định thần nhận ra ngay được đây chỉ là cử động của một đứa bé.

Và bây giờ gương mặt ấy đã hiện ra trọn vẹn. Bà Timm chăm chú nhìn, không động tịnh. Bà thấy nó như quen thuộc.

Đứa bé có chiếc miệng duyên dáng, có đôi mắt nâu đầy vẻ mơ màng, có những lọn tóc đen dài

và nơi trán lại có cả một vết sẹo to, gần bên thái-dương trái. Thôi, đúng rồi ! Chính nó, đứa bé có màu da ngăm đen ! Chắc nó đã làm xong công việc nhà và ánh đèn trường học đã quyến rũ nó đến đây. Bà Timm đứng nhòm dậy, ra dấu bảo nó vào. Nhưng nó rụt-rè, rụt-rè... rồi lẩn trốn thật nhanh, nhanh như một con sóc rừng.

Và nó không trở lại !...

Khi về đến nhà trọ, bà giáo còn thấy cô Abigail đang ngồi đợi bà với một gương mặt giày vò, biểu lộ vẻ lo âu, sợ hãi.

Cô ta nhìn bà giáo dò xét như đề mong khám phá ở đây một dấu vết bất mãn, khó chịu nào.

— Tôi còn chờ bà, cô Abigail nói, vì tôi nghĩ rằng bà đã đổi, cần ăn một món gì khi về đây.

— Không dám, cảm ơn cô ! Tôi...

— À này, hay là bà dùng trà vậy nhé ! Tôi đã pha sẵn rồi kia.

— Thế à ? Vâng, tôi sẽ xin dùng với cô một tách cho vui vậy.

Lần đầu tiên được ngồi trong phòng ăn với một người khách trọ,

cô Abigail gọi chuyện :

— Sao, thưa bà, lớp học đêm có nhiều kết quả lắm không ?

—Ồ, khá quan lắm ! Xin cảm ơn cô !

— Biết ngay mà ! Thấy bà được thư thái trong lúc này, tôi đoán rằng hẳn bà có rất nhiều tiến triển...

Đó có phải là câu hỏi dò của cô Abigail ? Một câu hỏi ẩn đầy sự chất vấn hơn là sự nhận xét thông thường.

— Vâng !... À mà này, trong lúc tôi đang làm việc, có một đứa con trai đến trường nhìn vào lớp học qua khung cửa sổ. Nhưng nó lại không chịu vào.

—Ồ, đứa nào thế ? — Đôi mắt Abigail nhìn chăm chăm vào người đàn bà trẻ tuổi và giọng cô ta lí nhí nghe như tiếng thì thầm.

— Đó là một đứa bé có màu da ngăm đen mà tôi đã quên tên. Như cô biết khi người ta đến dạy một nơi nào, cũng cần phải phí một thời gian khá lâu mới biết được hết tên học sinh.

Tia nhìn của cô gái lưỡng tuổi kia vẫn luôn chiếu thẳng vào

người bà Timm. Tư tưởng cô ta đang phơi bày trọn vẹn một ý nghĩ ngờ vực bằng sự im lặng.

Chăm chăm uống từng ngụm trà, cô ta mở lời dò xét :

— Thưa bà, người ta hạn chế thấy lễ tôi, buổi sáng khi phải làm việc vào đêm nơi ấy. Tôi hy vọng rằng sẽ không có gì bắt buộc ba phải làm việc luôn như vậy nữa. Phải thế không, thưa bà ?

Lại một câu hỏi thông thường hay một lời khản khoản khéo léo mà cô Abigail cố tình nêu ra ?

Bà Timm chán nản, tự thấy chưa đủ thuận tiện để tỏ bày ý kiến mình, bà hững hờ đáp :

— Chưa biết được cô ạ ! Nhưng có lẽ tôi không thể tiếp tục được lâu.

Nghe xong, cô Abigail lộ ngay vẻ hân hoan nhưng cổ già vờ che dấu.

Tất cả những sự việc đó đã làm cho bà Timm cảm thấy lạ lùng khi về đến phòng ngủ. Chao ơi, thật là kỳ lạ ! Nhưng không, qua sự chăm nom, chịu chuông và vị nể của chị em Abigail, bà Timm thấy hẳn như họ có thiện

cảm với bà thật.

Sau đó, bà cho rằng mình đã tìm được câu trả lời hợp lý bằng mỹ cảm của những kẻ cô đơn sống riêng rẽ trong tình thương. Thật là dễ hiểu, chính họ, họ cũng sống trong cô đơn và lẻ loi. Đất đai của họ, họ đã cho một người chủ trại mướn làm mùa mà kẻ này lại rất ít lui tới với họ. Ngay cả mọi sự giao tiếp với xã hội, cũng không vượt qua nỗi sự liên kết nhỏ nhoi của một vài người lân cận.

★

NGÀY HÔM SAU, khi lớp học vừa mới bắt đầu, bà Timm bỗng nghe có tiếng gõ cửa. Bà ra mở. Trước mặt bà, một người đàn ông tuổi độ 35 có đôi mắt nâu và những lọn tóc đen dài, tay dắt một trong ba đứa học trò "bất thường" của nhà trường, khẽ cúi đầu chào bà rồi lễ phép hỏi

— Thưa bà, có phải bà là cô giáo mới đổi lại?

— Vâng, chính tôi là Judith Timm đây.

— Rất hân hạnh. Tôi là Tom Robb. Tôi xin đưa con tôi đến học với bà. Nhưng xin thú thực rằng nhà tôi rất đơn chiếc, tôi

phải cần đến nó luôn. Vậy xin nếu thỉnh thoảng mà nó có vắng mặt, mong bà thông cảm và tha thứ cho.

— Vâng, tôi biết rõ điều ấy lắm, xin ông cứ yên tâm.

Bà quay nhìn đứa bé rồi hỏi tiếp :

— Có phải em ấy là Edward không, thưa ông?

— Vâng, chính nó là Edward Robb đấy, bà ạ!

Đến đây, hắn bỗng đổi giọng, lạ lùng và bí mật :

— Và thưa bà, chắc bà thừa hiểu rằng... rằng tôi không thích nhìn thấy nó trên cầu thang trường học...

Thật là một câu hỏi buồn cười. Bà Timm nhìn kẻ đàn ông một giây rồi nói :

— Tôi tin rằng ở đây sẽ không có ai đại đột mà để cho em ấy lên thang lầu đùa chơi đâu, ông ạ!

Bà Timm cố chịu đựng cái nhìn soi mói của gã đàn ông lạ một cách thực thà... Nhưng bà bỗng cảm thấy như vừa chột khám phá được ở hắn một điều lạ làm cho bà phải ngạc nhiên.

Có phải chính nơi này, nơi mà trước kia có một điều gì bí ẩn xảy ra cho con hắn, cho hắn... do cô Mason?

Một chút đã man, một chút thù hằn, một chút ý nghĩ đen tối không ngừng gọi lại trong cái nhìn kỳ quái, dữ dằn mà hắn đang dồn cả về phía bà Timm. Niềm khỗ não ngăm ngăm từ lâu trong thâm tâm hắn, như đang bùng dậy mãnh liệt, khiến hắn đau đớn và như có vẻ thách đố.

Bà Timm bỗng mở rộng cửa thêm, mời hắn :

— Thưa, xin mời ông vào chơi.

— Hắn giật mình, lấp bắp :

— Ồ không... xin cảm ơn...

Hắn buông tay đứa bé, nhẹ nhàng đẩy nó về phía trước :

— Đây là giờ mà con phải phải giữ Ed...

Rồi hắn ấp úng tiếp, và cảm động :

— Nhưng khi bãi học, con nên về sớm một chút, con nhé ! Vì dù sao, Ed... cũng cần có con

! ...

Bà Timm ngạc nhiên hỏi :

— Thế còn bà Robb đâu, ông nhỉ?

— Thưa, nhà tôi đã mất hơn ba năm rồi, bà ạ!

— Ồ... xin lỗi ông!

— Thưa chẳng có gì... Nhưng

giá bà biết rõ được hoàn cảnh tôi...

Hối hận vì đã lỡ lời gọi lại cho hắn một nỗi buồn, bà Timm chột phân bua :

— Điều đó không lạ gì đối với tôi đâu, ông ạ! Vì chồng tôi cũng đã mất hơn 6 năm nay rồi đấy! ...

Nhưng qua lời bà, hắn vẫn lạnh lùng nở một nụ cười khó hiểu.

Khi gã đàn ông đi rồi, bà Timm bỗng nhớ đến sự giống nhau giữa hắn và đứa bé có màu da ngăm đen.

Có lẽ đứa bé ấy là con của Tom Robb? Ừ, phải rồi! Không còn ngờ vực gì nữa, hắn có thành kiến chống đối với nhà trường một cách rõ rệt. Điều đó đã lộ ra qua thái độ thù hằn và chằm chọc của hắn. Hắn không phải là người vô lễ, không phải là người thiếu giáo dục, nhưng sao hắn lại có cử chỉ chống đối kỳ lạ đến ghê tởm như thế? Làm sao có thể giải thích được cho mình đây?

Với ý nghĩ đó, bà Timm cảm thấy không vui với cảnh trạng này.

« Nhưng tất cả những điều đó là chỉ vì còn trẻ, ta cần phải săn sóc, dạy dỗ chúng. Ta không nên để cho ý nghĩ không đâu và chán nản kia lôi cuốn... »

(còn tiếp)

TỔNG MINH PHỤNG

BÀI HOANG

Bãi hoang cây cỏ im lìm
Bóng con hải điều đi tìm quê hương
Giật mình ướt đầm mù sương
Gót chân lãng tử tha phương cuối trời.

CHỜ

Tôi ru em ngủ xứ Hời
Vườn trắng vào mộng môi cười nở hoa
Rừng sương vây kín mình ta
Ngủ yên em nhé sơn hà đêm xuân

ĐIỀU TÀN

Nửa khuya còi hú vang rền
Tiếng khua con nước lênh đênh biển sâu
Này em thân thề ta đâu ?
Chừ trong đêm tối ôm bầu rượu say

BIẾN CHUYỂN

Con qua tha rơm làm tồ
Người Do-Thất nhìn cuộc đời màu đen
Tiếng đại bác nổ rền
Mẹ ơi ! Mẹ Việt-Nam.

ĐI

Gột thân lưu lạc xứ người
Làm con chim Phượng mặc đời gương cung
Đổ yên giấc ngủ trong lòng
Lấy hư làm thực ngồi trông em buồn
Nát tan da thịt quê hương
Tiếng còi du mục lên đường phiêu linh.

✱ Thượng - tọa
THÍCH ĐÔN-HẬU (Huế)

bàn hoài xuất thế của Đức PHẬT



Vì thế sự xuất hiện của Đức Thích Ca, như vật vĩ đại nhất trong những con người lịch sử, gây cho chúng ta những cảm nghĩ tròn đầy sự ngưỡng vọng.

Thực ra nếu nghĩ Ngài là một như vật lịch sử xuất hiện cách đây trên 2.500 năm ở tiểu quốc Ca-tỳ-la-vệ thuộc nước Ấn-độ trong vườn Lâm ty-ni, hay nghĩ Ngài là hiện thân mọi khả năng tiến-bộ của con người nhờ trải qua sự tu tập trong bao nhiêu kiếp. Tất cả ý nghĩa ấy chưa đủ, nghĩ như thế là chỉ mới biết về Ngài trong hình thức tiểu sử, chưa hiểu đến ảnh-hưởng trùng trùng vô tận mà Ngài đã

thực hiện, chính trong xã-hội loài người tác động tâm-não đương thời và hậu thế. Điều này buộc ta phải nghĩ nhiều hơn về bản hoài kỳ vĩ mà Ngài đã công bố trong Kinh *Pháp Hoa* « **Ta vì đại sự mà xuất hiện** » ấy là khai thị tự giác của Phật Đà cho chúng sanh ngộ nhập. Đặt sự dân sanh của Ngài trong bản hoài đó là muốn đề cao ý nghĩa ngày Đản-sanh ở chỗ chính mọi người chúng ta biết nối gót Ngài, thực hiện ý nguyện kỳ vĩ, đưa nhơn loại đến cảnh hòa-bình an-lạc hơn.

Nhưng khai thị tuệ giác Phật Đà là gì? Tuệ giác là thế nào? Chúng ta phải hiểu thấu điều đó mới có một định hướng cho chí nguyện kỳ vĩ đã nói.

Trước tiên khai thị tuệ giác Phật-đà là chứng minh ai cũng có đủ khả năng giác ngộ đạt đến sáng suốt cùng tột. Nhưng tại sao Đức Phật lại có chủ trương như thế, muốn biết điều đó, chúng ta phải xét tình trạng xã-hội văn hóa, chánh trị ở thời đại Phật giáng sanh. Ngài ra đời giữa một xã hội giai cấp, giai cấp này lợi dụng sự ngu-dốt của giai cấp kia để chiếm-

đoạt, giai cấp khác cam tâm chịu đựng những thành tích do họ đặt ra. Giai cấp chia ra năm thứ: Đạo sĩ, vua chúa, buôn bán, làm thuê, hạ tiện. Được biệt đãi nhất là giai cấp Đạo-sĩ Bà-la-môn, họ tự cho mình là giai cấp có đặc quyền trong việc tế tự làm trung gian giữa Phạm thiên và loài người. Họ lợi dụng sự mê tín của những giai cấp dưới, sống cuộc đời nhàn lạc.

Thứ đến giai cấp Vua-Chúa, quý tộc có nhiệm vụ quản trị dân chúng vì Phạm thiên đã xếp đặt như thế. Họ bảo thủ chế độ phong kiến tất cả khổ sở nhọc nhằn đều đổ lên đầu các giai-cấp dưới, nhất là hạng làm thuê và hạ tiện. Hai lớp cùng dân này là những đàn nông nô, họ chịu đựng đủ mọi thiếu thốn tủi nhục.

Về mặt Tôn-giáo, trong giáo phái của xã hội giai cấp ấy phân đông chủ trương khổ hạnh quần chúng đa số mê tín. Về mặt tư-tưởng thời lúc bấy giờ tư-tưởng Ấn-độ được cô đọng trong 4 cuốn kinh *Vệ-đa*. Nguồn gốc của Triết học Áo-nghĩa-thư, tư tưởng ấy như thế nào phải

nói ở đây một chút để thấy tại sao Đức Thích Ca khai thị tuệ giác Phật-đà. Thoạt tiên quan niệm đạo-đức của họ rất kỳ dị: là con người ở giai cấp nào phải thực hiện trọn vẹn bổn phận mình và đừng nghĩ đến gì khác ngoài gánh nặng mà họ gọi là nghĩa vụ do Phạm thiên đặt đề cho. Đó là tư-tưởng đối kháng sự tiến bộ của quần chúng. Lời tuyên bố của họ là: Thế giới và giai cấp đều tồn tại trong sự phán quyết của Phạm thiên. Ấy là những liều thuốc tê liệt, hơn nữa, là chất độc thuốc chết tất cả khả năng tiến bộ của đám cùng dân.

Thực trạng xã hội thời đức Phật đản sanh là thế, bây giờ chúng ta xem Ngài khai thị tuệ giác Phật-đà như thế nào? Sau khi chứng đạo Bồ-đề vô thượng huấn thị căn bản của đức Phật là: « **Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành** », huấn thị này tuyên ngôn ai cũng có sẵn bản tánh sáng suốt như Phật, chỉ khác nhau ở chỗ mê và ngộ. Đức Phật nhờ trải qua vô lượng kiếp tu hành mà Ngài đã được giác ngộ. Còn chúng ta vì vô

minh che lấp nên mãi hoài trong kiếp lầm mê đau khổ.

Nhưng thế nào là ngộ nhập tuệ giác Phật-đà, đầu chúng ta sẵn có Phật tánh khả năng của sự giác ngộ, nhưng từ lâu bị vô minh che lấp nay nhờ Phật khai thị cho nên mới giác ngộ. Khác nào một kẻ gói trong áo viên ngọc vô giá mà không biết nên đành nghèo thiếu trăm bề, khi có người chỉ cho biết viên ngọc thì cuộc sống đổi hẳn. Nhưng chưa đủ, sau khi đã ngộ được Phật tánh chúng ta còn phải nỗ lực tu tập theo phương pháp Phật-đà chỉ dạy. Khi công phu của ta đã thành thực chúng ta sẽ đạt được và sống với bản thể tuệ giác Phật-đà. Cũng như sau khi nhận biết mình có sẵn ngọc bảo châu, chúng ta ra sức lau chùi mài dũa để ngọc ấy được trong sáng thêm.

Hôm nay kỷ niệm Đản sanh của Đức Phật, chúng ta muốn biến đời sống của chúng ta thành đời sống theo tuệ giác thời phải làm gì? Cố nhiên điều cần đề cao trước tiên là hình thức bởi vì hình thức này minh chứng một nội dung tinh - thần,



★ ĐỨC THÍCH CA MÃU NI

BẢN HOÀI XUẤT THỂ CỦA

nói cách khác nội dung tinh thần mới thật quan trọng.

Vậy kỷ niệm ngày Xuất thể của đức Phật, những Phật tử phải quan trọng hình thức, tổ chức bằng cách xây dựng cho bản thân ý thức trách nhiệm, ý thức cần nỗ lực không ngừng cải tạo lấy con người của mình, và giúp đồng loại trong công việc đó. Người Phật tử rất trọng trách nhiệm đối với cuộc đời. Hãy nhìn đồng loại với nỗi đau đớn xao xuyến, âu lo chung.

Thế giới ngày nay chứa đầy thù hận giết chóc, và chúng ta đang sống trong sự đe dọa của sự diệt vong. Đứng trước hình tượng đức Phật, làm lễ Đản sanh của Ngài, người Phật tử phải ý thức bổn phận mình trong giai đoạn hiện tại, nhận định hoàn cảnh mình sống ở

trước đề nỗ lực xây dựng một nếp sống đúng với Phật tánh, khả năng Tuệ-giác Phật-đà mà cách đây trên 25 thế kỷ đức Phật đã xuất hiện để khai thị.

Nhận rõ như thế, Phật tử càng thấy trách nhiệm của mình trong công việc cải tiến bản thân và cuộc đời. Mọi việc làm, lời nói, ý nghĩ cần phải biểu hiện chí hướng vươn mình lên tuệ giác Phật - đà đề xây dựng một xã hội nhân gian trong ánh sáng của Phật. Nỗ lực thường trực được như thế, chúng ta mới khỏi phụ bản hoài xuất thể của Đức Từ Phụ, góp phần kiến tạo hòa bình bác ái cho loài người, riêng cho dân tộc ta, sau khi chiến thắng các sức mạnh của Ma-vương.

● CHỒNG MỘT THỨ MÁY TÍNH XẢO HƠN HẾT

Một cuộc thi trong giới nội trợ có câu hỏi :

« Trong các loại máy móc dùng cho việc bếp núc, chị khoái thứ máy nào nhất, giúp cho chị được nhiều công việc ? »

Người được chiếm giải trong số trên 500 bà nội trợ dự thi đã trả lời :

— Chồng tôi.

Quan - Thế - Âm

(Bài thơ đăng trong P.T. số 171 có vài chữ in sai,
nay xin đăng lại cho đúng nguyên-văn của tác-giả)

Đấng Mẹ Dịu-Lành Quán-thế-Âm
Tâm thanh cứu độ, Đại-bi-lâm.
Lái thuyền Bát-nhã về an-lạc,
Rưới giọt cam-lồ tẩy uế-xâm.
Kiếp-kiếp, sinh-linh sầu khổ hận
N hư-N hư, Bồ-tát thế hoằng thâm.
Non-sông máu lửa buồn tang-tóc
Nước-mắt tràn dâng đỉnh khói trầm !

● **NGUYỄN-VỸ**

★ Bài họa 1 .

Lời nguyện của Đức Phật Quan-Âm
Cứu khổ tâm thanh thế nhất tâm.
Độ kẻ si-mê lẫn tỉnh giấc
Cho người tham-vọng hết lãng xâm
Sắc không chi có điều vô-thượng
Vi-diệu gì hơn phép thậm-thâm
Nước loạn, xin đem binh-trị lại,
Nhà-nhà đâu cũng ngút hương trầm.

★ **SONG - THU**

★ Bài họa 2 :

Đưa chiếc thuyền Từ chuyển pháp-âm
Nhánh dương nước tịnh rưới trần-lâm
Bủa giăng oai đức ơn cùng khắp
Giải cứu tai ương họa nhiều xâm
Ứng hiện hóa-thân vô số lượng
Hoằng dương diệu-lý tuyệt cao thâm
Mười hai đại-nguyên còn ghi để
Độ hết Sanh-linh cảnh đọa trầm

● **Bà TRẦN-NGỌC-DIÊU**

★ Bài họa 3 :

Mong nhờ oai-đức Phật Quan-Âm
Thúc dục cho người hướng đạo-tâm
Nước tịnh rưới tan phiền-não diệt
Nhánh dương quét sạch nghiệp căn xâm
Thuyền từ đón rước trang tu niệm
Gươm tuệ đoạn trừ họa chương thâm
Đánh thức những ai trong tội ác
Mau mau ra khỏi cảnh hôn-trầm.

● **TRẦN-CỰ-CHÁNH**

GHI CHÚ : Nữ-sĩ Trần-Ngọc-Diêu, và bào đệ, Y-sĩ Trần-cự-Chánh, là hai người con của cụ Trần-cao-Văn.

★ Bài họa 4 :

Thái-Tử Bất-huyền Đức Thể-Âm (1)
 Muốn ngàn ơn Phật mỗi thâm-tâm
 Văn danh khiếp vía ma Tà-giáo
 Ứng hiện kinh hồn quỷ Ngoại-xâm
 Tịnh-thánh đã dư lời tán-thán
 Oai thần khôn thấu lẽ huyền-thâm
 Lấy chị tỏ dạ cùng Từ-mẫu
 Một nén tâm-hương một đỉnh trầm

● BUI-MỘNG-VU

★ Bài họa 5 :

Hoằng dương công đức Phật Quan-Âm
 Thanh tịnh từ-bi đã quyết tâm
 Đuốc tuệ sáng soi người đọa lạc
 Thuyền từ cứu vớt kẻ tham xâm
 Tam-qui xa lánh vòng si loạn
 Ngũ-giới ngăn ngừa họa thiển thâm
 Giọt nước cảnh dương đem rưới khắp
 Mong sao diệt hết cảnh mê trầm.

● BA BĂNG-TÂM

Lời Tòà soạn. — Theo Kinh Bi-Hoa thì Ngài là Thái-tử Bất-Huyền chứ không phải Bất-Huyền. — Nữ-sĩ Băng-Tâm, tức là Bà Phan-dinh-Đền, cháu nội cụ Phan-dinh-Phùng.



★ QUAN
 THỨC

PHAN-YẾN-LINH
 VỚI TÁC-PHẨM

« những
 đêm
 không ngủ »

T I Ể C rằng Phan-yến-Linh chưa « chín » đều cả tư-tưởng và văn-chương. Hay nói cho đúng, Linh muốn « hành văn », nhưng chính vì thế mà đã hóa ra một người làm đom không biết làm đom.

Trận ch én kéo từ ban chiều cho tới khuya (...) Trong bóng tối đây, anh đánh với một tên...

Sau đó nhân vật Hậu bị cụt tay.

Trước, đời em cũng như vậy (...) Em học mấy khóa may thêu rồi giữ mấy miếng cấp

bằng. Nhưng ai mà muốn em (...) Em là cô gái ăn sương...

Hai người nằm tâm sự trong một đêm tất niên : Anh chỉ còn một cánh tay lành lặn này sợ không đủ hơi ấm chuyển cho Nhung.

(Thương đề trong tim).

Hình ảnh đó — đêm tất niên, một phế binh với một cô chiêu đãi viên cũng tứ cố vô thân — rất gợi cảm. Nhưng Phan-yến-Linh đã viết ra (anh chỉ còn một tay sợ không đủ hơi ấm) kiểu cách quá, làm mất đi rất

nhiều giá trị nghệ thuật của chữ nghĩa.

Cũng trong « Thương đề trong tim », chỗ hai kẻ thù lê lại gần nhau vào lúc màn trận, còn một điều đáng nói. Tôi liên tưởng đến một trường-hợp khác nữa, người lính Đức và người lính Pháp cũng lê lại gần nhau, trao nhau những kỷ-vật, nếu ai còn sống thì gửi về gia đình, giúp nhau.

Từ hồi Pháp thuộc: Cuối cùng, tất cả mọi người được thả, trừ một người thanh niên bên cạnh nhà tôi. Lính Pháp còng tay anh lại và áp giải anh về khám...

Ở đó, người tù bắt được con dế, đem nhốt vào bao diêm:

Tao nhốt mày trong hộp, quẹt mất tự do. Mày gáy để an ủi tao, hay đó là tiếng kêu than nào nùng vì mày nhớ đến đám cỏ xanh...

Người tù đã cắt máu đề viết lên tường bài « điệu văn » như vậy. Sáng hôm sau, hắn đang ngắc ngoải, cun đế vẫn còn gáy đều.

(Người tử tù và con dế)

Cốt truyện « thơ » không

chịu được! Nhưng Phan-yến-Linh đã cho người tù cắt máu tay đề viết ra những câu chau chuốt quá, khiến cho người đọc lại có cảm giác đi xem tuồng, vào lúc đào kép vừa khóc vừa ... hát!

Sau nữa, phần văn chương của Phan-yến-Linh còn có những hạt sạn ghê cả răng. Chẳng hạn: *Con đường lầy lội nước mưa*. Bị mù vào tháng nắng. (Mực lạnh). Cái gì bị?

Tương tự: *Chiều nào anh cũng ra ngồi ở quán bến xe Nhìn người ta* (Thương đề trong tim). Ai nhìn? Cũng trong TDIT: *Anh lại gục môi vào chất tợ da màu*. « gục » hay « vục » môi? Và vừa *khỏi* nấp *chất*, *Nhưng ngực ngừng nói...* « khuồi » hay « khui »?

Cứ thế.

Phan-yến-Linh có những cốt truyện, đúng hơn, những ghi nhận, những tình-tiết thật khác người. Trong « Hoa bằng lăng tím phôi trên mộ » (con khỉ chông hái chuối hái hoa trang điểm phần mộ của con khỉ vợ), Phan-yến-Linh đã nghĩ được những điều làm tôi ngạc nhiên,

Chỉ tiếc rằng hắn còn loạc choạc về phần việc diễn tả.

Tuy vậy không phải Phan-yến-Linh thiếu vốn ngôn ngữ. Tôi thấy Linh cũng có những câu cú đẹp lắm. Như « đường về tỉnh xa, vài hôm sung mình lên bởi những chiếc mô trông xoắn mắt như những vết nhọt nổi trên thân thề » (Thương đề trong tim). Tôi nghĩ cảm giác đó vừa có trên cơ thể của một hành khách, vừa có trên cơ thể cả một nước nữa.

« Hai đứa con gái tóc quăn, mặp, mặt đầy son phấn, có đôi mắt chiếu đất... » (Đêm trắng Phú thọ Hòa cũng gợi hình).

« Chai bia thứ tư vừa cạn, Phàm thấy đèn phố bắt đầu tỏa long nhoe vàng ủa (Vạch một lối hồng) « hóm » lắm.

Phan-yến-Linh hóm thật, chứ không phải ngẫu nhiên. Đang ngồi trong một nhà chứa gái mà Linh còn trông thấy chữ « Phước » trên đầu tủ thờ bỗng như mất hết vẻ thiêng liêng của nó...

Trở lại truyện « Hoa bằng lăng tím phôi trên mộ » — là truyện tôi thích nhất, vì vừa có chất phiêu lưu vừa có chất lãng mạn — tôi tin rằng mình đã nghĩ đúng về trường-hợp Phan-yến-Linh. Linh đã chịu khó chọn lựa cốt truyện. Con khỉ

chồng đem hoa đem chuối viếng mộ con khỉ vợ nghe được đấy chứ!

Tôi nhớ trong kho truyện cổ, tích (?) cũng đã có một con vượn cái bị tên, trước khi chết còn đi ngắt lá làm bù dãi, để dựng sửa cho con.

Nhưng dù cho Phan-yến-Linh đã « bịa » vẫn chẳng sao. Bởi vì nhà văn vốn dĩ có quyền « bịa » (tưởng tượng), miễn sao phải « bịa » cho ổn, cho hay. Tôi thấy rõ Phan-yến-Linh đã có được thứ khả năng đó. Có điều, ở Linh không may đã trở thành một đức tính cầu kỳ trong tâm tưởng nhược điểm ngoài cách viết.

Nhất là nhược điểm này lại hiện hiện trong « Những đêm không ngủ » là truyện Phan-yến Linh đã chọn đề đặt tên cho toàn tập.

Tôi chợt liên tưởng đến Phương Triều (trong « Còn nhớ còn Thương ») cũng ở « lò » Sông hậu ra, Khác Phan-yến-Linh, Phương Triều viết được hồn nhiên, nhưng đã viết những điều không đáng viết, hoặc không có gì để viết.

Giả thử hai người này, Phan-yến-Linh và Phương Triều bù trừ cho nhau thì sẽ có một người khác hoàn toàn hơn.



(tiếp theo trang 10)

Thượng-Tọa Thích Tâm-Giác, Tuyên-Ủy-Trưởng Phật-giáo trong Quân-đội V. N. C. H.

Thượng-Tọa Thích Quảng-Liên, Ủy Viên văn-hóa xã hội Viện Hóa-đạo.

Tôi có thể nói chắc chắn rằng trong tất cả 10 vị lãnh-đạo Phật giáo trên đây không có một vị nào thích « làm chính trị » cả. Quý Thầy toàn là những bậc Chân-tu, có rất nhiều Đạo-hạnh, luôn luôn bảo-vệ Giới Luật nghiêm-chỉnh của Tăng-Ni, hoằng-dương sâu rộng Phật-pháp, và đã gây được uy-tín rộng-lớn cho Phật-giáo Việt-Nam ở trong Nước và cả ở ngoại-quốc. Bên Đạo cũng như bên đời, quý Thầy đã tượng-trưng đúng-đắn nhất giáo-lý cao-siêu của Đấng Thế-Tôn.

Ngoài ra, hai vị **Thượng-Tọa Thích Minh-Châu** và **Thích Thiện-Ân** là đại-diện xứng đáng của Văn hóa Phật-giáo Việt-nam đối với các tầng lớp **Intelligentzia** quốc tế.

Riêng trên cương-vị Dân-tộc, muốn tìm phương-tiện thích-ứng để thực-thi Tín-điều Từ Bi, Cứu-khổ của Đức Phật đối với nhân dân Việt-Nam quần-quai đau-thương vì hai-mươi năm chiến-cuộc, thầy **Thích Trí-Quang** đã chứng tỏ trong các cuộc lãnh đạo tranh đấu vừa rồi nhiều đức tính khôn-khéo không ngờ của một chính-trị-gia lỗi lạc mặc dầu chính Thầy không muốn làm (un politicien malgré lui!).

YEM MONG ĐÀ NẰNG

Người ta gọi Thầy là một lãnh tụ cách mạng. Đúng. Vì chính Thầy chỉ-bảo, khuyên-nhủ, điều-khiển về tinh-thần các cuộc hoạt-động tranh-đấu. Thầy là linh-hồn của các cuộc tranh-đấu bột-phát từ Kinh-dô Huế. Không thể phủ-nhận vai-trò lãnh-tụ của Thầy, nhưng cũng lại là một lãnh-tụ mà chính Thầy không muốn làm ! (un leader malgré lui !), một lãnh tụ bất-đắc-dĩ.

Có lẽ một vài kẻ ở Saigon hay ở Huế được cơ hội thừa hành mệnh-lệnh của Thầy, những kẻ thích ngồi xe hơi Mỹ, thích ở nhà lâu, thích xây bin-din cho Mỹ mướn, những kẻ đầu cơ cả Phật giáo và chính-trị, lừa dối cả tín-đồ lẫn nhân-dân, — những kẻ đó có thể có nhiều tham vọng, vì còn quá nhiều tham-sân-si và mê-làm. Chứ Thầy Trí-Quang không hề mơ tưởng đến một quyền hành nào cả. Tôi nói quả quyết rằng Thượng-tọa Thích Trí-Quang chỉ lo tranh đấu cho Dân - tộc, cho Tộc - quốc, và thỏa mãn sau khi cuộc tranh đấu đem đến thắng lợi cho toàn dân. Chứ Thầy không bao giờ nghĩ đến cá-nhân của Thầy, không ham ngồi ghế Quốc-trưởng, hay Thủ-tướng, như những kẻ chính-trị chạy-chọt, ham xôi thịt, ham địa-vị và đô-la, mặc dầu miệng họ chửi Mỹ dữ hơn ai hết thầy !

Tôi quen biết Thầy Trí-Quang đã gần hai chục năm nay. Tôi đã trò chuyện thân-mật nhiều lần với Thầy, chứng kiến đời sống vô cùng giản-dị của Thầy trong một phòng nhỏ, ở Chùa Ấn-Quang, Sài-gòn, hay chùa Từ-Đàm, Huế. Tôi đã đọc các sách của Thầy viết về Phật-giáo. Tôi có thể nói rằng Thầy là một con người hoàn-toàn cô-độc, tránh chỗ đông người, ghét xa-hoa phù-phẩm, khinh thường các loại xe-hơi sang trọng, thích đi bộ, hoặc cùng lắm thì đi taxi, không ưa đồ ngon vật lạ. Thầy tuyệt-đối không thân thiện với đàn-bà, rất đoan-nghiêm với các nữ Phật-tử.

Thầy thuyết-pháp về Giáo-lý rất cao, mà rất hấp-dẫn. Lời nói của Thầy, có uy-lực phi-thường. Cho nên toàn thể tín-đồ Phật-giáo ở Huế, thường được nghe thầy thuyết-pháp, đều tôn-kính Thầy, quý-mến Thầy, và triệt để tuân theo mệnh-lệnh của Thầy, bất cứ trong trường hợp nào.

(kỳ sau tiếp)

● Bài ở Huế gửi về

vài ý nghĩ về báo chí Việt-nam

xuyên qua trường
Cao - học Báo - chí
Columbia, Hoa-kỳ

★ NGUYỄN VĂN HỒNG

BÁO chí tự nó có một chỗ đứng khá trọng vọng: *Đệ tứ quyền*, sau lập pháp, hành pháp và tư pháp, nhưng trong thực tế quả tình có rất nhiều mỉa mai, tuy nhiên chẳng ai lấy đó làm điều ngạc nhiên — nhiều lý do đó từ bên trong hoặc đến từ bên ngoài để chúng ta có thể cảm thông được với sự « gay go » đó, như thông cảm với người vợ ngoại tình của mình vào lúc này. Bởi hiện tại, nghề báo ở đây, hoặc đã phải trở thành một công cuộc kinh doanh hơn là

một hoạt động nhằm phát huy tinh thần, hoặc có thể nói một cách khác, người ta đã lợi dụng báo chí để biến nó thành một công cụ tuyên truyền nhiều hơn là thông tin. Tại sao lại có sự kiện ấy? Vấn đề đặt ra ở đây không phải để thỏa mãn một giải đáp từ một nguyên nhân xa xôi nào, mà vấn đề đặt ra là sự kiện đó còn kéo dài đến bao lâu nữa? Có thể chấm dứt được không? Chấm dứt bằng cách nào? Ai là người trách nhiệm hay đủ tư cách đứng ra đảm nhận vai trò đó?

VÀI Ý NGHĨ VỀ BÁO CHÍ

Đại học Văn khoa Việt Nam có thể mở thêm một chứng chỉ mới: « Cử nhân báo chí »

Được, ý kiến rất hay, sẽ nghiên cứu. Đó là câu trả lời của ông Trần ngọc Ninh, Tổng trưởng Văn Hóa Giáo dục, trong một cuộc tiếp xúc rất ngắn với một phái viên V.T.X. Theo đó, thì một sinh viên tốt nghiệp ban cử nhân báo chí, cũng như triết học, sử địa v.v sau khi học năm dự bị phải lấy thêm 4 chứng chỉ nữa và trong 4 chứng chỉ này bắt buộc phải có một hoặc hai chứng chỉ thuộc phạm vi chuyên môn về ngành báo chí. Thoạt nghe thì giản dị nhưng thực hiện được không phải dễ dàng đâu, bởi những nhu cầu cần thiết vô cùng phức tạp: Vấn đề trường sở, ngân sách dài thọ, khả năng giảng huấn, rồi bổ dụng sau khi tốt nghiệp v.v... ấy là chưa kể đến « chính phủ của dân nghèo » mà mọi nỗ lực trong giai đoạn hiện tại xem như được dồn tắt cả cho chiến tranh, cộng vào đó những tình trạng rối ren tiếp nối xảy ra. Mọi thứ « tương lai » còn ẩn ở sau đám mây mù, và thật khó mà tiên liệu được rằng

đám mây ấy sẽ tan ra hoặc kéo dài nơi khác để tạo thành một cơn mưa sấm sét, giông bão, hay mưa ngâu, mưa rào, mưa phùn? Từ đó, hậu quả khó mà lường được. Có lẽ chính vì lý do này mà những người có trách nhiệm chỉ chạy theo những chính sách giai đoạn nhiều hơn, là theo đuổi những mục phiêu về lâu, về dài, dù mục phiêu ấy nhằm phục hưng một cái gì đã mất hay làm đẹp hơn một cái gì có thể đẹp hơn được. Bởi thời buổi chinh chiến sống chết tựa giấc chiêm bao, đêm đen, sáng trắng, rày ở mai đi, lên voi xuống chó... tội để h gì mà tính chuyện bao đồng! « Thế kỷ này những tháng ngày vụn vặt, ai hoài công đi tính chuyện phi thường », phải can đảm nhìn thẳng mặt vào sự thật bi đát đó như một cái có « không ai tránh khỏi » để có thể cùng nhau bước những bước dọ dẫm đầu tiên nào đó...

**Một vài kinh nghiệm
của Hoa Kỳ**

**TRƯỜNG CAO HỌC BÁO
CHÍ COLUMBIA**

Trường cao học Báo chí của
viện đại học Columbia được thành

lập cách đây 53 năm, vào năm 1913 do sáng kiến của giáo sư Joseph—Pulitzer. Khoảng cuối tháng 4 năm 1963 trường này đã làm lễ kỷ niệm lần thứ 50 ; ngày thành lập của nó. Cho đến nay trường Cao học báo chí Columbia là trường được coi như dạy nghề làm báo đứng đầu và lâu đời nhất của Hoa Kỳ. Hiện tại đề nhắc nhở và tán dương công trình của Pulitzer nhiều người Hoa Kỳ đã tặng cho Pulitzer cả danh nghĩa của trường Đại Học Báo Chí Pulitzer.

Trong tờ thế giới Nữ-ước (New York World) số phát hành tháng 8 năm 1902, Joseph Pulitzer đã phát biểu như sau : « ý của tôi là tranh đấu để mọi người cùng nhìn nhận rằng báo chí phải là một trong những nghề trí thức cao cả nhất. Đồng thời tôi cũng muốn khuyến khích nâng cao và giáo dục bằng những phương pháp thực tiễn cho các nhân viên hiện tại và tương lai của nghề ký giả cũng như người ta đã và đang làm đối với nghề luật sư, bác sĩ v.v... Mục đích phải là vạch rõ sự khác nhau giữa nghề làm báo để thủ lợi và nghề làm báo để phục vụ tinh thần. »

Hơn nửa thế kỷ nay, trường Cao học báo chí Columbia đã hoạt động không ngừng trong tinh thần tôn mục Pulitzer người có công sáng lập ra nó. Từ ấy đến nay trường chỉ thay đổi giám đốc có 4 lần.

Giám đốc đầu tiên là Talcott Williams chủ bút tờ Philadelphia Press. T-Williams là một học giả uyên thâm, người kế tiếp Williams là John W. Cunliffe (1920).

Nổi nghiệp Cunliffe là Carl W. Ackerman một chuyên viên giao tế lỗi lạc đồng thời cũng là đặc phái viên hải ngoại của trường và cũng kể từ đó trường đại học báo chí Columbia chính thức đổi tên là Cao Học Báo Chí Columbia. Mãi cách đây 10 năm (khoảng tháng 5-1956) Ackerman được thay thế bởi ông Edward. W Barrett cựu phó ngoại trưởng Hoa-kỳ và là chủ bút một tuần san khá quen biết với độc giả Việt Nam gần đây, tờ Newsweek.

Bốn vị giám đốc lỗi lạc vừa kể của trường Cao học báo chí Columbia đã thay phiên nhau đảm trách việc huấn luyện và đào tạo gần 2.800 sinh viên tốt nghiệp

báo chí. Những ký giả được xem như tài ba nhất Hoa-kỳ đều xuất thân tại đây.

Vài thành tích mà trường đã đạt được.

Trong thành phần các nhân viên cao cấp điều khiển bộ biên tập tờ Nữ ước thời báo (New York Time) có ít nhất là 5 nhân viên xuất thân từ Cao học Báo chí Columbia.

Cách đây gần ba năm theo một thống kê rất đại cương thì trường đã sản xuất được 67 biên tập viên (thuộc loại tay tở) 100 quản trị viên và phó chủ bút, 105 đặc phái viên hải ngoại, 46 chủ bút đặc san, 100 người được giải Pulitzer. Trên 200 ký giả sắp hạng ưu tú và có ít nhất là 20 người đã trở thành giám đốc các trường dạy làm báo hiện ở rải rác trong các tiểu bang thuộc Hiệp chúng quốc Hoa-kỳ. Quan hệ hơn cả trong chương trình học là việc điều khiển một phòng tin tức có lối 78 sinh viên tham gia, các sinh viên này có bốn phận là theo dõi các tin tức (sắn) xảy ra hàng ngày, viết tin, nhận tin từ mọi

nơi diện về, kể cả việc ăn loát một tờ báo tại nhà in thí nghiệp, được thiết lập ngay tại trường.

Ngoài các công việc kể trên, trường còn đào tạo cho sinh viên có những căn bản về nghề nghiệp như : nhiếp ảnh báo chí, mọi khía cạnh của nghề chữa bài, về nghề xuất bản, luật báo chí, ý nghĩa căn bản của tin tức, v.v.. Mặt khác, vô tuyến truyền thanh, vô tuyến truyền hình cũng được chú ý song song với những lớp hội thảo được tổ chức tùy theo trình độ, khả năng và ngành học chuyên môn trong nghề làm báo.

Một thành công khác của trường là đã có sáng kiến thành lập viện báo chí Hoa Kỳ (American Press Institute) và tuy do Cao Học Báo Chí Columbia khai sinh nhưng ngày nay nó đã trở thành một tổ chức tính cách quốc gia. Hằng năm ký giả Hoa Kỳ tập hợp về viện báo chí này để dự những buổi hội thảo hầu trao đổi kinh nghiệm, tất cả đều nằm trong đề tài : « những khó khăn phải vượt qua trong nghề báo chí quốc nội ». Các ký giả cũng thảo luận về đường lối phải theo để nâng cao trình độ báo

VÀI Ý NGHĨ VỀ BÁO CHÍ

chí chung cho Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ. Ngoài ra tới nay viện đã tổ chức được 20 khóa hội thảo có tất cả 250 ký giả ngoại quốc tham dự. Người ngoại quốc đến đây đã mặc nhiên nhìn nhận viện là một trung tâm tham khảo báo chí quốc tế.

Trong khuôn khổ của chương trình giáo khoa, trường Cao Học Báo Chí Columbia còn xuất bản một tạp cá nguyệt san lấy tên là Columbia Journalism Review, một tạp chí phê bình các phương tiện thông tin, trao đổi kinh nghiệm, khắc phục khó khăn đề nghề báo chí mỗi ngày một tốt hơn, hầu đáp ứng và thỏa mãn độc giả một cách hữu hiệu hơn nữa.

Trên phạm vi quốc tế

Trường còn mở ra các lớp huấn luyện đặc biệt dành cho ký giả ngoại quốc tới Hoa-Kỳ. Các

khóa phóng sự quốc tế, về các môn phóng sự ngoại giao, phóng sự kinh tế. Ký giả quốc tế tu nghiệp tại đây còn phải trải qua một khóa đặc biệt khác, đó là môn văn minh và xã hội Hoa-kỳ. Học xong khóa này các ký giả ngoại quốc sẽ được cấp bằng Master of Science về báo chí đối chiếu.

Tóm lại cách đây trên nửa thế kỷ, Joseph-Pulitzer đã là người tiên phong trong cuộc cách mạng lịch sử của báo chí Hoa kỳ, ngày nay các ký giả thuộc hạng lão luyện của Hoa-kỳ khi nhắc đến Pulitzer hẳn không phải là một nhân vật xa lạ đối với họ.

Nhìn lại báo chí Việt Nam, phải tủi lòng mà nói rằng : « ở Việt-nam không phải không có một Pulitzer, mà còn nhiều hơn thế nữa, tuy nhiên Pulitzer V.N. hiện tại, nếu có chỉ là một gã thu thuế đứng thất thểu ở một cổng chợ về chiều » !



SẮP XUẤT BẢN :

Đất

Mẹ

THƠ

★ PHƯƠNG - ĐÀI

SÁCH BÁO MỚI

● **Tầm suối**, tập truyện ngắn của **Đăng Doanh**. Nhà xuất bản Sông Hương.

● **2 Khung Trời**, Thơ **Kiều mộng Thu**. K.M.Th. là tác-giả tập thơ «Cánh Mimosa ngày cũ» (1963). Trang đầu có in hình của tác-giả. Địa chỉ liên lạc : 124/5A Nguyễn-Huệ—Phú-Nhuan.

★ Khung trời tưởng nhớ

Thơ của Hoàng - ngọc - Liên. Thi - phẩm thứ ba của H.Ng.L. sau « Nhớ Thương », và « Vẫn còn thương ».

● **Làm sao em buồn**, Thơ của **Anh-Thuần**

Liênng Tân thư quán xuất bản. Bản đặc biệt, không đề giá bán.

★ Trăng sâu

tập truyện ngắn của Lê Nguyên Thủy, do Tâm Hồn Việt Nam xuất bản. Bản đặc biệt đề tặng không đề giá.

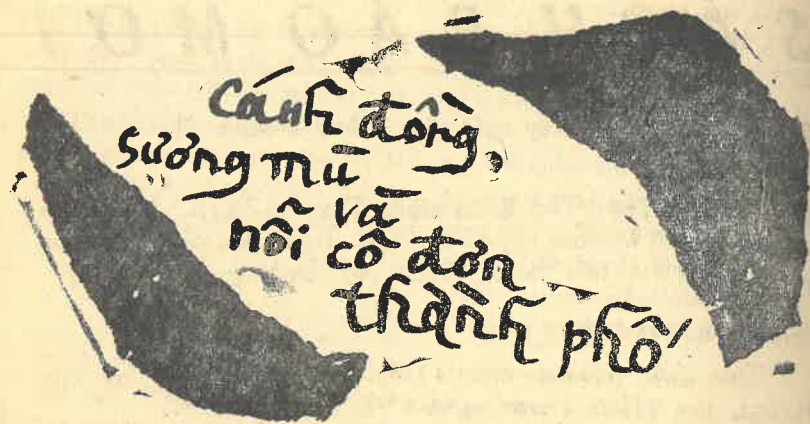
● **Ôm vàng thi ca thơ** của **Trần đồng Vọng**

Lữ Hồ trình bày bìa, và gồm 7 phụ bản của Duy Thanh, Tú Duyên, Trần Quang, Vũ Anh, Trọng Nội, Lê trảng Kiêu. Sách in đẹp trên giấy trắng tốt. Giá 155 đồng. Tác giả xuất bản.

★ **Triều Sóng Xanh** nguyệt san học tập văn nghệ của **Trường Phan Thanh Giản, Phong Dinh**. Chủ nhiệm : Nguyễn văn Hương, chủ bút : Lê văn Quới, Tổng thư ký : Trần quốc Mậu. Số 1, phát hành tháng 3-1966. Giá 10 đồng.

● **Niềm đau đất mẹ**, thi phẩm của **Khanh viễn Phương**.

Bông Trang xuất bản. Gồm 16 bài thơ. Trình bày trang nhã. Sẽ có bài phê bình vào số sau. Giá bán 28 đồng.



Truyện ngắn : **MẶC - TƯỜNG**

Sự thật xảy ra như một giấc mộng, hay hơn thế nữa. Nhưng chẳng có gì làm ngạc nhiên, đó là kết quả gần như tất nhiên của một sự kiện — sự kiện lịch sử chiến tranh: một quả đại bác nổ tung. Một miếng xuyên qua đầu. Một người nằm xuống và ngôi nhà kia cũng như xã hội này mất khuất đi sự hiện diện một người. Và dĩ nhiên không phải chỉ có một quả đại bác đó, mà còn nhiều quả nữa, nhiều thật nhiều, nhiều đến không thể dùng số đếm để ghi nhận, để phân loại, để nhớ hết từ thứ vũ khí mà sức hủy diệt còn ghê gớm hơn nghìn lần.

Bà đã nằm xuống, ngôi nhà kia thiếu vắng thêm một người. Nghĩa địa này tiếp nhận thêm một chỗ yên nghỉ cuối cùng, những kẻ không mẹ cha được thêm đồng bạn và xã hội có dịp kết nạp thêm những tâm hồn bơ vơ rời rạc như quả táo hay chiếc lá đã lìa cành.

CÁNH ĐỒNG SƯƠNG MÙ

Tâm đứng nhìn từng nấm mồ trong nghĩa địa của giồng họ Võ. Nhiều tấm bia được dựng đã hơn trăm năm, những giồng chữ Hán đã bị thời gian đũa mòn đến gần lẩn, có những chữ đã nhòa đi vì rêu mốc. Tâm tần mần đọc từng chữ, từng giồng, từng tấm bia thấy thời gian quay vèo và cuốn trôi đi như vũ bão, như tàn phá đồ vỡ. Cũng trên những tấm bia đó thời gian đã đi qua, in hằn từng quãng đời giồng tổ, từng chớp mắt bề dẫu, từng khoảng trống bình lặng. Mỗi một tấm bia mang một chứng tích cuộc đời. Mỗi một tấm bia mang một chứng tích lịch sử. Mỗi một tấm bia còn vẽ lên một ý nghĩa sống riêng biệt của kẻ đã nằm xuống, những cái chết nhân hạ. Những cái chết cao cả, những cái chết thể thảm, những cái chết tủi nhục... dường như cũng phai nhạt đi cùng thân xác tan rã.

Chỉ mười mấy năm qua mà không biết bao nhiêu dâu bể đã đi qua gia đình Tâm, qua thật êm đềm và nhẹ nhõm, qua như bàn tay mềm mại của người tình xoa bóp, qua như một cơn mơ. Đến bây giờ Tâm mới thấy mình như người vừa thức tỉnh, chợt nhận ra mọi tàn nhẫn phũ phàng đến sợ hãi bàng hoàng.

Tâm đã trồng xong cây liễu rũ bên mộ mẹ, mức nước tưới gốc cho thật ướt để nó có thể chịu đựng nổi sức nóng thiêu đốt của mặt trời. Tâm không thể ở lại thêm một ngày nữa để tưới nó lần thứ hai. Tâm phải trở lại thành phố dù ở đó đã mất hết những mục tiêu hướng đến.

Trong đời Tâm, đây là biến cố quan trọng thứ hai. Cái chết của cha đã kéo lùi theo tất cả những dự định tương lai, mọi nền móng bị đổ vỡ trong khi vừa khởi công xây cất. Tâm phải trở về quê hương với cuộc sống hoàn toàn không lý tưởng. Nhưng Tâm còn tin rằng mình có thể tiếp tục đời sống, ít nhất cũng được hai phần ba theo ý muốn, với khả năng sẵn có của mình.



Đi các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

Tháng ngày bỏ xa dĩ vãng, bỏ xa những kỷ niệm không thể xóa đi, những thứ không bao giờ quên được. Quãng cách thời gian lâu thật, nhưng nó không mất hẳn, nó vẫn còn, vẫn bám sát phía sau, và đôi khi nó chập chờn trước mặt như muốn vẽ lại từng chi tiết của từng sự việc đã xảy ra. Những đôi mắt hấp hối, những tiếng nói thì thào qua hơi thở, những đôi môi mấp máy không thành lời, những hình ảnh gục ngã, những mảnh vụn thân thể bị nổ tung, và cả mùi máu hôi tanh giữa bãi trận chiều hiu quạnh, sau khi người ta đã rút quân đi, bỏ lại chiến trường không. Tất cả những thứ đó đã tạo cho Tâm một lý tưởng gương ép, mập mờ, đầy phân vân và trở nên người yếu đuối, bệnh hoạn, chán chường.

Dần dần, chọn lựa đến một mức độ tốt cùng và thu hẹp đến mức tối đa, Tâm vẫn thấy mình đang đối diện với phi lý, phi nghĩa giữa đêm tối thâm u vô tận, cố bước tới như một con lừa bị dồn đuổi dưới làn roi khe khẽ khắc của anh chăn ngựa dần. Tâm thu gọn đời sống vào chiếc vỏ nguy tạo. Khước từ mọi thí nghiệm vô ích cho con người và xã hội. Cố gắng tham dự những gì không thể chối từ, không thể tách rời hoặc trốn chạy trong một vai trò hết sức khiêm nhường: Cố gắng — sự cố gắng đơn độc — tạo dựng một cuộc sống có chút ít bản chất con người tự do trong một xã hội lý tưởng bằng một tưởng tượng dài hạn. Nhưng cuối cùng Tâm bị thực tế hùng mạnh đánh ngã, và cơn lốc thời đại thổi tung lên, không còn một gốc rễ, bị trôi dạt lênh đênh như con thuyền không người điều khiển trên giòng nước lũ đầy giòng tố. Tâm quay về với gia đình sau những cơn diên đảo cùng khốn. Ở đó, mặc dầu mọi nền tảng cũng đều đổ vỡ. Những người anh, những đứa em bỏ đi mỗi người một ngã, âm thầm và vô định, những sở hữu chủ bị chiếm đoạt, san bằng để hầu thực hiện một xã hội không giai cấp. Chúng đi từng giai đoạn này đến giai đoạn khác bằng đủ thứ hứa hẹn lừa phỉnh.

Dùng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./D.P.D.C.

Cho đến bây giờ nguồn sinh lợi gia đình đã bị cắt đứt hoàn toàn, những ràng buộc xiềng xích đã thành hình.

Tâm mặc kệ cho tất cả rồi sao cũng được. Ngôi nhà kia, mảnh vườn này, quyền lợi đó không phải là những thứ tối thiết yếu của con người, của đời sống, nó chỉ là những phương tiện, nhất là đối với Tâm.

Tâm trở lại đó, bên cạnh hình ảnh khắc khoải, âu lo vô vọng của người mẹ, dễ tự ném mình vào cuộc, và tự nhận mình là một kẻ bị mất mát tất cả, trừ tình thương và sự sống còn của mẹ, dễ rồi lại ra đi, tiếp tục cuộc sống bằng một niềm tin từ khởi điểm đổ vỡ hoàn toàn.

— Con đã quyết định cưới vợ? Con có suy nghĩ kỹ chưa? Mẹ tin con tất cả, nhưng điều này mẹ hơi hoài nghi vì mẹ thấy có sự đột ngột.

— Con đã nghĩ kỹ từ lâu là con phải tiếp tục đời sống hiện tại bằng cách đó, lẽ dĩ nhiên không thể có sự ân hận về sau.

— Còn Ngọc thì sao? Nó có nhìn rõ như thế? Nó có bằng lòng tình trạng đó không?

— Dĩ nhiên! Con đã gặp Ngọc trong tình trạng đó, Ngọc bằng lòng tạo cuộc sống với con từ một nền tảng vụn nát. Chính Ngọc cũng là một nạn nhân thua thiệt, bị lịch sử xô đẩy, bị mất mát tất cả. Ngọc có cùng một quan niệm như con: chọn con đường thất bại bằng một thái độ tự nhiên.

— Dù sao mẹ vẫn thấy còn nhiều lo lắng về con. Trong gia đình, mẹ nhọc trí bản khoán vì con nhiều nhất, cái gì mẹ cũng dành cho con phần hơn, nhưng rốt cuộc rồi con là đứa lặn lội dạn đủ điều... đứa lặn lội nhất.

Dùng Midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/B.Y.T./D.P.D.C.

— Đường như con đã ý thức được định mệnh cay nghiệt của con từ lúc nhỏ, nên con không buồn.

— Mẹ thấy tại con gây ra nhiều hơn. Nhưng thôi, con hãy thận trọng. Mẹ sẽ bảo cho các anh chị con biết quyết định của con. Cũng chẳng có gì phải sửa soạn và bày biện rườm rà. Bữa nào con về ?

— Còn mấy ngày nữa đến đám giỗ ba ?

— Mười một ngày, bữa 28-29. Nhưng sáng 29 con về cũng được, cũng có một ngày. Thời buổi này làm đơn giản vậy thôi.

— Vâng, sáng 29 con về. Bữa đó nhằm thứ bảy, sáng chủ nhật mẹ đi Sài Gòn luôn với con. Con muốn mọi việc phải được giải quyết cho ổn nội trong mùa hè này, mẹ nghĩ sao ?

— Điều đó tùy nơi con. Mẹ thì sao cũng được.

Cánh đồng mông quanh vô cùng. Không gian nặng nề chụp xuống. Không nghe thấy một tiếng chó sủa, một tiếng khua động nào. Ánh nắng từ từ vượt lên. Chân trời sương mù buổi sáng lùi dần về phía tây. Xa xa dưới kia những thôn xóm hiện ra xanh rờn như những quả đồi thấp, bình lặng dưới trời và chạy dài vô tận. Tâm đưa mắt nhìn chung quanh nghĩa địa nghe một cảm giác rờn rợn và lớn dần trong thân thể.

Bây giờ con mới thấy nỗi cô đơn khủng khiếp hơn lúc nào hết. Con đã lạc vào thế giới của người chết — thế giới của im lặng nghìn đời — thế giới của những lý lẽ hững hờ. Con còn xa cách thế giới này một ít lâu nữa. Rồi cây liễu rũ kia sẽ lớn lên, những cành nhánh sẽ rũ xuống vì vút trong gió như thời gian, như mưa nắng, Định mệnh của con là thế, con đã lĩnh cảm, con đã nói với mẹ nhiều lần như một xác nhận thực tế. Nếu thật người chết có linh hồn thì

Đường
100% TEST/100%

midol

Đi các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

Chắc giờ này mẹ đã tin, và chính niềm tin đó làm mẹ chua xót. Cái chết của mẹ làm cho con điên đảo thêm một lần nữa. Nhưng dù sao con cũng phải sống, tiếp tục sống để thực hiện những dự định của con, đó là nước cuộc cuối cùng, con không thể tạo dựng một nền móng khác, hay một cuộc đời mới. Cuộc đời cũng như thời gian, nó không thể dừng lại, cũng không thể bắt đầu, nó phải được đi tới, và đi tới một cách thân nhiên.

Mặt trời đã lên cao. Tâm lặng lẽ bước ra khỏi nghĩa địa, bước ra chỗ mẹ nằm như những lần trước đây Tâm cũng lặng lẽ bước ra khỏi ngôi nhà rộng thênh thang kia, chỉ còn mỗi mình mẹ ở. Tâm nghĩ mẹ nằm ở nghĩa địa này còn đỡ cô đơn hơn sống trong ngôi nhà kia.

Lần đầu tiên trong đời Tâm mới chứng kiến tường tận một cảnh « hạ rộng ». Chiếc quan tài đã nằm yên dưới đáy huyệt. Người ta bắt đầu làm những thủ tục. Rồi cục đất đầu tiên được ném xuống — cục đất kết thúc cuộc hành trình khổ ải của con người. Tiếp theo đó những cục đất khác được tấp ném xuống, ném xuống nữa. Tâm có cảm tưởng những bàn tay nhanh nhẹn kia đã vô tình — vô tình một cách tàn nhẫn — chôn sâu những thứ thân yêu nhất của người mẹ dưới lòng đất lạnh lẽo vô-cùng. Tâm thấy khuôn mặt của từng người mang đầy sát khí tàn ác dường như họ hoàn toàn đứng dừng trước những tiếng kêu khóc nức nở của mấy người chị. Huyệt sâu được san bằng đắp cao lên, cao lên nữa để thành một nấm mồ, nấm mồ của mẹ.

Tâm quay lại một lần nữa, rồi rẽ sang con đường lớn đi thẳng về nhà.

— Chú đi đâu từ lúc hừng đông ?

Tâm chưa kịp trả lời thì anh chàng quay vào phía trong bảo vợ :

— Em làm cho chú nó một tách cà-phê rồi anh quay lại đùa với

Đường
100% TEST/100%

midol

Đi các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

Tâm—này giờ chú đi ra đồng tìm cảm hứng chứ gì ?

Tâm mỉm cười vì câu nói dường như có một ẩn ý nào đó của anh :

— Lâu quá mới có dịp đứng giữa cánh đồng sương mù, nhìn ngắm mặt trời buổi sáng. Ở thành thị khó mà tìm cảnh mặt trời mọc hay hoàng hôn như ở đây, phố xá che khuất, và những tiếng động khuấy trộn tất cả, đời sống gần như không có một phút giây nào bình lặng. Ở đây em thấy tâm hồn được thanh thản dễ chịu.

— Anh muốn chú ở lại đây, tìm một chỗ dạy tư ở ngoài quận ; hoặc nếu không thì mở một cửa hàng nhỏ nhỏ buôn bán thứ gì mà chú thấy tiện và nhàn một chút để chú còn thì giờ tiếp tục con đường của chú. Anh thấy cuộc sống của chú hơi bừa bãi.

— Anh quên là mình đang ở trong một tình trạng không cho phép làm bất cứ việc gì rồi sao ?

Em chắc sự kiện này sẽ còn kéo dài nhiều năm nữa. Em đã nhìn thấy trước là gia đình chúng ta sẽ đổ vỡ hết, nhưng em không muốn nói đến là vì em biết không còn có cách nào ngăn chặn hoặc chạy thoát được. Và cũng chính vì thế mà từ lâu em luôn luôn đặt cuộc sống mình trước tình trạng báo động đó để khỏi phải phí sức vô ích trong hoàn cảnh hiện tại. Chắc anh cũng hiểu như thế ?

Người anh im lặng như một đồng lúa bất lực. Tâm đưa tách cà phê lên uống rồi tiếp :

— Vậy thì anh đừng tiếc rẻ, cũng đừng hoài công-cố tạo lại những thứ đã mất đi. Hãy can đảm bảo rằng : Chúng ta đã thua cuộc và hãy thản nhiên sống với địa vị đó.

Anh rút lấy một điều thuốc cho vào miệng bật lửa đốt và nhả

một làn khói dài. Anh nhip nhẹ nhẹ năm đầu ngón tay lên mặt bàn và mơ hồ nhìn ra khu vườn cam bị cháy nám vì mấy quả bom na-bao từ trên trời rơi xuống hôm nào. Anh nhìn Tâm rồi miễn cưỡng :

— Bây giờ chú tính sao ?

— Em phải trở lại thành phố.

— Chứng nào em đi ?

— Ngay bây giờ.

— Làm gì mà vội thế ? Cơm nước xong rồi hãy đi.

— Khỏi. Sáng sớm em không ăn được.

Tâm đứng dậy, đi thẳng lên nhà trên. Người anh chợt nhớ ra sự việc mẹ vừa nói cách đây mấy hôm, trước khi bà định đi Saigon, và nhất là những lời căn dặn lúc bà hấp hối. Anh nhận ra một trách nhiệm của mẹ đã giao phó, trách nhiệm đối với ba đứa em trai chưa có gia đình. Nhưng hai đứa nhỏ đã tự ý bỏ trường, bỏ gia đình đi đâu biệt tích từ mấy tháng nay, không thơ từ, không tin tức. Chúng không nói một lời gì trước khi ra đi, ngay cả Tâm là người gần gũi chúng, hiểu rõ tâm trạng chúng hơn ai hết cũng không biết được mấy may nào về hành động của chúng. Trong lúc vừa sực nhớ ra. Anh định hỏi với theo xem vấn đề vợ con Tâm tính sao, có thay đổi gì không sau cái chết bất thần của mẹ. Nhưng tiếng phản lực cơ bông bay lượn gây tiếng động chất chứa làm anh phải im lặng chờ đợi.

Từ hơn sáu năm qua anh đã sống bằng sức chịu đựng khủng khiếp, anh đã im lặng chịu đựng như một thanh sắt bị nung đỏ trong lò than, và bị vo tròn đập méo bởi những búa đe thời cuộc. Trước kia anh là người bay nhảy, thích hoạt động, thích phiêu lưu mạo hiểm, dõng dạc nghị lực làm việc. Nhưng kể từ ngày người anh thứ ba bị Cộng sản giết trong giai đoạn chúng thanh toán nội bộ, — một hành

Đường midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

Đường midol trị các chứng đau nhức và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

động hèn hạ, khiếp nhược mà bất cứ đảng Cộng sản nào cũng dùng đến như một cần thiết trong việc củng cố hàng ngũ. Lúc bấy giờ anh nhận thấy tình trạng bất an đe dọa đến nơi, và nhất định nó sẽ không dung tha nếu mình không tìm được lối thoát kịp thời. Anh liền quyết định bỏ cuộc, rút lui và từ đó anh chỉ biết trung thành với chính mình.

Anh ngồi bình tĩnh hút thuốc như một kẻ lỳ lợm không còn biết sợ hãi là gì.

Phải, em có lý: Hãy can đảm bảo rằng chúng ta là những kẻ đã thua cuộc, và hãy坦然 sống với địa vị đó. Anh cũng là kẻ đã thua cuộc, kẻ xuống xe dọc đường, xuống xe trong một cuộc hành trình chưa tới đích, và xuống xe vì một chọn lựa bất buộc, mặc dầu khi xuống xe rồi không biết mình phải quẹo ngã nào, phải hướng về đâu như một đứa trẻ lạc đường, giữa muôn ngàn phân vân, miễn cưỡng trước cánh đồng sương mù vô tận...

Anh đã quay trở về với gia đình, với vợ con, mở một cửa hàng buôn bán phân hóa học, hàng vải và vài thứ phụ thuộc khác. Anh bảo : « Đời mình đã hồng, chẳng còn gì đáng kể. Chỉ còn một chút hy vọng ở những đứa con. » Và tất cả nỗ lực còn lại của anh đều nhằm vào tạo một căn bản sống cho những đứa con đó. Anh hy vọng sau này chúng sẽ tạo được một đời sống khả dĩ hơn, không đến nỗi mất gốc như anh. Nhưng sau một thời gian sống bên vợ con, anh lại bắt đầu cảm thấy sự cô đơn, rời rạc, bị loay hoay với ngàn ấy công việc từ ngày này đến ngày khác. Vô lý và chán nản thật. Anh đề cửa hàng cho người vợ và mấy đứa con trông nom. Anh mua một chiếc tàu đồ và mượn vài người giúp việc chuyên môn. Lần đầu tiên bước xuống tàu, anh có cảm tưởng đời sống chưa đến nỗi chán nản hoàn toàn, mình vẫn còn có thể vá víu khoảng trống còn lại bằng cách thay đổi công việc và hoạt động không ngừng. Nhưng không được bao lâu sau thì thời cuộc lại

Đùng midol

Đị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

biến đổi, cuộc nội chiến lại bùng nổ, con sông bị cấm lưu thông. Anh kéo tàu về năm ụ, và anh cũng trở về đời sống cô độc như con tàu đã tắt máy, lạnh lùng trước thời gian, lạnh lùng với tất cả, ngay đến tình thương đối với những đứa em đi xa như Tâm như Chánh, như Khánh cũng chẳng mấy khi anh nhớ tới. Giờ đây nhìn Tâm sửa soạn ra đi, không hiểu tại sao anh bỗng thấy thương chàng hơn bao giờ hết ; tưởng chừng như anh không thể nào chịu đựng nổi một cuộc chia tay, anh nghe niềm cô đơn lớn dần, anh sợ niềm cô đơn đó, và anh sợ ở lại... Bỗng anh bật khóc thành tiếng. Tiếng khóc thật già nua, thật vụng về, nhưng là tiếng khóc thật, tiếng khóc phát ra từ đáy nguồn của tình thương, của tâm hồn. Có lẽ từ lâu vì sự chịu đựng, dồn nén quá độ, những cảm giác bị chết đi nên anh không khóc được, hoặc khóc thầm, khóc lặng, khóc không ai hay biết, không ai nghe thấy... cho đến bây giờ trong một giây phút nào đó cảm giác bùng sống dậy làm thành tiếng khóc thật tự nhiên, thật cởi mở...

Ngôi nhà rộng tuếch bây giờ tự nó chia ra thành ba thế giới riêng biệt, mỗi thế giới khoác lên mình một sắc thái và mỗi người có mặt trong đó cũng đều mang một tâm trạng, một ý thức khác hẳn nhau.

Mái ngói thủng lỗ chỗ bởi miếng đạn 155 ly, ánh sáng đâm xuyên qua quảng không, thấu xuống sàn gạch trống, thênh thang. Gian nhà trên là nơi thờ phượng, trưng bày và tiếp khách. Gian nhà giữa dùng để tiếp khách phụ, phòng ăn và phòng ngủ. Gian nhà dưới chứa dụng cụ, nấu nướng và rửa thóc.

Tâm đã thay quần áo, mang giày vá xong xuôi. Không gian trở lại im lặng và tiếng khóc của người anh cũng nín bặt. Một tiếng gà buông dài cuối vườn sau nhà. Tâm đứng thờ người trước tủ gương một hồi lâu như để nhìn suốt lại dĩ vãng của gia đình và cả dĩ vãng của riêng mình. Thời gian vù qua mau thật, để lại toàn những thảm cảnh tàn phá đồ nát

Đùng midol

Đị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

CẢNH ĐỒNG SƯƠNG MÙ

Tâm rời khỏi tủ gương, dúi hai tay vào túi quần, bước từng bước thật chậm, lần lượt dán mắt vào từng đường nét già nua trên khuôn mặt của ông bà nội; từng đôi mắt như một phản chiếu thân yêu, trong đó chứa chan muôn vàn nỗi nhủ, muôn vàn nỗi tiếc trên khuôn mặt của ba-mẹ; từng đường nét cương nghị và tia nhìn quắc mẫm như một trút đồ cam thù, như một nhắc nhở ý thức trên khuôn mặt của người anh thứ ba; và từng làn mi cong vút, nụ cười buổi sáng với vành môi mịn và hai hàm răng đều đặn trên khuôn mặt người chị, như một bóng dáng tình yêu với vầng hiện đến, chập chờn bay nhảy, làm tâm hồn rạo rức và khao khát thương yêu.

Mỗi một bức ảnh dẫn đến một tình trạng và một hình ảnh ngày sa rụng một cuộc đời. Nó vẽ lại thật rõ ràng trong trí xua đuổi của Tâm những buổi buồn thảm đó. Những buổi chiều mờ mịt chiến chinh Việt-Pháp. Những buổi chiều tạm thanh bình đất nước còn tang thương xơ xác. Những buổi chiều tiếp nối những buổi chiều... Cho đến những buổi chiều chiến chinh lại bùng nổ, khói lửa lại lan tràn phá hủy, đồn ngã từng thân thể, từng gia đình, từng làng mạc quê hương.

Tại sao cộng sản lại gây chiến?

Tại sao cuộc nội chiến phi nghĩa lại bùng dậy và kéo dài?

Tại sao anh lại bật khóc, tiếng khóc kỳ lạ, em chưa bao giờ nghe thấy!

Ngôi nhà này rồi sẽ bị hủy diệt, mảnh vườn này sẽ hoang tàn, chúng ta sẽ bước từng bước âm thầm riêng rẽ trên chiều hướng vô định, nếu vòm trời Việt-Nam mây đen vẫn còn tiếp tục kéo đến giăng bủa. Mẹ đã nằm xuống, vì sao định hướng cuối cùng trong đêm gối đã rơi rụng, chúng ta phải mò mẫm mà đi. Nhưng đi đâu? Đó là vấn đề thuộc thẩm quyền của anh, của em, mỗi chúng ta là một trả lời tùy theo niềm tin hay nỗi tuyệt vọng.

**midol**

Đi các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

CẢNH ĐỒNG SƯƠNG MÙ

Tâm bước xuống nhà giữa, không một miễn cưỡng đến những thắc mắc tự tại:

— Em đi nghe anh Năm.

— Đi thiệt sao? Ờ! Em cần lấy tiền theo?

— Cần, một ít thôi.

Anh mở tủ lấy tiền. Tâm đi thẳng ra nhà bếp. Người chị dâu đang lui cui thổi cơm và hâm lại các thức ăn. Chị phùng mang thồi lửa, khói tỏa đầy làm đôi mắt chị đỏ hoe. Nghe tiếng giã Tâm, chị quay lại:

— Ủa, chú đi liền sao? Tôi đang lo dọn cơm cho chú ăn đây.

— Em không ăn uống gì được đâu.

— Ít nhiều gì cũng phải ăn bỏ bụng chớ chú.

— Uống một tách cà-phê lúc này là em có thể chịu đựng suốt ngày nay.

— Rồi chừng nào chú về chơi?

— Chưa biết! Lúc nào tiện em về.

— Nay giờ anh Năm có nói gì với chú không?

— Nói gì chị?

Chị áp ứng nhìn Tâm như không thể nói ra được những ý nghĩ của mình. Tâm thần nhiên tiếp:

— Thôi em đi. Rồi em còn trở về. Bây giờ em thấy chưa cần phải tính toán điều gì. Mọi việc gia đình nhờ anh chị tùy cơ mà định liệu.

Tâm bước trở lên nhà giữa lấy tiền, rồi cùng anh bước xuống thềm đi thẳng ra ngõ...

Một khoảng trống im lặng. Tâm nhìn anh thật kỹ rồi bước đi và lần khuất vào ngõ quen.

**midol**

Đi các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1350/BX.T./D.R.D.C.

Cánh đồng rạ khô, bạc phếch lẫn lút dưới những rặng trâm bầu cằn cỗi chạy dài và tiếp nối đến chân trời không cùng. Tâm bước đi bước đi thâu nỗi từng quãng đường, từng cảnh vật, bỏ ngôi nhà xa dần lại phía sau. Ngôi nhà sụp đổ tan tành, bốc cháy như chính Tâm đang chứng kiến một cảnh tượng thật sự đang diễn ra. Con đường cũ, đi tắt, dẫn vào thị trấn có thể dùng xe hai bánh, có động cơ đã bị phá hoại. Một con đường mới, một lối mòn quanh quất qua những khu vườn hoang, rậm rạp và những chiếc cầu khỉ lắc lẻo, bắt tạm, để đi tạm và chính tâm bắt buộc phải đi qua đó.

*

Tâm tỉnh dậy lúc xe đồ đã đến bến An-Đông. Mặt trời đã xế dài. Ánh nắng thật quái ác. Sinh hoạt thành phố vẫn không có gì khác thường, xe cộ tấp nập, tiếng ồn ào không dứt. Khó khăn lắm Tâm mới vẫy được một chiếc taxi.

- Về đâu thầy ?—giọng lão tài xế.
- Quân khu Thủ Đô.
- Chắc thầy là quân nhân ?
- Không. Tôi ở gần đó. Tôi chẳng là gì hết. Ông hỏi làm gì thế?
- Nghe thầy nói về đó, tôi tưởng thầy là lính nên hỏi thăm cho biết.
- Biết làm gì ? Là lính thì sao và không là lính thì sao ?
- Tâm bỗng nhận ra mình câu có vô lý :
- Đùa với ông cho đỡ buồn. Ông cũng vui chứ ?
- Ô ! tôi thì lúc nào mà chả vui.
- Xe đi được một đôi, lão tài xế lại hỏi :
- Thầy không là lính thì chắc phải là công chức ?



Midol

Loại các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÀN TAY CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Tâm hơi khó chịu lão tài xế lằng nhằng, vừa cắt đứt được chuyện này lại hỏi đến chuyện khác. Dù vậy, Tâm cũng trả lời lão cho qua :

- Tôi chẳng làm gì cả ông ạ !
- Sao vậy ?
- Tại tôi thích thất nghiệp.
- Lão nhăn răng cười ha hả như gặp được dịp thích thú.

Tâm bước xuống xe, đi một mạch vào ngõ. Gian phòng nằm khiêm nhường trong xóm hiện lẩn ra. Sự vắng mặt mau hay lâu của Tâm trong gian phòng này không làm cho người chung quanh chú ý. Vì cuộc sống của Tâm coi như không có gì dính dáng, liên hệ với họ. Tâm mở cửa bước vào nhà. Gian phòng trống rỗng.

Tâm bước lại vén bức màn cửa sau. Buổi chiều ulla qua khung cửa đỏ. Những quyển sách nằm rời rạc trên mặt bàn phơi bày nỗi cô đơn vô hạn.

ĐÍNH CHÍNH TRONG PHỔ THÔNG SỐ 172

- Câu danh ngôn ở trang 42:
- Il voyage..., xin đọc là : *Voyage plus vite...* »
- trang 43, câu thơ cuối :
- « Vui lên cho đáng Trời dày vui theo... »
- trang 45, tháp đôi (Tour kmer), xin sửa lại là *Tour Khmer*.
- Bài « Danh từ lằng mạn trong văn chương V.N. » những chữ Pháp Romentique, sửa lại *Romantique*, — Les Classicisme, sửa lại *Le Classicisme* — « chiến tranh » (Hernani), sửa lại « chiến trận » (*La bataille, d'Hernani*).
- trang 69 « nguồn cảm công giáo », xin sửa lại « nguồn cảm tôn giáo ».
- Bài « Tuổi chàng trai nước Việt » trang 79 : *Cogres Indochinois* sửa lại « *Congrès Indochinois* », trang 81 : *Antifascistes.*, sửa lại *Antifascistes...*
- Trang 126 : Đ i VOA : Voice of Amrrerica, xin sửa lại « Voice of America. » Và nhiều lỗi khác, mong quý bạn đọc tự sửa giúp cho.

Thành thật cảm tạ.
PHỔ THÔNG



● **Trả lời cô Tôn nữ Diệu-Linh phi công T.S.N. Saigon —**

Trả lời thơ cô gởi cho Ô: Nguyễn-Vỹ đăng ở P.T. số 171 ngày 1-5-66.

Với mục đích rộng, đường ngôn luận, và thêm tài liệu lịch sử, tôi thiết tưởng nên nói ra đây để cô và độc giả được rõ:

I. — Nguồn gốc chữ Nguyễn Phước và chữ Tôn-thất

a) **Chữ Nguyễn-Phước.** chữ Phước lót sau chữ Nguyễn, sử có chép rằng người đầu tiên mang chữ lót ấy là Chúa Sãi, — Nguyễn vì lý do sau đây: Bà vợ chúa Nguyễn-Hoàng (1525-1613) sinh ra chúa Sãi, tục truyền lúc đang có thai năm mộng thấy có người đem cho Bà một tờ giấy viết nhiều chữ Phước. Đến khi sinh chúa Sãi, Bà định chọn chữ phước đặt tên cho con, nhưng lại nghĩ tốt hơn là dùng chữ phước để làm chữ lót giữa họ và tên thì sau này sẽ có hàng vạn người trong họ Nguyễn được hưởng, như thế hàng vạn người sẽ mang chữ lót Phước. Con cháu theo chúa Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận Hóa được mang chữ quốc tánh là Nguyễn Phước.

Như vậy, người đầu tiên mang chữ Nguyễn phước là chúa Sãi (Vua Gia-long truy thưng huy hiệu Hoàng-đế cho chúa Sãi là Hy tôn hiệu văn Hoàng-đế (1563—1635).

b) **Chữ Tôn thất.** sử chép rằng từ ngày vua Gia Long thống nhứt sơn hà xưng vị Hoàng đế (1802) và khai sáng ra triều Nguyễn cho đến vua Minh Mạng năm thứ 2 (1821) thì người trong Hoàng tộc vẫn xưng quốc tánh là Nguyễn phước.

Đến năm Minh Mạng thứ 3 ngày 28 tháng 5, vua Minh Mạng ban chiếu ra 10 bài thơ ngũ ngôn, mỗi bài 20 chữ cho 10 người con vua Gia long (tức là anh em với vua Minh Mạng, trong ấy có Hoàng tử Cảnh) gọi là *Phiên hệ thi (1)* và một bài 20 chữ cho các

vị hoàng tử con Minh Mạng (trong ấy có Tuy lý Vương Miên-Trinh, là ông cao của ông Bửu-Hội) gọi là *Đế hệ-thi (1)* và hai chữ *Tôn thất*, cho các con cháu của 9 hệ vương trước vua Gia long (từ Nguyễn Kim cho đến Thế tôn Hiếu Võ Hoàng đế) đăng thay thế hai chữ Nguyễn phước xuất hiện từ 1563.

II. **Kết luận** — Qua sự trình bày tóm tắt trên này, quý vị độc giả sẽ hiểu các ông Bửu Hội và Tôn thất Hanh (và còn bao nhiêu ông khác nữa) đã làm việc xáo trộn gia-phả nhà Nguyễn là đúng hay sai, tùy lượng độc giả xét đoán và kết luận.

Tôi chỉ trình ra đây một tài liệu lịch sử của nhà Nguyễn mà thôi.

Lệ Thủy ỨNG CÁN

(1) Tôi sẽ dài dòng về đề tài này nếu có cơ hội

SÂN KHÁU BỘ MỚI SỐ 1

Phát hành ngày 10 - 6

DIỄN ĐÀN CỦA NGƯỜI YÊU CHUỘNG NGHỆ THUẬT MỚI

Chủ nhiệm : LÊ VĂN Tổng thư ký : TRẦN-TUẤN-KIỆT

Chủ bút : HOÀNG SƠN Giám đốc trị sự : PHAN VĂN TÂN

Quản lý : PHAN VĂN TỬ

NƠI TẬP TRUNG KỸ GIẢ KỊCH TRƯỞNG,
NHÀ VĂN NHÀ THƠ DANH TIẾNG

4 truyện dài : Mai Thao ★ Ho Nam ★ Nha Ca ★ Tran Tuan Kiet
2 truyện ngắn : Lê Xuyên ★ Nguyễn Thụy Long
★ Kịch trường Quốc tế : QUAN THỨC — THANH VIỆT
THANH — NGUYỄN THÀNH PHÁ

■ **BÀI VỞ KỊCH TRƯỞNG, SƯU TẬP, DỊCH THUẬT :**
Bà AI LAN — KIẾN GIANG — LAN ĐÌNH — LÊ THƯỜNG
TRẦN ĐỨC UYÊN — TRẦN DA TỬ — NHỊ THU — NGUYỄN
KHẮC NHÂN — NGUYỄN THU MINH — NGUYỄN VƯƠNG
TRẦN HOÀI — HUỲNH KỶ — HOÀI NAM — BẠCH VÂN — TRẦN
QUÂN — TRỌNG TÁU — NGUYỄN VIỆT — KIỀU MỘNG THU
LÊ VĂN — SA GIANG — HOÀNG SƠN — MẠC TƯỜNG — NGHIÊU
ĐỀ — THẨM THỆ HẠ — LINH TRANG — ĐỘNG ĐÌNH HỒ

ĐÁP BẠN BÓN PHƯƠNG

* Trung-Úy Thành, KBC 6029

17-2-1937 = 07 tháng Giêng năm Đinh-Sửu. Tuổi con Trâu.

● Bạn Nguyễn-hoài-Vương, Qui-nhơn

Bạn nên hỏi ngay tại ty Trung-học tỉnh, nơi mà bạn đã thi đậu cấp bằng.

● Trung-sĩ Huỳnh Đức KBC 4311

— « Văn kỳ thanh, nhi bất kiến kỳ hình » nghĩa là nghe tiếng người mà không thấy hình-dáng người. Nghe nói đến tên mà chưa thấy mặt.

— 13-5-Ất-Hợi=13-6-1935, — 11-4-Nhâm-ngọ=25-5-1942

25-4-Mậu-dân = 24-5-1938, — 25-4-Quý-dậu = 19-5-1933

24-10-Tân-Mùi=3-12-1931

● Ô Ng. h. Nghi, Trần Bình Trọng—Saigon

— Người trí-thức, theo đúng nghĩa của nó là người có học nhiều biết nhiều, có một căn-bản văn-hóa tổng quát khá vững. Không phải căn-cứ trên bằng cấp, trên sự xuất-dương, trên số tác phẩm đã sáng tác, mà điều-kiện chân-chính của người trí-thức, là tác-phong xứng đáng với giá trị tinh thần của họ.

— Danh-từ « thi sĩ » là do xã hội gán cho người làm thơ có chân-tài. Nhà làm thơ không bao giờ vỗ ngực tự xưng mình là Thi-sĩ.

— Tao đàn Bạch-ngà ra đời năm 1934.

— Trần-đức-Thảo là một Thạc-sĩ triết-học. Sự ông ấy có lần tranh-luận với J. P. Sartre, là đúng.

— Tập Thơ « Hoang Vu » của N. V. xuất bản năm 1962, hiện nay không còn.

— Muốn tự học Hán văn, một quyền tự-diễn Đào-Duy-Anh có thể đủ được, nhưng không thể học được.

— Coventry không phải là một động-từ, mà là một danh-từ. Không phải nghĩa là « détruire ». Chỉ dùng trong thành-ngữ : to send to Coventry=bất-phật (phật người lính thiếu kỹ-luật, một cậu học-trò lười, hỗn, một đứa con nít không ngoan-ngoãn, nghịch-ngợm. v. v...). Tiếng Pháp là : mettre en quarantaine.

● — Tạp-chí Phổ Thông có từ năm 1952, bị ngưng một thời-gian rồi tái bản ngày 1-11-1958.

— Cô Diệu Huyền ít đến tòa soạn. Muốn hỏi gì, xin ông viết thư.

đón đọc :

HOA NANG

TẠP-CHÍ ĐẶT LẠI CĂN NGUYÊN TƯ-TƯỞNG ĐÔNG TÂY

phụ trách mỹ-thuật : họa sĩ **VĨNH AN**

thư ký tòa soạn : cô **PHƯƠNG ANH**

chủ trương biên tập : **NGUYỄN THÁI**

và **PHẠM CÔNG THIÊN**

Phát hành trong tháng 5, với sự cộng tác của những người ở Paris qua các bài :

- Đánh giá tư-tưởng phá-sản của Arthur Koestler
- Đánh giá thần học phá-sản của Albert Schweitzer
- Đánh giá sự học-văn phá-sản của Nguyễn văn Trung (phê-bình luận án tiến-sĩ triết-học)
- Bất tạo động của tư-tưởng
- Đặt lại nguyên-thể của chính-trị
- Triết-lý của Việt-Nam và cho nhân-loại kể từ 10 năm sau
- Trời tháng Tư (tiểu thuyết)
- Mặt trời đầu hạ (tiểu thuyết)
- và nhiều truyện ngắn, thơ, kịch khác...

Thư tư bài vở xin gửi về : Cô **PHƯƠNG-ANH** 8, rue Guy de la Brosse PARIS 5^e (France).

CÁC BẠN MUỐN TÌM HIỂU GIÁO LÝ ĐỨC PHẬT, SINH HOẠT CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO THỐNG NHẤT Ở MIỀN TRUNG

hãy tìm đọc :

LIÊN HOA
nguyệt san

Tòa soạn : 66 đường Chi Lăng — Hộp thư 24 Huế



GLUCOCÉ
TÉVÉTÉ
KEO SINH TỐ
CHỐNG MỆT-MỎI THỂ XÁC và TRÍ-OC
NGỪA NHIỄM-DỘC VI-TRÙNG
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM THUỐC ĐÚC



POLYVIT C_a
TÉVÉTÉ
DẪN BÀ DƯỠNG-THAI và THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-OT, CHẠM MỐC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và TIỆM THUỐC ĐÚC

Gần Đến kinh kỳ, Bận hân đã dượt, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống :
Lời Công Hoàn « ÔNG TIÊN ». Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt
Saigon 228 Lê-hánh-Tôn. Nhà thuốc «**Ông Tiên**» Phú-Lâm Cholon
K.N. BYT. số 1 — 9-5-63

Phong Ngứa, Chê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó
không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà
Giải Phong Sát-Độc-Hoàn «**ÔNG TIÊN**»
30 năm sáng lập. Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt.
Nhà thuốc **Ông Tiên** Phú-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những
tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chính :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hay hỏi thăm liên chớ ngần ngại. Mọi sự
dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

Nhà hàng ĐAI - LẠ - THIÊN

Điện thoại số 26.893

31-33 Đường Lân-Ông CHỢ LỚN

- Đặt-biệt các món ăn Tiều
- Sạch-sẽ, vệ-sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không-khí

Ở lâu 3 lộ-hiền có không-khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy-hoàng diễm-ào

EM NHỎ NÔNG!

Thuốc Ban Hông Kim Quan

NHA THUỐC TÂY

SỐ 260 ngày 20-6-63

KINH-LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ—Saigon

Điện-thoại 23. 187



Phạm-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géomètre — Expert

373, Phan-thành-Giản

SAIGON

Giấy phép số 292 CDV/TT/ND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

KD- 1319 ngày 1-6-66